THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

TỈNH QUẢNG TRỊ

CHÀO MỪNG NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20/11

XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN

NGHIÊN CỨU THỰC TẾ VÀ TỔNG KẾT THỰC TIỄN

11/2022

Đại biểu chụp ảnh lưu niệm cùng toàn thể cán bộ, viên chức nhà trường tại Hội nghị công bố Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn ngày 19/9/2022. Ảnh TL.

Đồng chí Nguyễn Đăng Quang - Phó Bí thư TTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh tặng hoa chúc mừng đồng chí Dương Hương Sơn được bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng. Ảnh: TL

Lãnh đạo Nhà trường và Ban Cán sự lớp Cao cấp LLCT khóa 13 tặng hoa đồng chí Võ Văn Hưng, Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị nhân dịp đồng chí đến báo cáo tình hình phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh tại lớp học. Ảnh: TL.

11.2022

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

CHÀO MỪNG NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20/11
XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN
NGHIÊN CỨU THỰC TẾ VÀ TỔNG KẾT THỰC TIỄN

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
TS. Dương Hương Sơn, Hiệu trưởng

BAN BIÊN TẬP
TRƯỞNG BAN
TS. Dương Hương Sơn
PHÓ TRƯỞNG BAN
ThS. Ngô Thị Thu Hà

ỦY VIÊN
ThS. Trần Hoàng
ThS. Hoàng Tiến Dũng
ThS. Nguyễn Quốc Thanh
ThS. Nguyễn Thị Hồng Sâm

THƯ KÝ
ThS. Trần Hữu Hòa

Ảnh bìa 1: Trường Chính trị Lê Duẩn tổ chức Hội thảo khoa học: "Triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị". Ảnh: Nguyễn Chung

Giấy phép xuất bản số: 11/GP-STTTT do Sở TT&TT tỉnh Quảng Trị cấp ngày 25/10/2022.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 11/2022.

MỤC LỤC

Trang

THÔNG TIN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

Dương Hương Sơn
Tiếp tục rà soát tiêu chí, tham mưu cấp có thẩm quyền đề án, kế hoạch xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt trường chính trị chuẩn vào năm 2025 03

Ngô Thị Thu Hà
Các chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XI, nhiệm kỳ 2022-2025 08

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Trần Hoàng
Viết tiếp khúc quân hành, tự hào và tỏa sáng phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" 11

Hoàng Tiến Dũng
Một số kinh nghiệm về thể chế hóa, cụ thể hóa phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" của tỉnh Quảng Trị trong những năm qua 13

Nguyễn Thị Hồng Sâm
Quảng Trị biến bất lợi thành lợi thế - Nhìn từ bức tranh năng lượng 16

Nguyễn Quốc Thanh
Những điểm mới về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vận dụng vào giảng dạy Chương trình Trung cấp lý luận chính trị 18

Nguyễn Sung
Những đề xuất trong quán triệt, thực hiện Kết luận số 14-KL/TW của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung. 21

Lê Thị Thu Huyền
Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại Việt Nam, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng 24

Trần Thiên Tú
Kinh tế học tư sản cổ điển - Tiền đề lý luận cho học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác 29

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Trần Đức Dương
Tư tưởng V.I.Lênin về phương pháp ứng xử với tôn giáo 33
Cao Thị Hà
Vấn đề xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 36
Đinh Thị Thu Hoài
Tìm hiểu về nội dung tư tưởng chính trị "Dân là gốc" trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (1954-1975) 41
Trần Văn Toàn
Tăng cường học tập lý luận chính trị - giải pháp cơ bản bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay 45
Dương Thị Châu Phụng
Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội 50
Nguyễn Hải Lý
Chế độ tham dự của tư bản tài chính và việc vận dụng trong cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam 54
Nguyễn Thị Diệu Hằng
Một số điểm mới của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 57
Hoàng Thị Thu
Xây dựng con người Việt Nam theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh 62
Trần Thanh Thủy
Những chỉ đạo đúng đắn, sáng tạo của Tổng Bí thư Lê Duẩn qua tác phẩm "Thư vào Nam" 67
Lê Thị Huyền
Vận dụng quan điểm Đại hội lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy "Bài 2. Chính quyền địa phương ở Việt Nam" 70
Phạm Thị Như Quỳnh
Tìm hiểu quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát huy nhân tố con người trong xây dựng chủ nghĩa xã hội 73
Nguyễn Thị Chính
Tìm hiểu quan điểm "Dân là gốc" trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam 78

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

Lê Thị Tường Anh
Cải cách chế độ công vụ, nhằm nâng cao hiệu quả cải cách hành chính ở tỉnh Quảng Trị hiện nay 82
Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kinh nghiệm bước đầu trong việc giảng dạy phần học những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử theo Quyết định số 292/QĐ-HVCTQG ngày 20/01/2021 85
Phạm Xuân Ngọc
Công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Trị hiện nay 87
Lê Thị Thanh Nhạn
Nâng cao hiệu quả hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giữa tỉnh Quảng Trị với 2 tỉnh Salavan và Savannakhet - Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 91

TIN TỨC - SỰ KIỆN

Trần Hữu Hòa
Công bố Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị 94
Các chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn tổ chức thành công Đại hội nhiệm kỳ 2022 - 2025 94
Hội thi Giảng viên lý luận chính trị giỏi khu vực II (Miền Trung - Tây Nguyên) năm 2022 95
Giao lưu và trao tặng Tạp chí Cửa Việt cho học viên Lớp Trung cấp Lý luận chính trị Lào khóa XI tại Trường Chính trị Lê Duẩn 95
Trường Chính trị Lê Duẩn tổ chức Hội thảo khoa học: "Triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị 96

TIẾP TỤC RÀ SOÁT TIÊU CHÍ, THAM MƯU CẤP CÓ THẨM QUYỀN ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN ĐẠT TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN VÀO NĂM 2025

TS. DƯƠNG HƯƠNG SƠN
Hiệu trưởng

Trên cơ sở Thông báo số 186-TB/TU ngày 11/11/2021 của Thường trực Tỉnh ủy Quảng Trị tại buổi làm việc với Trường Chính trị Lê Duẩn, ngày 20/7/2022 Trường Chính trị Lê Duẩn đã có Tờ trình về việc phê duyệt Đề án "Xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt trường chính trị chuẩn", trong đó dự kiến đến 2025 Trường phấn đấu đạt chuẩn mức 1, đến năm 2030, chậm nhất là 2032 phấn đấu đạt chuẩn mức 2 theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư "về trường chính trị chuẩn".

Thực hiện Thông báo số 186-TB/TU, Ban Giám hiệu Nhà trường đã chỉ đạo Tổ xây dựng Đề án, các bộ phận liên quan tiến hành rà soát lại các tiêu chí, đánh giá đúng thực trạng để tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy có cơ sở thẩm định và phê duyệt Đề án. Trên cơ sở các định mức, tiêu chuẩn được xác định tại Quy định số 11-QĐ/TW và theo Công văn số 739-CV/HVCTQG ngày 08/7/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, với 6 nhóm tiêu chí và 02 mức chuẩn, sau khi rà soát đến thời điểm 20/9/2022:

- Chuẩn mức 1: Nhà trường đạt 40/56 tiêu chí, chiếm 71,4%. Các tiêu chí không đạt bao gồm:

+ Về đội ngũ cán bộ, viên chức: Trình độ chuyên môn đối với lãnh đạo chưa đạt (Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn có trình độ tiến sỹ); thiếu Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; trình độ cao cấp lý luận chính trị (đối với giảng viên - giảng viên sau 07 năm về trường phải có bằng Cao cấp lý luận chính trị); tỷ lệ giảng viên/ tổng số cán bộ, viên chức (75%); ngạch giảng viên chính và đội ngũ giảng viên thỉnh giảng (60%).

+ Về hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn: Nhóm tiêu chí này Nhà trường chỉ đạt 02/9 tiêu chí. Các tiêu chí không đạt chủ yếu thiếu số lượng đề tài khoa học cấp tỉnh (05 năm 3 đề tài), hội thảo khoa học cấp tỉnh (05 năm 3 hội thảo), đề tài khoa học cấp cơ sở (1 năm 3 đề tài), hội thảo khoa học cấp cơ sở (03 hội thảo/ năm), sách (03 cuốn/ 5 năm) và số lượng Bản tin Thông tin lý luận và thực tiễn (03 bản/1 năm).

+ Về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính: Nhóm tiêu chí này Nhà trường có 01 tiêu chí không đạt là diện tích khuôn viên của Nhà trường (4.950m^2/ 20.000m^2).

- Chuẩn mức 2: Nhà trường đạt 36/67 tiêu chí chiếm 53,7%. Các tiêu chí không đạt tương tự ở chuẩn mức 1 nhưng yêu cầu cao hơn và thêm các tiêu chí về thi đua của Nhà trường và các tổ chức trong Nhà trường, bao gồm:

+ Về đội ngũ cán bộ, viên chức: Trình độ chuyên môn là tiến sỹ, giữ ngạch giảng viên cao cấp (hoặc tương đương) đối với Ban Giám hiệu; lãnh đạo khoa, phòng (50% có trình độ tiến sỹ); thiếu Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; trình độ cao cấp lý luận chính trị (đối với giảng viên - giảng viên sau 07 năm về trường phải có bằng Cao cấp lý luận chính trị); tỷ lệ giảng viên/ tổng số cán bộ, viên chức (80%); ngạch giảng viên chính và đội ngũ thỉnh giảng.

+ Về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng: Chưa thực hiện đúng, đủ các chương trình được giao; tỷ lệ lớp trung cấp lý luận chính trị tập trung/ không tập trung chưa đạt.

+ Về hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn: Nhóm tiêu chí này Nhà trường chỉ đạt 02/9 tiêu chí. Các tiêu chí không đạt chủ yếu thiếu số lượng đề tài khoa học cấp tỉnh (05 đề tài/ 5 năm), hội thảo khoa học cấp bộ (01 hội thảo/ 5 năm), hội thảo khoa học cấp tỉnh (03 hội thảo/ 5 năm), đề tài khoa học cấp cơ sở (03 đề tài/ 1 năm), hội thảo khoa học cấp cơ sở (03 hội thảo/ năm), sách (05 cuốn / 5 năm) và số lượng Bản tin Thông tin lý luận và thực tiễn (05 bản tin/1 năm).

+ Về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính: Nhóm tiêu chí này Nhà trường có 01 tiêu chí không đạt là diện tích khuôn viên của Nhà trường (4.950m^2/ 30.000m^2).

+ Ngoài ra về nhóm xây dựng văn hóa trường đảng các tiêu chuẩn phải theo yêu cầu là: Nhà trường, tổ chức Đảng, đoàn thể trong 5 năm phải hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có bằng khen điển hình trong thực hiện văn hóa công sở; có mô hình điển hình trong phong trào thi đua;…

Tuy Nhà trường chỉ đạt 40/56 tiêu chí chiếm 71,4% chuẩn mức 1 và đạt 36/67 tiêu chí chiếm 53,7% chuẩn mức 2 nhưng đánh giá tính khả thi về việc đạt chuẩn, nhất là chuẩn mức 1 vào năm 2025, Ban Giám hiệu, Tổ xây dựng Đề án xác định Trường có khả năng và phân thành 04 nhóm tiêu chí từ dễ đến khó thực hiện để đề xuất giải pháp:

(1). Những tiêu chí Nhà trường không đạt không rơi vào những tiêu chí quá khó thực hiện trong 2 - 3 năm như: Tỷ lệ đội ngũ giảng viên trên tổng số viên chức hiện tại là 69%, yêu cầu là 75% chuẩn mức 1; chuẩn mức 2 là 80%. Trình độ chuyên môn thạc sỹ, tiến sỹ: Hiện tại thạc sỹ là 24/28 giảng viên (86%), đạt chuẩn mức 1, trong đó có 03 cử nhân đang học cao học, 01 cử nhân vừa tuyển dụng năm 2021 nên có thể đạt tiêu chuẩn mức 2 (90%); ngạch giảng viên, giảng viên chính (18 giảng viên chính/28 giảng viên, 64,2% đạt chuẩn mức 1);…

(2). Những tiêu chí chưa thực hiện được chủ yếu do thiếu cơ chế và nguồn kinh phí để thực hiện như: Hội thảo cấp tỉnh, đề tài cấp tỉnh, đề tài cấp trường; thực hiện đầy đủ các chương trình bồi dưỡng;..

(3). Một số tiêu chí do quy định mới cao hơn so với trước đây trong xây dựng kế hoạch hàng năm như: Bản tin, đề tài khoa học cấp cơ sở, tọa đàm, hội thảo cấp trường.

(4) Những tiêu chí mà Trường không thể đạt được nếu không có sự quan tâm, quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo và sự tạo điều kiện của các cơ quan hữu quan:

Thứ nhất, thực hiện đúng, đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được giao.

Thứ hai, diện tích khuôn viên của Nhà trường.

Thứ ba, số lượng các công trình khoa học cấp tỉnh, hội thảo khoa học cấp tỉnh.

Thứ tư, trình độ chuyên môn tiến sỹ của đội ngũ lãnh đạo nhà trường; lãnh đạo, quản lý các khoa, phòng; đội ngũ giảng viên (hiện tại Nhà trường có 02 tiến sỹ và 01 nghiên cứu sinh/ 28 giảng viên); ngạch giảng viên cao cấp khi xây dựng chuẩn mức 2 (hiện tại chưa có giảng viên nào ở ngạch giảng viên cao cấp); đội ngũ thỉnh giảng hiện tại chưa có.

Trên cơ sở phân tích tính khả thi trong thực hiện các nhóm tiêu chí này, Ban Giám hiệu, Tổ xây dựng Đề án đề xuất 03 nhóm giải pháp cơ bản nhằm phấn đấu đến năm 2025 Trường Chính trị Lê Duẩn đạt chuẩn mức 1:

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao nhận thức.

Cần xác định rõ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là giải pháp hàng đầu trong chiến lược cán bộ trong giai đoạn cách mạng mới. Đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là đầu tư cho sự phát triển bền vững; là nhiệm vụ của Đảng, chính quyền các cấp. Do đó, Nhà trường đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất quan điểm và quán triệt các cấp, ngành trong tỉnh:

- Việc xây dựng cơ sở đào tạo bồi dưỡng cán bộ của Đảng, của hệ thống chính trị của tỉnh là trách nhiệm của các cấp, ngành, địa phương trong tỉnh mà cao nhất là Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Trường Chính trị Lê Duẩn với vị trí, chức năng, nhiệm vụ được Ban Bí thư, Tỉnh ủy quy định là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ duy nhất của tỉnh, do đó các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thuộc thẩm quyền Nhà trường phải giao Nhà trường thực hiện và trách nhiệm của Nhà trường phải tự nâng cao năng lực và tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy để thực hiện tốt các nhiệm vụ đó. Tránh tình trạng chỉ coi trọng bằng cấp dẫn đến việc đào tạo, bồi dưỡng không đảm bảo chất lượng, tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Đặc biệt, cần tránh cách làm manh mún, thiếu tính hệ thống trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt trường chính trị chuẩn không phải là giải pháp trước mắt, tình thế mà là vấn đề có tính chiến lược, lâu dài của tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, cán bộ của tỉnh.

- Đối với Nhà trường, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các tổ chức trong Nhà trường phải phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến cán bộ, đảng viên các quan điểm, mục tiêu được xây dựng trong Đề án để thống nhất trong hành động. Các bộ phận, khoa, phòng, các tổ chức trong Nhà trường trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ phải rà soát, xây dựng thành các kế hoạch cụ thể để hoàn thành mục tiêu đề ra. Có cơ chế để động viên, khích lệ, có chế độ khen thưởng phù hợp đối với khoa, phòng, cán bộ giảng viên tích cực tham gia xây dựng, hoàn thành mục tiêu của Đề án. Đồng thời, kiên quyết xử lý các bộ phận khoa, phòng chây ỳ, thiếu tích cực, kiên quyết trong thực hiện Đề án, nhất là các tiêu chí cụ thể đối với từng chức danh (lãnh đạo, quản lý, giảng viên) theo quy định.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đồng bộ các tiêu chí về trường chính trị chuẩn

Thứ nhất, tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, quy định.

Thứ hai, về đội ngũ cán bộ, viên chức.

- Nâng tổng số lượng viên chức của Nhà trường, trong đó chú trọng đến công tác tuyển

dụng mới giảng viên; bố trí giảng viên kiêm nhiệm từ Ban Giám hiệu, các phòng để đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ theo quy định.

- Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, nhất là giảng viên trên 04 tiêu chí: Trình độ chuyên môn; trình độ lý luận chính trị (cao cấp); thăng hạng ngạch giảng viên và bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ ba, về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

Tiếp tục tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ xây dựng và thực hiện các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Tỉnh, bảo đảm đúng quy định của Trung ương về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các trường chính trị cấp tỉnh trên toàn quốc với nguyên tắc tập trung, thống nhất một đầu mối, mang tính chuyên môn, chuyên nghiệp. Tăng cường các lớp tập trung tại Trường.

Thứ tư, về hoạt động nghiên cứu thực tế, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Quán triệt nghiêm túc chức năng, nhiệm vụ quan trọng đối với trường chính trị cấp tỉnh là giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Để đạt tiêu chuẩn về nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn trên cơ sở thực trạng, khả năng, Nhà trường tiếp tục đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các cơ quan hữu quan tạo điều kiện để Nhà trường có nguồn kinh phí để thực hiện các đề tài khoa học, hội thảo khoa học. Theo hướng:

- Đặt hàng đối với đề tài khoa học, hội thảo khoa học cấp tỉnh.

- Tăng nguồn kinh phí ngân sách hàng năm cho các hoạt động nghiên cứu đề tài khoa học cấp cơ sở, hội thảo cấp trường; xuất bản Bản tin (do tăng về số lượng).

Thứ năm, về xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương.

Tiếp tục xây dựng và cụ thể hóa Quy định số 11-QĐ/TW về xây dựng văn hóa trường đảng thành các tiêu chí, chuẩn mực cụ thể. Đẩy mạnh các phong trào thi đua trong giảng dạy, phục vụ; tham gia đầy đủ có hiệu quả các phong trào thi đua của cấp trên phát động, phấn đấu đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:

- Xây dựng văn minh công sở, văn hóa trường đảng: Tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện Quyết định số 5029/QĐ-HVCTQG ngày 26/10/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quy định về ứng xử văn hóa của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xây dựng kế hoạch hàng năm triển khai Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 14/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ "Về việc ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở" giai đoạn 2019 – 2025", Kế hoạch số 3741/KH-UBND Ngày 16/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị "Tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở" giai đoạn 2019 - 2025" thành các phong trào thiết thực, cụ thể trong toàn trường.

- Xây dựng hình ảnh người giảng viên, học viên trường đảng mẫu mực, lấy tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh làm chuẩn mực trong công tác, trong rèn luyện phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của mỗi cán bộ, giảng viên và học viên.

- Tham gia đầy đủ các phong trào thi đua do các cấp phát động. Chú trọng phối kết hợp giữa Nhà trường và các tổ chức trong Nhà trường, đặc biệt là tổ chức Công đoàn trường, xây dựng các phong trào thi đua phù hợp với đặc thù công tác chuyên môn.

Thứ sáu, về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, tài chính.

Đề xuất, tham mưu với Tỉnh ủy về địa điểm, cơ sở vật chất và tài chính phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, có lộ trình để đề xuất HĐND tỉnh đưa vào đầu tư công trung hạn giai đoạn 2025-2030. Trước mắt bố trí trụ sở đáp ứng tiêu chí chuẩn về diện tích để đến 2025 đạt trường chính trị chuẩn mức 1.

Trên cơ sở dự kiến về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; đội ngũ cán bộ, giảng viên; số lượng học viên học tập trung tăng Nhà trường dự kiến cơ sở vật chất phục vụ như: Khối nhà hiệu bộ; Khối giảng đường; Thư viện; Khối nhà nội trú; Khối hội trường; Khối nhà thể thao đa năng; Khối nhà để xe;…

Về tài chính, tiếp tục thực hiện là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, của Chính phủ.

3. Nhóm giải pháp kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết

Đề án được thông qua là văn bản có tính chính trị - pháp lý quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh, do đó, Ban Giám hiệu, tổ xây dựng đề án đề xuất thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện Đề án, thành viên do Ban Tổ chức tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định. Ban Chỉ đạo vừa có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các thành viên xây dựng các kế hoạch, các cơ quan hữu quan để triển khai, thực hiện đồng thời giám sát, kiểm tra việc thực hiện đó. Tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết các công việc và trình cấp có thẩm quyền thẩm định khi Đề án hoàn thành.

Trường Chính trị Lê Duẩn đã được đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương xây dựng Đề án phát triển đến năm 2030, trong đó chú trọng xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt trường chính trị chuẩn. Trên cơ sở Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn, đặc biệt Nghị quyết số 21-NQ/ĐU ngày 30/6/2022 Đảng ủy Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy Học viện trong việc triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn", Trường Chính trị Lê Duẩn xác định việc xây dựng trường chính trị chuẩn là yêu cầu bức thiết trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và đã được Ban Bí thư quy định. Do đó, việc xây dựng Đề án để triển khai là trách nhiệm phải thực hiện. Từ thực trạng của Nhà trường và các mục tiêu đề ra, với sự quyết liệt trong chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự nhận thức đúng đắn, quan tâm của các ban, sở ngành trong tỉnh, sự nỗ lực, quyết tâm của tập thể Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các tổ chức và đội ngũ viên chức của Nhà trường Đề án xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt trường chính trị chuẩn hoàn toàn có thể thực hiện, có tính khả thi đến năm 2025 đạt chuẩn mức 1 và đến năm 2030 (chậm nhất là 2032) có thể đạt chuẩn mức 2./.

CÁC CHI BỘ TRỰC THUỘC ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN QUYẾT TÂM THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ XI, NHIỆM KỲ 2022-2025

ThS. NGÔ THỊ THU HÀ
Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Hiệu trưởng

Hội nghị trực tuyến quán triệt, nghiên cứu và học tập tác phẩm "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Ảnh: TL.

Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn có 3 chi bộ trực thuộc: Chi bộ Liên Khoa, Chi bộ Đào tạo - Khoa học, Chi bộ Hành chính với tổng số 38 đảng viên. Trong nhiệm kỳ qua, từ định hướng đúng đắn, lãnh đạo sâu sát của Đảng ủy, các chi bộ trực thuộc đã bám sát chủ trương, quyết tâm và động viên cán bộ , viên chức thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Trong nhiệm kỳ, đảng viên các chi bộ thực hiện nhiệm vụ mà Nhà trường giao đã đào tạo 28 lớp trung cấp lý luận chính trị 34 lớp bồi dưỡng với nhiều loại hình khác nhau, như đào tạo tập trung dành cho cán bộ cơ sở, cán bộ là người dân tộc ít người theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đào tạo không tập trung đối với cán bộ các sở, ban, ngành. Nhà trường còn thực hiện các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị đối với cán bộ, công chức, viên chức của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân tỉnh và một số đơn vị có liên quan.

Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị đã góp phần giúp cán bộ, đảng viên nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ vững bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, giúp người học đổi mới tư duy và hành

động trong công tác phù hợp với quy luật khách quan. Chính vì vậy, đội ngũ cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị đã phát huy năng lực, trách nhiệm, gắn bó với Nhân dân, có ý chí vươn lên, quyết tâm thực hiện mục tiêu các nghị quyết của Đảng.

Xác định giảng dạy phải đi đôi với nghiên cứu khoa học, Chi bộ Liên Khoa, Chi bộ Đào tạo - Khoa học đã chú trọng công tác nghiên cứu với nhiều hình thức như: Đề tài khoa học cấp khoa, cấp trường và tổ chức tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học gắn lý luận với thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học đáp ứng yếu cầu trường chính trị chuẩn.

Trong nhiệm kỳ, các chi bộ trực thuộc xác định công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của công tác xây dựng Đảng nên cấp ủy các chi bộ trực thuộc tổ chức chặt chẽ việc nghiên cứu, học tập, quán triệt các nghị quyết Trung ương khóa XIII. Triển khai thực hiện Kết luận số 01- KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05 - CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về đẩy mạnh "*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*", Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XIII) về "*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa*" và Quy định số 37-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm. Chính vì làm tốt công tác chính trị tư tưởng, nên các chi bộ đã hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

Trên cơ sở lãnh đạo của Đảng uỷ, cấp ủy các chi bộ đã quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới" đối với toàn thể đảng viên của các chi bộ. Từ đó, đội ngũ đảng viên nhận thức sâu sắc, giữ vững bản lĩnh chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chủ động phòng ngừa, phê phán nhận thức lệch lạc, kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch.

Những thành tích nổi bật trong nhiệm kỳ 2020 - 2022, tạo tiền đề và động lực để các chi bộ tiếp tục phát huy, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội chi bộ lần thứ XI nhiệm kỳ 2022 - 2025. Với quyết tâm chính trị, không ngừng nâng cao trách nhiệm, các chi bộ xác định khẩu hiệu hành động nhiệm kỳ 2022 - 2025 phù hợp với chức năng nhiệm vụ của mình: Chi bộ Liên Khoa với chức năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học thì Cấp ủy xác định: "*Phát huy dân chủ, tiên phong, đoàn kết, đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy, xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt trường chính trị chuẩn vào năm 2025*"; Chi bộ Đào tạo - Khoa học xác định: "Đoàn kết - Đổi mới - *Sáng tạo - trong quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt trường chính trị chuẩn vào năm 2025*"; Chi bộ Hành chính xác định: "*Phát huy dân chủ, tiên phong, đoàn kết, đổi mới, nâng cao chất lượng phục vụ các hoạt động của nhà trường, xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt trường chính trị chuẩn vào năm 2025*" nhằm thực hiện mục tiêu Trường Chính trị Lê Duẩn đạt chuẩn vào năm 2025.

Để phát huy tốt vai trò lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2022 - 2025, cấp ủy các chi bộ cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, cấp ủy 3 chi bộ tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đây là giải pháp cơ bản, đầu tiên nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị của đảng viên trường Đảng. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được thực hiện bằng nhiều hình thức thích hợp, kịp thời để quán triệt đầy đủ và sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về "*tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản*

bác các quan điểm sai trái thù địch trong tình hình mới".

Hai là, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc trong sinh hoạt Đảng, trong đó chú trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, đây là nguyên tắc quyết định sức mạnh của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ dân chủ phải đi đôi với tập trung, phải kiên quyết thực hành kỷ luật. Củng cố và đề cao vai trò của các chi bộ trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn phù hợp với đặc thù của các khoa, phòng. Thông qua sinh hoạt chi bộ định kỳ và sinh hoạt chuyên đề, mỗi đảng viên phát huy tính sáng tạo, tinh thần dân chủ đóng góp ý kiến đối với các vấn đề liên quan. Đảng viên và giảng viên Trường Chính trị Lê Duẩn luôn thấm nhuần lời dạy của Bác và thực hiện theo phương châm "*Mỗi giảng viên là một tấm gương về đạo đức, mỗi học viên là tấm gương về tự học và sáng tạo*".

Ba là, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhất là Chi bộ Liên Khoa - Đây là chi bộ nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đảng viên nghiên cứu nội dung nghị quyết và vận dụng vào chuyên đề mà mình giảng dạy phù hợp, đảm bảo tính khoa học, tính khách quan, tính Đảng.

Bốn là, tiếp tục tổ chức thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 về thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chủ đề từng năm. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác sinh hoạt chi bộ, tăng cường sinh hoạt chuyên đề. Tổ chức có hiệu quả Diễn đàn sinh hoạt chi bộ gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW và các nghị quyết của Đảng.

Năm là, các chi bộ bám sát nội dung nghị quyết và chương trình hành động toàn khóa để thực hiện. Mục tiêu xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt chuẩn vào năm 2025.

Đối với Chi bộ Liên Khoa, giảng viên thực hiện hai nhiệm vụ cơ bản giảng dạy và nghiên cứu khoa học góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Quán triệt giảng viên bám sát Cương lĩnh, đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Lồng ghép Nghị quyết số 35 vào giảng dạy nhằm nâng cao nhận thức của người học về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong tình hình mới.

Đối với Chi bộ Đào tạo - Khoa học, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý đào đạo, nghiên cứu thực tế của giảng viên và học viên. Quản lý công tác nghiên cứu các đề tài khoa học cấp cơ sở, đề tài cấp tỉnh và các tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học theo quy định. Bên cạnh đó, viên chức Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học chủ yếu là giảng viên, vì vậy cần bố trí thời gian hợp lý để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy theo quy chế giảng viên.

Đối với Chi bộ Hành chính, viên chức thường xuyên học tập, nâng cao trình độ đi liền với rèn luyện tay nghề trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Đồng thời, phát huy tính chủ động của từng cán bộ, đảng viên để làm tốt chức năng tham mưu trên các mặt công tác về tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Nhà trường trong giai đoạn mới.

Nhiệm kỳ 2022 - 2025, các chi bộ trực thuộc tiếp tục thực hiện nghị quyết của Đại hội lần thứ XI của Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn nhiệm kỳ 2020 - 2025, hướng đến Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVIII (2025), kỷ niệm 80 năm thành lập Trường Chính trị Lê Duẩn (10/9/1945 - 10/9/2025). Trên cơ sở lãnh đạo của Đảng ủy, các cấp ủy chi bộ trực thuộc sẽ phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị của mình, chỉ đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội chi bộ nhiệm lỳ 2022 - 2025 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra. Xây dựng Nhà trường ngày càng phát triển vững mạnh, xứng đáng là mái trường cách mạng mang tên Tổng Bí thư Lê Duẩn./.

VIẾT TIẾP KHÚC QUÂN HÀNH, TỰ HÀO VÀ TỎA SÁNG PHẨM CHẤT "BỘ ĐỘI CỤ HỒ"

CHÀO MỪNG 78 NĂM NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM 22/12/1944 - 22/12/2022
33 NĂM NGÀY HỘI QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN 22/12/1989 - 22/12/2022

ThS. TRẦN HOÀNG
Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Phẩm chất *"Bộ đội Cụ Hồ"* của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh giáo dục, rèn luyện tiếp tục được phát huy và toả sáng trong mọi hoạt động của những người cựu chiến binh. Phẩm chất đó gắn liền với bản chất cách mạng và truyền thống tốt đẹp của một đội quân luôn tận trung với nước, tận hiếu với dân. Trung thành tuyệt đối với Đảng, hết lòng tôn trọng, thương yêu và sẵn sàng giúp đỡ nhân dân, tạo nên sự gắn bó máu thịt *"quân với dân một ý chí"*. Viết tiếp khúc quân hành *"Vì nhân dân quên mình"*, qua hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, các thế hệ cựu chiến binh Việt Nam tiếp tục giữ vững và phát huy phẩm chất, truyền thống *"Bộ đội Cụ Hồ"*; đoàn kết, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ; xây dựng Hội trong sạch, vững mạnh, khẳng định vị thế của một tổ chức chính trị - xã hội, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và niềm tin yêu của nhân dân; xây dựng nên truyền thống vẻ vang của Hội: Trung thành - Đoàn kết - Gương mẫu - Đổi mới.

Trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa là truyền thống của Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Truyền thống ấy đã được tôi luyện, thử thách, khẳng định trong môi trường quân đội nhân dân Việt Nam và tiếp tục được phát huy mạnh mẽ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa là vấn đề có tính nguyên tắc của Quân đội nhân dân Việt Nam. Dù trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn, thử thách nào, quân đội ta - một đội quân từ nhân dân mà ra - luôn hòa mình vào dân tộc *"trung với nước, hiếu với dân"*. Lòng trung thành, tận tụy ấy của quân đội ta đã ăn sâu vào máu thịt của mỗi quân nhân, nuôi dưỡng phẩm chất cách mạng và được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Chiến đấu hy sinh quên mình dưới lá cờ vinh quang của Tổ quốc, bảo vệ trọn vẹn non sông Việt Nam gấm vóc đã trở thành lẽ sống cao cả, phẩm chất cao đẹp của *"Bộ đội Cụ Hồ"*. Lòng trung thành tuyệt đối của quân đội ta vừa là một phẩm chất cao quý của quân đội cách mạng, vừa là sức mạnh để quân đội ta đánh thắng bất kỳ kẻ thù nào. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, truyền thống đó là mạch nguồn đã tạo nên sức mạnh để giữ vững độc lập dân tộc, hòa bình, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Truyền thống đó tiếp tục được giữ gìn, phát huy và lan tỏa trong hội viên Hội Cựu chiến binh chúng ta hôm nay và mãi mãi về sau.

Viết tiếp khúc quân hành, tự hào và tỏa sáng phẩm chất *"Bộ đội Cụ Hồ"*, mỗi một hội viên Hội Cựu chiến binh, dù ở vị trí công tác nào cũng luôn nêu cao và phát huy bản chất *"Trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân"*, vận động hội viên đoàn kết, tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa và vun đắp khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc, của Đảng và Quân đội ta. Đoàn kết của Quân đội ta được xây dựng trên nền tảng của tình yêu thương đồng chí và đồng đội *"lúc thường cũng như lúc ra trận"*. Truyền

thống đoàn kết đó được hình thành, nuôi dưỡng, bồi đắp từ trong khốc liệt của chiến tranh, từ sự kề vai sát cánh, chung lưng đấu cật khắc phục khó khăn, gian khổ trong quá trình huấn luyện, công tác, chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Đó là truyền thống vô cùng quý báu, là giá trị tinh thần rất to lớn mà các thế hệ *"Bộ đội Cụ Hồ"* đã dày công xây dựng nên. Truyền thống đó tạo ra sức mạnh và bản chất cách mạng của đội quân cách mạng, làm cho bản chất của Quân đội nhân dân Việt Nam khác với bản chất của các đội quân khác trên thế giới.

Truyền thống đoàn kết quý báu đó luôn được hội viên Hội Cựu chiến binh kế thừa, giữ gìn và và phát huy trong cuộc sống và công tác. Khi chúng ta xây dựng được một địa phương, đơn vị, tập thể gắn bó, đoàn kết, trên dưới một lòng, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, cùng vượt qua khó khăn, cùng tiến bộ là đã góp phần xây dựng, bồi đắp phẩm chất, truyền thống của *"Bộ đội Cụ Hồ"*, đồng thời tạo ra một môi trường thuận lợi để mỗi một hội viên chúng ta tiếp tục cống hiến trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Gương mẫu là phẩm chất tốt đẹp của người Cựu chiến binh Việt Nam, thể hiện qua năng lực, phẩm chất, đạo đức, lối sống đối với Nhân dân và trong tổ chức, cơ quan, đơn vị mình sống và làm việc. Nói đi đôi với làm là phương châm hành động là lẽ sống của người cựu chiến binh, là tấm gương sáng, mẫu mực, uy tín được đồng chí, đồng nghiệp và quần chúng tin tưởng, làm theo và yêu mến. Phẩm chất đó luôn được hội viên Cựu chiến binh giữ gìn, rèn luyện và phát huy trong công tác hàng ngày.

Bằng nhiều hoạt động thiết thực, Hội Cựu chiến binh đã đẩy mạnh phong trào thi đua *"Người hội viên Cựu chiến binh gương mẫu"*, ra sức xây dựng Hội trong sạch vững mạnh. Trong quá trình đó, Hội luôn xác định tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhân dân là nhiệm vụ chính trị của Hội. Các cấp Hội thường xuyên làm tốt công tác phối hợp với cấp uỷ, tổ chức quán triệt, học tập đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Điều lệ của Hội; đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết TW4 khóa XI, XII, XIII về tăng cường công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng; thực hiện tốt công tác dân vận; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, *"tự diễn biến"* , *"tự chuyển hóa"* trong nội bộ gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về *"Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"*. Mặt khác, thông qua sinh hoạt của Hội, kỷ niệm các ngày lễ lớn, sinh hoạt thường kỳ, các hoạt động về nguồn… đã giúp cho hội viên nâng cao nhận thức, nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, củng cố niềm tin, lập trường tư tưởng, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu *"diễn biến hoà bình"*, *"Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới"*. Xây dựng Hội đoàn kết, thống nhất, trong sạch vững mạnh.

Là những hội viên Hội Cựu chiến binh được rèn luyện, trưởng thành từ quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, một đội quân chính nghĩa khát khao hòa bình, trải qua chiến tranh giành độc lập và bảo vệ tổ quốc. Để có được hòa bình, chúng ta đã phải đánh đổi bằng xương máu. Các thế lực thù địch hãy hiểu rằng, những người Cựu chiến binh chúng ta đã trải qua sự hy sinh, đau thương của chiến tranh, nên vô cùng trân quý hòa bình. Chúng ta đã đổ máu để vĩnh viễn chấm dứt đổ máu, chúng ta sẽ làm tất cả những gì vì hòa bình, hạnh phúc của nhân dân sau khi đã chiến đấu hy sinh để giành độc lập dân tộc. Đấy là tinh thần, là ý chí của người Việt Nam, của Quân đội nhân dân Việt Nam và các thế hệ hội viên Hội Cựu chiến binh chúng ta.

Mỗi hội viên Hội Cựu chiến binh chúng ta luôn tự hào về hình ảnh *"Bộ đội Cụ Hồ"* - Một hình ảnh cao đẹp trong lòng nhân dân về một hình mẫu con người Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh gắn với các giá trị văn hóa độc đáo trong dòng chảy của lịch sử dân tộc. Giữ vững và phát huy những giá trị cao đẹp đó là vinh dự, trách nhiệm và tình cảm của mỗi hội viên chúng ta để viết tiếp khúc quân hành, tự hào và tỏa sáng phẩm chất *"Bộ đội Cụ Hồ"*./.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ THỂ CHẾ HÓA, CỤ THỂ HÓA PHƯƠNG CHÂM "DÂN BIẾT, DÂN BÀN, DÂN LÀM, DÂN KIỂM TRA, DÂN GIÁM SÁT, DÂN THỤ HƯỞNG" CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ TRONG NHỮNG NĂM QUA

ThS. HOÀNG TIẾN DŨNG
Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Ngày 28/11/1984, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa V) đã ban hành Chỉ thị số 53-CT/TW "Về tăng cường công tác quần chúng của Đảng". Trong Chỉ thị nhấn mạnh nội dung: "Phải thực sự tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện tốt khẩu hiệu "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" trong sản xuất, phân phối cũng như trong tất cả các công tác quan hệ trực tiếp đến quần chúng". Có thể nói, lần đầu tiên khẩu hiệu "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" được Đảng ta chính thức đề ra, trở thành một chủ trương lớn, một phương châm hành động cụ thể.

Để hiểu một cách đầy đủ về quá trình phát triển của phương châm này, chúng ta cùng nhìn lại nhận thức của Đảng ta khi chủ trương đưa ra khẩu hiệu (nay gọi là phương châm) về "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, một trong những nội dung được Đảng ta đặc biệt nhấn mạnh - đó là tầm quan trọng của công tác vận động quần chúng. Tuy nhiên, trong thực tiễn tổ chức thực hiện ở cơ sở cho thấy quyền làm chủ của nhân dân chưa thực sự được tôn trọng, việc huy động sự đóng góp và sức dân đôi khi còn mang tính mệnh lệnh hành chính. Cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp, "xin - cho" làm hạn chế tính tích cực, năng động, sáng tạo vốn có của người dân; hạn chế quyền làm chủ trực tiếp của người dân, làm phát sinh sự bức xúc trong đời sống xã hội, làm cho niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước bị giảm sút.

Đại hội VI của Đảng (tháng 12/1986) đề ra đường lối đổi mới, đưa nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, mở ra thời kỳ phát triển mới. Xuất phát từ thực tiễn, Đảng ta đã rút ra bài học kinh nghiệm sâu sắc về dân: "Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động"; "Đảng không có mục đích nào khác là đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân"; "Quần chúng là người làm nên lịch sử". Tại Đại hội này, Đảng ta đã đề ra cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý", đồng thời khẳng định "thực hiện có nền nếp khẩu hiệu dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Lần đầu tiên phương châm này được gọi là "khẩu hiệu". Tuy nhiên, trong một thời gian khá dài, khẩu hiệu này vẫn chưa thực sự phát huy hiệu quả vào cuộc sống bởi vì chưa có cơ chế cụ thể để thực hiện.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ (bổ sung, phát triển năm 2011) và Văn kiện Đại hội XII của Đảng xác định bản chất "nhân dân làm chủ", "Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân" là 2 trong 8 đặc trưng của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

Tổng kết thực tiễn 35 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, đặc biệt là kế thừa và phát triển tư tưởng "trọng dân" trong truyền thống lịch sử của dân tộc, bài học "dân là gốc" tiếp tục được phát triển bổ sung trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Đại hội đã bổ sung nội dung "dân giám sát" và "dân thụ hưởng" vào phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" để tạo thuận lợi, có cơ sở chính trị, pháp lý tổ chức thực hiện, mở rộng, tăng cường, phát huy dân chủ, vai trò chủ thể của nhân dân.

Có thể khẳng định sự bổ sung hai nội dung này là sự phát triển tư duy lý luận, hoàn thiện chủ trương của Đảng về dân chủ. Sự phát triển, hoàn thiện đó có ý nghĩa thiết thực, quan trọng trong xây dựng và phát huy nguồn lực con người, là động lực, yếu tố sống còn, có ý nghĩa

quyết định đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước giai đoạn tiếp theo.

Quán triệt sâu sắc phương châm ấy, tỉnh Quảng Trị đã triển khai thực hiện nghiêm túc quan điểm "dân là gốc" theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" thông qua các hình thức cụ thể sau đây:

Thứ nhất, công khai những nội dung mà nhân dân quan tâm: Niêm yết văn bản tại trụ sở; thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang thông tin điện tử; thông báo tại các phiên họp HĐND, UBND, tiếp xúc cử tri, đối thoại, họp dân…; bố trí phòng tiếp công dân, bộ phận, cán bộ tiếp nhận đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh của công dân; xây dựng hộp thư góp ý… tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện và UBND các xã, phường, thị trấn. Qua đó, giúp người dân cập nhật thông tin, tham gia góp ý kiến, giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến sản xuất, kinh doanh, đời sống, thụ hưởng các giá trị văn hoá, tinh thần của Nhân dân.

Thứ hai, những nội dung dân biết, dân bàn, dân làm, tham gia ý kiến và quyết định.

Chính quyền, cơ quan hành chính nhà nước các cấp nghiêm túc thực hiện dân chủ, nhất là ở xã, phường, thị trấn với tinh thần cầu thị lắng nghe góp ý và giám sát của Nhân dân theo phương châm " Ý Đảng lòng dân"; tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân được bàn thảo, tham gia ý kiến và quyết định nhiều vấn đề như: Xây dựng các chủ trương, chính sách, mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng; xây dựng hương ước, quy ước thôn, bản, khu phố; quy hoạch, triển khai các công trình, dự án, nhất là xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, người dân đã phát huy tốt vai trò chủ thể trong việc bàn bạc và quyết định thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu, kế hoạch phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội và nguồn lực của từng địa phương đạt nhiều kết quả thiết thực.

Thứ ba, những nội dung dân kiểm tra, giám sát, dân thụ hưởng.

Chính quyền các cấp luôn quan tâm việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân thông qua tạo điều kiện và chịu sự giám sát của Nhân dân về những nội dung: Giám sát chất lượng, tiến độ các công trình, dự án triển khai ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư; giải quyết các tồn đọng, ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo công dân; triển khai thực hiện các cơ chế chính sách; thu hút và quản lý, sử dụng các khoản thu của dân và việc rèn luyện, phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức, của đại biểu dân cử. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thường xuyên tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân về thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Trong những năm qua, Nhân dân được "thụ hưởng" những thành quả thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn từng bước được đồng bộ. Diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc, khang trang hơn; cách tổ chức sản xuất của người dân được thay đổi; an ninh trật tự được giữ vững, các chính sách an sinh xã hội được bảo đảm, phúc lợi xã hội được quan tâm, đời sống Nhân dân được cải thiện; tỷ lệ hộ nghèo giảm, thu nhập đầu người tăng; các gia đình chính sách, hộ nghèo, đối tượng gặp khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số được kịp thời quan tâm.

Thứ tư, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan dân cử trong hoạt động tiếp xúc cử tri; công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, những phản ánh, kiến nghị của cư tri liên quan đến sự suy thoái, *"tự diễn biến", "tự chuyển hoá"* trong cán bộ, đảng viên.

Hoạt động tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thường kỳ bảo đảm theo luật định; nội dung, chương trình, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri được chuẩn bị đầy đủ và thông báo rộng rãi, công khai để Nhân dân biết, tham gia. Các ý kiến, kiến nghị chính đáng của cử tri đước các cấp, các ngành quan tâm giải quyết, tạo niềm tin của Nhân dân đối với các cơ quan dân cử.

Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, phản ánh kiến nghị của cử tri luôn được quan tâm chỉ đạo, duy trì

thực hiện đúng quy trình, công khai. Uỷ ban nhân dân tỉnh thường xuyên quán triệt và thực hiện nghiêm nội dung này.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chú trọng công tác tiếp công dân, gặp gỡ, đối thoại trực tiếp để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, kịp thời giải thích, hướng dẫn công dân hiểu rõ và giải quyết thoả đáng, đúng pháp luật.

Thứ năm, công tác cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; thực hiện các quy định của pháp luật về công khai, minh bạch, dân chủ và phục vụ Nhân dân của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức

Công tác cải cách hành chính được các cấp, các ngành quan tâm, đẩy mạnh triển khai với nhiều giải pháp thiết thực, hiệu quả. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông và việc rà soát, công bố thủ tục hành chính được thực hiện quyết liệt. Công tác kiểm soát, ban hành mới, rà soát, đơn giản hoá quy tắc, thủ tục được tiến hành thường xuyên, đồng bộ, dễ hiểu, dễ thực hiện, loại bỏ một số khâu trung gian và thủ tục không cần thiết. Trung tâm hành chính công hoạt động với phương châm "Công khai, minh bạch, không phiền hà, tiêu cực, giải quyết đúng quy định, lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân làm mục tiêu phục vụ"

Thứ sáu, công tác tiếp dân, đối thoại giữa người đúng đầu chính quyền, cơ quan, đơn vị với Nhân dân, doanh nghiệp; đánh giá sự hài lòng của người dân.

Các cấp uỷ, chính quyền trong tỉnh, nhất là người đứng đầu quan tâm chỉ đạo công tác tiếp dân, đối thoại, giúp giải quyết thoả đáng những vấn đề phát sinh từ cơ sở, vướng mắc, bức xúc trong Nhân dân, góp phần ổn định tình hình, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh. Cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp căn cứ Luật Tiếp công dân, quy định, hướng dẫn của Chính phủ và của Ủy ban nhân dân tỉnh để ban hành Quy chế tiếp công dân. Trong đó chú trọng phân công nhiệm vụ, quy định thời gian, địa điểm và trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền, cơ quan, đơn vị và cán bộ chuyên trách, phòng, ban chuyên môn tiếp công dân; đồng thời tiếp thu, xử lý và đề nghị xử lý theo thẩm quyền việc giải quyết những phản ánh, kiến nghị, đề xuất, khiếu nại, tố cáo cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp ngay từ cơ sở, nhất là những nội dung liên quan đến người dân và xã hội quan tâm.

Thứ bảy, công tác phối hợp và tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội; bảo đảm nguồn lực cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện các hoạt động giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền.

Chính quyền các cấp đã có chương trình phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức triển khai tốt Nghị quyết liên tịch của Chính phủ và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc thực hiện Pháp lện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; các nghị định của Chính phủ.

Phối hợp, tạo điều kiện tốt để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát cấp ủy đảng, chính quyền; từng bước phát huy vai trò của tổ chức đại diện thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và những nội dung bức thiết được dư luận xã hội quan tâm.

Những kinh nghiệm của tỉnh Quảng Trị về việc thực hiện phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" như đã nêu ở trên, đã góp phần quan trọng tạo sự đồng thuận trong Nhân dân; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân và nội lực trong Nhân dân để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao của cả nước; năm 2030 thuộc tỉnh khá của cả nước thì cần khắc phục một số hạn chế đã được Tỉnh ủy chỉ ra và phát huy hơn nữa những kết quả đã đạt được về việc thực hiện phương châm này. Chúng tôi nghĩ rằng, với những kinh nghiệm để thực hiện tốt và quá trình vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm để khắc phục những hạn chế về việc thực hiện phương châm này thì những mục tiêu đã đề ra sẽ trở thành hiện thực./.

QUẢNG TRỊ BIẾN BẤT LỢI THÀNH LỢI THẾ NHÌN TỪ BỨC TRANH NĂNG LƯỢNG

ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG SÂM
Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Thực hiện Quyết định số 6203-QĐ/HVCTQG cho phép xuất bản tập bài giảng "Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Trị" do Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị biên soạn, nhà trường đã đưa phần học này vào giảng dạy đối với các lớp Trung cấp lý luận chính trị. Thông qua những bài giảng này, giúp học viên một lần nữa nắm được tình hình phát triển của Đảng bộ tỉnh một cách toàn diện, sát với thực tiễn. Trong phạm vi bài viết này, tôi muốn đề cập một cách khá đầy đủ về lĩnh vực kinh tế đó là bức tranh năng lượng, nhằm giúp mỗi chúng ta, những học viên thấy được tiềm năng rất lớn của tỉnh nhà.

Sau hơn ba mươi năm từ ngày tái lập tỉnh, nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội của Quảng Trị có những đột phá ngoạn mục, đóng góp lớn vào ngân sách tỉnh, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng với khẩu hiệu: "biến bất lợi thành lợi thế" , những thung lũng gió Lào khốc liệt ở Tây Quảng Trị nay đã trở thành những "cánh đồng điện gió", không chỉ đóng góp nguồn thu nhờ sản sinh nguồn năng lượng tái tạo, những cánh đồng điện gió này còn góp phần tạo ra những khung cảnh hùng vĩ hài hòa với không gian mênh mông để tạo nên những điểm nhấn du lịch cho miền Tây Quảng Trị.

Vào tháng 3/2021, Hội nghị thúc đẩy phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã diễn ra khi những dự án năng lượng ở miền Tây Quảng Trị đang trong giai đoạn chạy đua sau một mùa mưa bão khủng khiếp (tháng 10 và 11 năm 2020), các dự án khác đang quyết liệt khởi động. Còn bây giờ, sau 18 tháng, chỉ riêng những con số thống kê đưa ra đã cho thấy sức thuyết phục của chủ trương "biến bất lợi thành lợi thế". Ngày 7/9/2022 Hội thảo "Quảng Trị: Hiện thực hoá tầm nhìn Trung tâm năng lượng miền Trung" được tổ chức tại thành phố Đông Hà được coi như một cuộc nhìn lại và đi tới của hướng phát triển này.

Tỉnh Quảng Trị hiện có 19 dự án điện gió với tổng công suất đạt 714MW, đã đưa vào vận hành thương mại 671,1MW; 03 dự án điện mặt trời với tổng công suất 127MW và 11 dự án thủy điện với tổng công suất 167,5MW cũng đã đưa vào vận hành thương mại. Tổng công suất đã hoàn thành công tác xây lắp trên địa bàn tỉnh đến thời điểm này là 1.008,5MW (chưa bao gồm khoảng 100MW hệ thống điện mặt trời mái nhà). Nhiều dự án đã được đưa vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, quy hoạch phát triển điện lực tỉnh để triển khai thực hiện, trong đó, tập trung thu hút các dự án đầu tư phát triển năng lượng, nhất là năng lượng tái tạo.

Với mỗi MW điện đi vào vận hành, nguồn thu khi hoạt động ổn định sẽ là 1tỷ đồng/năm, giai đoạn trước mắt sẽ là 500 - 600 triệu/năm/MW.

Con số hơn 1000 MW đang được đưa vào vận hành mang lại nguồn thu khả quan cho ngân sách, nhưng so với tiềm năng năng lượng của Quảng Trị, con số đó chưa phản ánh hết cục diện bức tranh năng lượng tỉnh nhà bởi các con số đưa ra tại hội thảo vừa qua cho thấy tiềm năng về năng lượng tỉnh ta lên tới hơn 14.000 MW. Trong đó, những lĩnh vực tiềm năng nhất là điện khí, điện gió, điện mặt trời. Tỉnh Quảng Trị còn nhiều dư địa để phát triển năng lượng, nhất là năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) .

Với mục tiêu đến năm 2030, đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm năng lượng của miền Trung, trên cơ sở phát triển năng lượng một cách bền vững; tận dụng và sử dụng hiệu quả các tiềm năng năng lượng tái tạo đồng thời phù hợp định hướng quy hoạch điện VIII, có thể

thấy mục tiêu tập trung phát triển năng lượng ở Quảng Trị không chỉ là minh chứng thuyết phục "biến bất lợi thành lợi thế" mà còn đúng theo tinh thần Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Tỉ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15% - 20% vào năm 2030, 25% - 30% vào năm 2045.

Số liệu tại hội thảo "Quảng Trị: Hiện thực hoá tầm nhìn Trung tâm năng lượng miền Trung" cho thấy trên cơ sở tiềm năng năng lượng được xác định tầm 14.000MW, tỉnh Quảng Trị phấn đấu đến 2025 hoàn thành và phát điện thương mại khoảng 2.500 - 3.000MW và khoảng 9.500MW giai đoạn đến năm 2030 nhằm đạt được mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, Chương trình hành động số 15-CT/TU ngày 27/4/2021 của Tỉnh uỷ Quảng Trị thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trong những tham luận đáng chú ý tại hội thảo, PGS.TS Trần Đình Thiên, nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam đã có những ý kiến xác đáng, theo ông với đặc thù địa hình có nhiều thuận lợi, tỉnh Quảng Trị có nhiều lợi thế phát triển điện gió ở phía Tây, khu vực phía Đông phát triển điện khí, điện mặt trời, có nhiều khả năng phát triển cả điện gió ngoài khơi. Tuy vậy, Quảng Trị cũng đối mặt với nhiều khó khăn như là tỉnh nghèo, điều kiện khí hậu khắc nghiệt, cơ cấu kinh tế, lực lượng doanh nghiệp, năng lực quản trị điều hành còn nhiều hạn chế

Theo PGS.TS Trần Đình Thiên, hiện nay trên thế giới đang khủng hoảng năng lượng rất nghiêm trọng. Tuy nhiên, theo khảo sát sau mỗi lần khủng hoảng năng lượng sẽ có cuộc cách mạng khoa học về năng lượng. Trong đó, năng lượng gió là giải pháp hàng đầu, sau đó đến thời đại năng lượng hydro xanh trong 10 đến 15 năm tới. Hiện nay có 30 quốc gia đã xây dựng chiến lược phát triển hydro, 15 quốc gia ban hành các chính sách thúc đẩy sản xuất, phát triển hạ tầng và sử dụng năng lượng hydro. Theo logic phát triển truyền thống trước đây tại Quảng Trị điều kiện tự nhiên bất lợi, liên kết khó khăn; quy mô kinh tế nhỏ nên thu hút đầu tư rất khó khăn; cấu trúc phát triển còn nhỏ; manh mún, thiên tai, biến đổi khí hậu cũng là mối đe dọa. Nhưng Quảng Trị vẫn phát triển được đó chính là bản sắc anh hùng.

Cách đặt vấn đề kết nối từ bản sắc tới hiện đại, từ tiềm năng tới hiện thực cũng được nhiều nhà khoa học nhấn mạnh khi nói đến con đường phát triển hiện nay của Quảng Trị: Khái niệm Quảng Trị cái gì cũng bất lợi hiện đã không còn đúng. Những bất lợi đó đã trở thành lợi thế phát triển của thời đại tương lai. "Nắng, gió" đang trở thành lợi thế phát triển cho Quảng Trị. Những giải pháp để đạt được mục tiêu phát triển năng lượng kết hợp giữ môi trường xanh sạch cũng chính là nguyên tắc phát triển hiện nay của nhân loại. Quảng Trị phải chứng minh được "Phát triển Quảng Trị chính là giảm bớt áp lực ngân sách cho quốc gia". Phải coi phát triển Quảng Trị là "nghĩa vụ lịch sử quốc gia".

Tại hội thảo này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Võ Văn Hưng đã khái quát con đường phát triển của Quảng Trị được sinh thành từ khát vọng vươn lên, thoát khỏi mặc định "tỉnh nghèo": "Khát khao thay đổi, vượt thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu, xây nên thành trì thịnh vượng đã được hun đúc từ lâu, trở thành quyết tâm chính trị vô cùng mạnh mẽ. Từ đó, người Quảng Trị đã dám đề ra và thực hiện chủ trương: Biến khó khăn, thử thách thành tiềm năng, lợi thế. Đây là sự thay đổi lớn về tư duy và hành động, cho phép tỉnh Quảng Trị khai mở không gian phát triển mới. Cho phép chúng ta hướng tầm nhìn bao quát lên khắp núi rừng, đồng bằng, ven biển và cả khơi xa để tìm kiếm cơ hội phát triển. Cho phép chúng ta biến gió Lào, nắng gắt thành điện năng. Và trong tương lai, chúng ta có cơ sở vững chắc để truy cập vào các vùng tài nguyên tiềm năng lớn, như mỏ khí Kèn Bầu có trữ lượng dự báo lớn nhất lịch sử Việt Nam, ngoài ra còn có mỏ Báo Vàng và nhiều dư địa khác. Tất cả tài nguyên đó cho phép Quảng Trị cung cấp đủ nguyên liệu đầu vào cho hàng loạt dự án điện hiện nay và tương lai, tạo cơ sở vững chắc cho việc thực hiện chủ trương xây dựng trung tâm năng lượng miền Trung của Thủ tướng Chính phủ"./.

NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM VẬN DỤNG VÀO GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

ThS. NGUYỄN QUỐC THANH
Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật

Đảng ta xác định: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở Việt Nam. Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội mà Việt Nam đạt được qua hơn 35 năm đổi mới theo mô hình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN đã khẳng định tính đúng đắn, khoa học và phù hợp với thực tiễn của đất nước và xu thế phát triển của thời đại. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sáng tạo, là kết quả của một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: "Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay" [1].

Kinh tế thị trường là bước phát triển cao của kinh tế hàng hóa, chịu sự tác động các quy luật (quy luật giá trị, cạnh tranh, cung - cầu…) của kinh tế hàng hóa cũng là các phạm trù, quy luật của kinh tế thị trường. Các phạm trù, quy luật này không phải riêng có của phương thức sản xuất chủ nghĩa tư bản (TBCN) như đã được TBCN sử dụng để phát triển kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Điều đó đã gây ra sự ngộ nhận cho rằng kinh tế thị trường là của CNTB, đồng nhất kinh tế thị trường với CNTB là sản phẩm "riêng có" của TBCN. Kinh tế thị trường được xác định là sản phẩm chung của văn minh nhân loại. Như vậy, kinh tế thị trường là một giai đoạn phát triển tất yếu của lịch sử mà bất cứ nền kinh tế nào cũng phải trải qua để đạt tới nấc thang cao hơn trên con đường phát triển. Đối với Việt Nam, trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở một nước nghèo, kinh tế kém phát triển, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhất định phải phát triển kinh tế thị trường, sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. CNXH là xã hội tương lai, một xã hội bảo đảm các điều kiện phát triển toàn diện của con người.

Mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (năm 2001) khái quát: Là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước được bổ sung, phát triển qua các kỳ đại hội của Đảng. Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (năm 2006), Đảng ta đã chỉ rõ: Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và "các thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI của Đảng có những khái quát mới về lý luận "Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng

xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối". Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu nội hàm cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là: Nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận phát triển kinh tế và tổng kết thực tiễn quá trình đổi mới của đất nước, Đại hội XIII của Đảng đã chỉ ra những nội hàm cơ bản về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: "*Nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước*" [2]. Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: "Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới*" [3]. Theo đó, một số quan điểm mới *về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay:*

Thứ nhất, tiếp tục thống nhất và nâng cao nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở nêu rõ ngay từ đầu nội hàm của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta, kinh tế thị trường là phương tiện tốt nhất tạo lập cơ sở kinh tế, sức mạnh kinh tế cho sự phát triển của mỗi quốc gia. Kinh tế thị trường càng hiện đại và được vận hành có hiệu quả thì cơ sở kinh tế, sức mạnh kinh tế do nó tạo ra càng có điều kiện gia tăng mạnh mẽ. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có mục đích phát triển và giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu quả kinh tế, phục vụ lợi ích của Nhân dân và hoàn thiện quan hệ sản xuất, nhằm xây dựng chế độ chính trị xã hội của xã hội chủ nghĩa. Tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường phản ánh mục tiêu, phương thức phát triển, phân phối của cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam, trên cơ sở đó giúp khai thác tốt nhất mặt tích cực của thị trường, đồng thời khắc phục và hạn chế mặt tiêu cực, những khuyết tật của kinh tế thị trường.

Thứ hai, nêu rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Điểm mới nổi bật chính là trong mối quan hệ này

bổ sung thêm nhân tố xã hội. Trong đó cũng nêu rõ vai trò của Nhà nước, thị trường và xã hội trong mối quan hệ chung. Nhà nước thực hiện chức năng xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý nhà nước về kinh tế theo hướng chuyển giao những công việc Nhà nước không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội. Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác; cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp Nhân dân với Nhà nước và tham gia phản biện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong thực thi pháp luật, công vụ.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường nói chung, tập trung vào tháo gỡ những điểm nghẽn đang cản trở sự phát triển kinh tế thị trường của nước ta và nâng cao chất lượng thể chế. Cụ thể là hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia, xây dựng và thực thi pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Thứ tư, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Điểm mới nổi bật ở nội dung này là xác định rõ mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Để hội nhập thành công phải có nội lực mạnh, đồng thời phải đa phương hóa, đa dạng hóa các đối tác, các thị trường để tránh những rủi ro và lệ thuộc. Vì vậy, phải nâng cao năng lực nội tại của nền kinh tế quốc dân mới có thể hội nhập thành công, tránh lệ thuộc vào một đối tác, một thị trường.

Chủ trương, quan điểm, nhận thức về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XIII thể hiện sự nhất quán, sáng tạo ba nguyên tắc cơ bản trong xây dựng văn kiện của Đảng là: Kế thừa và phát triển, kiên định và đổi mới, kết hợp nhuần nhuyễn thực tiễn và lý luận phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Với nhận thức được kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, qua đó để vận dụng vào giảng dạy trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị giúp người học lĩnh hội được những vấn đề cơ bản nhất về quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo:

[1], [2]. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb CTQG Sự thật, HN, 2021, tr.25, tr 128.

[3]. Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

NHỮNG ĐỀ XUẤT TRONG QUÁN TRIỆT, THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 14-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ CHỦ TRƯƠNG KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO VỆ CÁN BỘ NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO VÌ LỢI ÍCH CHUNG

ThS. NGUYỄN SUNG
Phó Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật

Ngày 22/9/2021, thay mặt Bộ Chính trị, đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư đã ký ban hành Kết luận số 14-KL/TW về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung (gọi chung là Kết luận số 14). Kết luận số 14 đã đem lại nguồn năng lượng mới giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đảng viên phát huy sở trường, tài năng, sáng kiến của mình trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ, phục vụ Nhân dân. Thực tế là, trước khi có Kết luận số 14, Đảng ta đã ban hành nhiều quy định liên quan đến nội dung này như:

Nghị quyết số 05-NQ/HNTW, ngày 20/6/1988 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) "*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng*" (Nghị quyết Trung ương 5 khóa VI) đã đưa nội dung tiêu chuẩn "dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm" vào trong hệ tiêu chuẩn của người cán bộ lãnh đạo, quản lý;

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 khóa XII của Bộ Chính trị về "*Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ";*

Quy định số 89-QĐ/TW *ngày 04 tháng 8 năm 2017* của Bộ Chính trị quy định khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp*"Có tư duy đổi mới,.. Có khả năng phát hiện những mâu thuẫn, thách thức, thời cơ, thuận lợi, vấn đề mới, khó và những hạn chế, bất cập trong thực tiễn; mạnh dạn đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi, hiệu quả để phát huy, thúc đẩy hoặc tháo gỡ... năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và vì nhân dân phục vụ";*

Đại hội XIII đã nhấn mạnh yêu cầu: *" Giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ; đồng thời, có cơ chế khuyến khích, bảo vệ những cán bộ, đảng viên dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung"* [1].

Trong thực tiễn cách mạng Việt Nam có những tấm gương sáng của những người cán bộ lãnh đạo đầy bản lĩnh, sáng tạo, quyết đoán, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng và trước Nhân dân như:

- Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc - Kim Ngọc, người khởi xướng chủ trương "Khoán hộ" ở Vĩnh Phúc những năm 1966-1968 với những đổi mới, sáng tạo phát triển nông nghiệp.

- Tổng Bí thư Trường Chinh với đổi mới tư duy kinh tế, khởi xướng công cuộc đổi mới đất nước của Đại hội VI (1986) của Đảng.

- Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Văn Chính (Chín Cần) tại Long An với quyết định đổi mới tư duy, thực hiện "cơ chế một giá theo thị trường".

- Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với chủ trương động viên, khuyến khích mọi người lao động, mọi năng lực sản xuất, mọi thành phần

kinh tế sản xuất bung ra, cải tiến lưu thông, phân phối để thúc đẩy sản xuất phát triển, với "Những việc cần làm ngay", "Nói và làm".

- Đặc biệt, những quyết định "xé rào, bung ra" của Bí thư thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh Võ Văn Kiệt; của Chủ tịch UBND thành phố Mai Chí Thọ và các lão thành cách mạng đã mạnh dạn cho phép nhà máy, xí nghiệp thử nghiệm "Kế hoạch 3 phần"; của bà Nguyễn Thị Ráo (bà Ba Thi) phá rào thu mua gạo, bán gạo một giá đầu tiên trong cả nước, góp phần quyết định lo đủ gạo ăn cho 4 triệu dân của thành phố mang tên Bác từ cuối thập niên 1970 đến thập niên 1980 …

Từ trong thực tiễn cách mạng, luôn xuất hiện những cán bộ lãnh đạo, quản lý không chỉ thấm nhuần đạo đức cách mạng, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư mà còn phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu, luôn sáng tạo trong từng suy nghĩ và việc làm, "dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm" vì lợi ích chung của Nhân dân. Trong giai đoạn cách mạng mới, để thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đất nước cần có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ phẩm chất năng lực và uy tín, có bản lĩnh chính trị, trí tuệ, gương mẫu, quyết tâm đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách. Để thực hiện chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung theo Kết luận số 14 của Bộ Chính trị, tôi xin có mấy đề xuất sau:

Thứ nhất, trên cơ sở định hướng từ Kết luận số 14 của Bộ Chính trị, các tổ chức Đảng phải xây dựng kế hoạch thực hiện Kết luận số 14, Nhà nước cần thể chế hóa thành các quy phạm pháp luật và tổ chức triển khai thực hiện trong thực tế. Khi có căn cứ pháp lý rồi thì đây là tấm khiên, là lá chắn bảo vệ vững chắc cho người thực hiện việc đột phá, sáng tạo, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách. Chúng ta đang từng bước xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do đó mọi hành vi, hoạt động của công dân phải được xử lý theo pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, thượng tôn pháp luật và được pháp luật bảo vệ.

Thứ hai, cái đúng phải bảo vệ là điều tất nhiên, nhưng cái không đúng thì phải đấu tranh, phải có những quy định để xử sự phù hợp. Theo nhận định của đồng chí Nguyễn Văn Nên - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên của hệ thống chính trị nước ta cũng có 3 thành phần: *"Một là, tích cực, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám bảo vệ cái đúng, đấu tranh với cái sai, dám chịu trách nhiệm. Hai là, bình bình, chưa đến mức tiêu cực, quy định gì thì làm nấy. Thứ ba, tiêu cực, chỉ nghĩ đến lợi ích cho bản thân mình mà không hướng tới lợi ích chung".* Như vậy, cần phải có quy định pháp luật về việc đánh giá đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phần thứ hai và thứ ba thật cụ thể trong công tác cán bộ. Pháp luật có đánh giá như thế thì các cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên mới tự ý thức được bản thân, tự soi được bản thân để rồi tự sửa trong thực tế hoạt động. Làm được như thế trong công tác cán bộ sẽ từng bước khắc phục được "sức ỳ" hiện nay trong đội ngũ và giúp Đảng, Nhà nước ta ngày sàng lọc, loại bỏ những cán bộ yếu kém, cán bộ không muốn sáng tạo, không dám đổi mới và không ủng hộ sự đột phá.

Thứ ba, để ủng hộ, khuyến khích cán bộ đột phá, sáng tạo, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách thì phải có một tập thể lãnh đạo đồng lòng, đoàn kết và chung sức trong việc hỗ trợ, khích lệ và có những đãi ngộ tương xứng với thành quả người đó mang lại cho tổ

chức, cho địa phương. Điều này, đòi hỏi phải xây dựng quy chế minh bạch, công khai và dân chủ của cơ quan tổ chức để có cơ sở thực hiện. Khi được sự hỗ trợ của quy chế cơ quan, tổ chức, người được ủng hộ, khuyến khích sẽ có cơ hội hãnh diện và phấn khởi để tiếp tục sáng tạo, đột phá nhằm phục vụ cho công vụ. Những mô hình, giải pháp thí điểm, đổi mới, sáng tạo có hiệu quả thì người có công lao được biểu dương, khen thưởng xứng đáng, đặc biệt là được cơ quan, tổ chức ưu tiên bố trí, sử dụng trong công tác cán bộ, tạo nên tâm lý yên tâm cho đội ngũ cán bộ trong hoạt động thực tiễn. Được như vậy những tấm gương điển hình sẽ lan tỏa sự động viên, khích lệ những cán bộ, công chức, viên chức chưa mạnh dạn, chưa dám đưa ra các đề xuất đột phá phục vụ lợi ích của Nhân dân.

Thứ tư, về nội dung đột phá, sáng tạo cần phải tìm được những điểm nghẽn trong tất cả mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương hiện nay. Ví dụ, trong giáo dục - đào tạo, căn bệnh thành tích, vấn đề thi cử, vấn đề sách giáo khoa, vấn đề thiếu giáo viên cục bộ ở một số môn học, vấn đề thiếu trường lớp, vấn đề áp lực quá lớn trong học tập của học sinh phổ thông… Trong y tế, chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, sự chênh lệch khá lớn giữa các tuyến và giữa các vùng, miền, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ người dân, sự thiếu thốn các trang thiết bị y tế, công tác y tế dự phòng, vấn đề núp bóng chiêu bài "xã hội hóa y tế" để vun vén lợi ích nhóm… Hay trong lĩnh vực giao thông: Cơ sở hạ tầng giao thông, vấn đề tai nạn giao thông, vấn đề ô nhiễm khói thải ở các khu đô thị lớn… Chọn được vấn đề để đưa ra các giải pháp, sáng kiến, phát kiến hay và khả thi luôn được sự đón nhận của Nhân dân và xã hội.

Thứ năm, trong thực tế, hoạt động đột phá, sáng tạo luôn có những rủi ro mà người đề xướng có thể không lường trước được. Người dám đột phá, sáng tạo phải luôn là người dám nhận trách nhiệm về mình, dám chịu trách nhiệm và không đổ lỗi cho người khác. Những đề xuất ấy phải xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn của địa phương, phải xuất phát từ lợi ích của Tổ quốc, đặt lợi ích của Tổ quốc lên trên hết, trước hết. Những đề xuất, đột phá không trái với Điều lệ Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, phải báo cáo với chủ thể lãnh đạo, quản lý có thẩm quyền. Trường hợp này, Kết luận số 14 đã đưa ra chủ trương: Cấp có thẩm quyền phải kịp thời xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, đánh giá công tâm, xử lý phù hợp, nếu thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung thì được xem xét miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm.

"Nếu cán bộ làm sai mà không có động cơ vụ lợi, tham nhũng, lợi ích nhóm và làm vì cái chung… thì nếu xảy ra trường hợp đáng tiếc chúng tôi sẽ xem xét, bảo vệ" [2]. *"Không để thiếu thuốc men do thiếu trách nhiệm, sợ sệt… Ai không dám làm thì đứng sang một bên cho người khác làm"*[3]. Sự chỉ đạo của người đứng đầu Chính phủ nói trên là liều thuốc đặc trị căn bệnh sợ sai trong thực thi công vụ và cũng là sự ủng hộ, khuyến khích, động viên cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá và dám chịu trách nhiệm./.

Tài liệu tham khảo:

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II, tr.243.

[2] Phát biểu kết luận buổi làm việc giữa đoàn công tác của Chính phủ với lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính.

[3] Phát biểu của Thủ tướng Phạm Minh Chính - Trưởng Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19, chủ trì Phiên họp lần thứ 17 của Ban Chỉ đạo (sáng 13/9/2022).

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM, GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

ThS. LÊ THỊ THU HUYỀN
Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Tình hình thế giới và khu vực thời gian gần đây chuyển biến nhanh, phức tạp, sự chuyển biến đó có những thuận lợi và thách thức cho nước ta trong đối ngoại. Sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước ta diễn ra trong bối cảnh Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Nền kinh tế thế giới phát triển theo hướng kinh tế tri thức, kinh tế số. Sự liên kết kinh tế quốc tế - quốc phòng giữa các cường quốc chuyển biến theo hướng tăng cường hợp tác khu vực thông qua các hiệp định thương mại tự do. Sự điều chỉnh và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường an ninh và phát triển của nước ta. Bên cạnh đó, diễn biến vấn đề Nga – Ukraina; tình hình quan hệ giữa các nước trên khu vực biển Đông; tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu đưa đến thiên tai; Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động nhiều mặt, gây ra những tổn thất nặng nề với nhiều quốc gia, dân tộc, trong đó có nước ta.

Trong bối cảnh đó, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định "*Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế*"[1]. Những năm đầu của thời kỳ đổi mới, Việt Nam chủ trương xây dựng chính sách đối ngoại trên tinh thần "thêm bạn, bớt thù". Đại hội VII nêu rõ "*Việt Nam muốn là bạn với các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*" và chủ trương này tiếp tục được khẳng định qua các kỳ Đại hội VIII, IX, X. Đến Đại hội XI, XII đường lối đối ngoại đã phát triển lên tầm cao mới "*Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh*". Trên cơ sở đó, hoạt động đối ngoại những năm gần đây của nước ta đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đến 2022, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 189 nước trong tổng số 193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, trong đó 3 nước có "quan hệ đặc biệt", 17 nước "đối tác chiến lược" và 13 nước "đối tác toàn diện", Việt Nam đã ký 16 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có 3 FTA thế hệ mới. Trên bình diện đa phương, Việt Nam là thành viên

tích cực và có trách nhiệm của hơn 70 tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng, như Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, ASEM, WTO. Thế và lực của đất nước ngày càng vững mạnh; vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Tuy vậy, công tác đối ngoại cũng còn gặp không ít những khó khăn, thách thức, có lúc chưa theo kịp diễn biến của tình hình, chưa lường hết những tác động bất lợi, hiệu quả chưa cao, cần thiết có những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, ngoại giao nước ta hiện nay.

Thực hiện chủ trương đổi mới về công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, thời gian qua, tỉnh Quảng Trị đã tổ chức thực hiện tốt việc quán triệt triển khai các văn bản của Trung ương và của tỉnh liên quan đến công tác đối ngoại tới các cơ quan, đơn vị và các địa phương trong tỉnh; phổ biến, quán triệt sâu rộng chủ trương, đường lối đối ngoại mới của Đảng, nâng cao và thống nhất nhận thức trong toàn Đảng bộ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác đối ngoại nói chung, nhận thức rõ tầm quan trọng về các mối quan hệ đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân trong tình hình mới. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhấn mạnh: "*Tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động giao thương, liên kết trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây và là hạt nhân quan trọng trong chuỗi cung ứng thương mại, du lịch, vận tải và logistics giữa Quảng Trị với các nước ... Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao và năm 2030 thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước*,.. Công tác đối ngoại của tỉnh dần đi vào nền nếp, đã thiết lập các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với một số Đại sứ quán, một số tổ chức quốc tế và các tỉnh, thành phố của một số nước, đặc biệt là quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện với tỉnh Savannakhet và tỉnh Salavan (Lào). Trong những năm qua, tỉnh đã tổ chức các đoàn đi thăm, trao đổi hữu nghị, xúc tiến các hoạt động với tỉnh Savannakhet và tỉnh Salavan (Lào) trên nhiều lĩnh vực: Kinh tế, thương mại, đầu tư, quốc phòng, giáo dục, y tế…. Đặc biệt, trên lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực đã có những chuyển biến tích cực, hình thức hợp tác đào tạo đa dạng, tập trung vào liên kết, trao đổi giáo dục giữa các trường của hai tỉnh với nhau. Bên cạnh đó, tỉnh đã tổ chức các đoàn công tác thăm, làm việc và ký Biên bản ghi nhớ hợp tác với một số tỉnh, thành phố của các nước như: Singapo, Nhật Bản, Thái Lan, Nga, Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Italia, Úc…, nhằm đẩy mạnh các mối quan hệ ngoại giao cũng như tìm kiếm các cơ hội hợp tác mới, đồng thời mở rộng các mối quan hệ hợp tác hữu nghị với một số địa phương ở nước ngoài. Tổ chức đón, tiếp chu đáo các đoàn nước ngoài, các tổ chức quốc tế, đại diện Đại sứ các nước đến thăm và làm việc tại tỉnh. Trong 5 năm trở lại đây, tỉnh Quảng Trị đã thu hút và tiếp nhận nhiều dự án viện trợ của 67 tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Tổng vốn ODA thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 ước đạt 184,65 triệu USD.

Để thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng ta hiện nay chúng ta cần làm tốt một số giải pháp cơ bản sau đây:

Thứ nhất, thực hiện có hiệu quả cao hơn nữa quan điểm của Hồ Chí Minh về đối ngoại.

Trong lời kêu gọi gửi Liên hợp quốc năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định "*đối với các nước dân chủ, Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trên mọi lĩnh vực*". Đồng thời, Người tuyên bố

"*Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước dân chủ, không gây thù oán với ai*" [2]. Theo Hồ Chí Minh, ngoại giao là một mặt trận đấu tranh cực kỳ quan trọng, là một bộ phận không thể tách rời của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Vì vậy vai trò tiên phong của ngoại giao là tạo ra và sử dụng sức mạnh tổng hợp, thể hiện ở việc đối ngoại đánh giá, dự báo tình hình, nhận diện thời cơ và thách thức để bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa, nhanh nhạy phát hiện các vấn đề mới, tham mưu chiến lược, thúc đẩy đổi mới tư duy, tìm hướng đi thuận lợi cho phát triển đất nước. Vì vậy, Đại hội XIII nhấn mạnh "*tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược về đối ngoại, không để bị động, bất ngờ*" [3]. Nhiệm vụ này rất quan trọng, bởi chỉ có "biết mình", "biết người", "biết thời thế" mới có thể tranh thủ thời cơ, thuận lợi để phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Để tranh thủ và tận dụng tối đa cơ hội, kiểm soát và hóa giải các thách thức, ứng phó tốt với những chuyển biến bên ngoài, chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ là: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết", "Dân ta xin nhớ chữ đồng. Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh", Điểm đồng chung nhất, cao nhất ở đây là phải kiên quyết bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Có như thế, trong triển khai công tác đối ngoại mới có thể "kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại", thực hiện phương châm "dĩ bất biến ứng vạn biến"; để xử lý các thách thức đối ngoại.

Thứ hai, thực hiện triển khai, cụ thể hóa chủ trương về đối ngoại, ngoại giao của Đảng theo tinh thần cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Cương lĩnh chủ trương: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác. Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới. Phấn đấu cùng các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh. Chủ trương hoạt động đối ngoại của Đảng trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, nhằm góp phần nâng cao vị thế của đất nước, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Thứ ba, quán triệt đầy đủ các phương hướng công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong thời gian tới.

Đó là, tập trung quán triệt, triển khai, cụ thể hóa các nghị quyết liên quan đến đối ngoại, hội nhập quốc tế. Thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư về về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030, tiên phong huy động các nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước. Một trong những lợi ích cơ bản của nước ta hiện nay là phấn đấu thực hiện mục tiêu phát triển

đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045). Như vậy, cùng với tư duy tiên phong, tư duy phát triển là điểm mới trong tư duy đối ngoại của Đảng tại Đại hội XIII. Quán triệt "phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm", đối ngoại tiếp tục tranh thủ hiệu quả các yếu tố quốc tế thuận lợi, các FTA đã ký và các cam kết, thỏa thuận quốc tế nhằm mở rộng thị trường, thu hút tri thức, công nghệ và đầu tư phục vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần tăng cường năng lực tự chủ của nền kinh tế và sức mạnh tổng hợp quốc gia. Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, vai trò tiên phong của đối ngoại đã được phát huy và thể hiện rõ qua hoạt động "ngoại giao vắc-xin", tranh thủ sự hỗ trợ kịp thời, hiệu quả của quốc tế về vắc xin, thiết bị y tế và thuốc điều trị, góp phần quan trọng vào phòng, chống, thích ứng an toàn với Covid-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tư, việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó có đối ngoại.

Đặc thù của đối ngoại là sử dụng các phương thức, biện pháp hòa bình để ngăn ngừa, hóa giải và đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa, qua đó góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia. Phát huy truyền thống giữ nước của ông cha ta là "hòa ở trong nước thì ít phải dùng binh, hòa ở ngoài biên thì không sợ báo động", Đại hội XIII khẳng định tiếp tục đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là với các nước láng giềng, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, các đối tác quan trọng và bạn bè truyền thống, "tạo thế đan xen lợi ích" và "tăng độ tin cậy". Việc thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ giúp củng cố vững chắc cục diện đối ngoại ổn định, thuận lợi cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội XIII đề ra chủ trương "*Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân*"[4]. Bên cạnh đó, đối ngoại cùng quốc phòng, an ninh giữ vững đường biên giới hòa bình, hợp tác và phát triển; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Đồng thời, tìm kiếm và phát huy điểm đồng về lợi ích để thúc đẩy hợp tác, linh hoạt và sáng tạo trong xử lý các tranh chấp trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc và luật pháp quốc tế; "*Trong đó, tiếp tục thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982*" [5]. Đó là, giữ vững môi trường hòa bình, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Xử lý chủ động, kịp thời các phức tạp nảy sinh và cố gắng tìm giải pháp thỏa đáng, lâu dài liên quan vấn đề nguồn nước sông Mê Công. Chủ động đấu tranh trên các lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, tôn giáo; bảo vệ lợi ích của ta và không để ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại.

Thứ năm, tiếp tục tập trung tăng cường ngoại giao kinh tế.

Một điểm mới là Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 đề ra định hướng "xây dựng nền ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm". Tiên phong mở đường, đồng hành, phục vụ lợi ích của người dân, địa phương và doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế. Đây là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng "dân là gốc" trong đối ngoại, bởi việc thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại xét đến cùng là nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh,

dân chủ, công bằng, văn minh. Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ "việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh", bám sát chủ trương, đường lối đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại kiến tạo môi trường quốc tế thuận lợi, mở đường, đồng hành, hỗ trợ người dân, địa phương và doanh nghiệp tranh thủ tối đa cơ hội, lợi ích và giảm thiểu rủi ro, vượt qua thách thức của hội nhập quốc tế; đồng thời, bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp Việt Nam trong hội nhập quốc tế. Hoạt động ngoại giao kinh tế nước ta cần thiết thường xuyên tham mưu, cung cấp thông tin về tình hình kinh tế, nhận định một cách khoa học về xu thế, chiều hướng kinh tế của các nước để cung cấp thông tin, tham mưu cho các bộ, ngành, doanh nghiệp trong nước. Ngành ngoại giao tăng cường tìm hiểu, phát hiện các thị trường, các nước có tiềm năng hợp tác với nước ta để giới thiệu cho các doanh nghiệp, tăng cường vận động các doanh nghiệp nước ngoài mở rộng đầu tư, làm ăn kinh tế tại Việt Nam nhằm có thêm nhiều hợp đồng có giá trị cao được ký kết.

Thứ sáu, thực hiện tốt hơn nữa ngoại giao văn hóa nhằm nâng cao vị thế và uy tín đất nước thông qua phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải, đảm nhận tốt các trọng trách quốc tế, đóng góp tích cực và có trách nhiệm vào quan tâm chung của thế giới.

Ngoại giao văn hóa có vị trí, vai trò hết sức quan trọng, tăng cường công tác ngoại giao văn hóa sẽ tạo động lực mới cho ngoại giao trong tiến trình hội nhập quốc tế. Các hoạt động hợp tác, giao lưu văn hóa đã đóng góp thiết thực, hiệu quả và làm sâu sắc thêm quan hệ của Việt Nam với các nước trên thế giới, mở rộng cơ hội giao lưu hợp tác với các nước khác. Đại hội XIII xác định: Ra sức quảng bá sâu rộng hình ảnh tốt đẹp của Việt Nam về yêu chuộng hòa bình, văn hiến, năng động, sáng tạo, đổi mới, hội nhập, phát triển… Phát huy hiệu quả giá trị các danh hiệu quốc tế mà nước ta đã đạt được, đồng thời tiếp tục vận động các danh hiệu quốc tế mới. Kết hợp chặt chẽ hơn các hoạt động ngoại giao văn hóa với công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. Tích cực tham gia một cách có ấn tượng vào các tổ chức, diễn đàn văn hóa quốc tế, góp phần phát huy thế mạnh văn hóa và trách nhiệm của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế. Nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại một cách chủ động, có tầm nhìn xa, trông rộng, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc, nâng cao dân trí, phục vụ cho công cuộc đổi mới đất nước. Đầu tư thỏa đáng về kinh phí và nguồn nhân lực, huy động nhiều nguồn lực, thành phần, đối tượng tham gia triển khai công tác ngoại giao văn hóa để đạt kết quả ngày một cao hơn.

Sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước đang đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta những nhiệm vụ to lớn nhưng rất vẻ vang, trong đó có vai trò rất quan trọng của đối ngoại. Các giải pháp này phải được thực hiện đồng bộ trên thực tế mới mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần thực hiện tốt những mục tiêu mà Nghị quyết Đại hộ XIII của Đảng đã đề ra./.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng-Tr. 161-162

[2]. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011,t.3, tr. 256.

[3]. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng-Tr. 165

[4]. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng-Tr. 162

[5]. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng-Tr. 163

KINH TẾ HỌC TƯ SẢN CỔ ĐIỂN - TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN CHO HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ CỦA C. MÁC

NCS. **TRẦN THIÊN TÚ**
Phó Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Học thuyết Giá trị thặng dư được Ăng ghen đánh giá là một trong hai phát minh vĩ đại nhất của C.Mác, còn Lênin nhận xét rằng đây là viên đá tảng của chủ nghĩa Mác. Tuy nhiên, để có được lý luận này, Mác đã kế thừa có phê phán và phát triển những yếu tố khoa học trong kinh tế học tư sản cổ điển, đấu tranh với những quan điểm kinh tế chính trị tư sản tầm thường và tiểu tư sản đương thời.

Vào thế kỷ XVIII, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã hình thành tại hai nước châu Âu là Anh và Pháp, đây là cơ sở thực tiễn cho sự ra đời của một trường phái kinh tế tư sản: Kinh tế học tư sản cổ điển (Kinh tế chính trị tư sản cổ điển) với nhiều tên tuổi nổi tiếng.

Kinh tế chính trị tư sản cổ điển đã phân tích các quy luật bên trong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tìm ra nguồn gốc của giá trị hàng hoá là do chính lao động tạo ra: Lượng giá trị của một hàng hoá là do số lượng lao động đã hao phí để sản xuất hàng hoá đó quyết định. Trên cơ sở đó, kinh tế chính trị tư sản cổ điển đã bắt đầu nghiên cứu các phạm trù địa tô - lợi nhuận và lợi tức. Các nhà tư tưởng của trường phái này cũng đã rút ra kết luận về tính chất đối lập trong sự vận động giữa tiền lương và lợi nhuận; thông qua đó, đã trình bày mâu thuẫn kinh tế giữa giai cấp tư sản và vô sản.

Mặc dù kinh tế học tư sản cổ điển đã có những cống hiến đáng kể, nhưng tính khoa học của nó vẫn chỉ là tương đối và bị hạn chế trong tầm mắt tư sản nhỏ hẹp. Các đại biểu của nó cho rằng chủ nghĩa tư bản là hình thái xã hội tự nhiên và vĩnh viễn của sản xuất. Theo đó, họ cho rằng tất cả các phạm trù kinh tế của chủ nghĩa tư bản đều là vĩnh viễn. Họ không coi các phạm trù ấy là hình thức biểu hiện của quan hệ sản xuất nhất định mà chỉ hạn chế trong việc phân tích về mặt số lượng đối với lượng giá trị, tiền lương, lợi nhuận và địa tô. Các học giả tư sản thuộc trường phái cổ điển không cắt nghĩa được triệt để và khoa học sự phát sinh của giá trị thặng dư, do đó, trong những định nghĩa của họ về giá trị và những phạm trù kinh tế chứa đầy mâu thuẫn.

Trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa trọng thương ra đời, nó đã chỉ ra tiêu chuẩn sự giàu có là tiền, tìm ra vai trò của lưu thông hàng hoá, bước đầu nêu ra bí mật của công thức vận động chung của tư bản và mục đích của nó là T - T'. Do phương pháp luận thiếu khoa học và hạn chế lịch sử, học thuyết kinh tế trọng thương cho rằng giá trị thặng dư là hình thức biểu hiện của lợi nhuận thương nghiệp và nó là kết quả của việc mua ít bán nhiều, mua rẻ bán đắt mà có.

Đến thế kỷ XVIII, nền kinh tế Pháp bị suy sụp nghiêm trọng, các chính sách thuế để lấy khoản ngân sách bù đắp cho các công trường thủ công, tăng mức địa tô cho chủ đất... đã làm cuộc sống nông dân hết sức cùng khổ. Học thuyết trọng thương bắt đầu bộc lộ những hạn chế của nó. Trường phái Trọng nông ra đời đã chuyển đối tượng nghiên cứu sang lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đánh giá

cao vai trò của ngành nông nghiệp, cho rằng nguồn gốc thuần túy của sự giàu có của mỗi quốc gia là từ sản xuất nông nghiệp hay các dạng phát triển đất đai khác.

Francois Quesney (1694 - 1744) cho rằng nông nghiệp là ngành chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, chỉ có nông nghiệp mới làm tăng thêm của cải, mới sáng tạo ra sản phẩm thuần tuý hoặc địa tô. *Ông cho "sản phẩm thuần tuý"* là toàn bộ sản phẩm thặng dư trong nông nghiệp và nhận lầm rằng sản phẩm thuần tuý là tặng vật của giới tự nhiên. Theo Quesney, công nghiệp và thương nghiệp không sáng tạo ra sản phẩm thuần tuý. Vì thế, ông cho rằng, các ngành kinh tế quốc dân ấy, cũng như các nhà tư bản và công nhân đều không sản xuất. Theo Quesney, những người sở hữu ruộng đất là những người duy nhất thu được sản phẩm thuần tuý.

Theo Anne Robert Jacques Turgot (1727-1781), tiền công là kết quả của người bán lao động của mình cho người khác, và tiền công "*giới hạn bằng một lượng tối thiểu cần thiết để người lao động tồn tại, như là để đảm bảo cuộc sống*". Tiền công của công nhân là thu nhập theo lao động, còn lợi nhuận là thu nhập không lao động, đó là một phần lao động không được trả công của công nhân nông nghiệp - ông đã đặt cơ sở bước đầu cho việc phân tích lợi nhuận trong nông nghiệp. Ông đã gắn liền lợi nhuận tư bản chủ nghĩa với lợi tức, gắn liền lợi tức với địa tô và do đó việc sinh ra sản phẩm thuần tuý được coi là tặng vật của thiên nhiên. Ông khẳng định: "người nông dân là động lực đầu tiên của mọi công việc; đó là người tạo ra thu nhập cho thợ thủ công trên mảnh đất của mình. Lao động của nông dân là thứ lao động duy nhất tạo ra được của cải nhiều hơn số tiền trả cho công lao động đó. Vì thế đó là nguồn gốc duy nhất của mọi của cải".

Như vậy, lý luận của trường phái trọng nông là một bước chuyển sang giai đoạn cao hơn so với chủ nghĩa trọng thương. Họ chuyển việc nghiên cứu nguồn gốc của của cải và của sản phẩm thặng dư từ lĩnh vực lưu thông sang lĩnh vực sản xuất, đặt cơ sở cho việc phân tích nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, công lao quan trọng nhất của phái trọng nông là ở chỗ họ đã phân tích tư bản trong giới hạn của tầm mắt tư sản. Chính công lao này mà họ đã trở thành người cha thực sự của khoa kinh tế chính trị hiện đại. Tuy nhiên, họ chưa hiểu được thực tế giá trị tự nhiên nên chưa hiểu giá trị thặng dư, chỉ dừng lại ở sản phẩm ròng do đất đai đem lại. Họ hiểu sai vấn đề sản xuất và lao động sản xuất hàng hoá, chỉ tập trung nghiên cứu sản xuất giản đơn và coi ngành công nghiệp không phải là ngành sản xuất tạo ra giá trị tăng thêm.

Từ những lý luận của trường phái trọng nông ở Pháp, Mác gọi chúng là "khái niệm có hệ thống đầu tiên về sản xuất tư bản chủ nghĩa".

Ở Anh, từ khi thương nghiệp mất dần vai trò lịch sử đặc biệt của nó là công cụ bóc lột thuộc địa, giai cấp tư sản Anh sớm nhận thấy lợi ích của họ trong sự phát triển công nghiệp. Luận chứng về con đường làm giàu, các đại biểu kiệt xuất của giai cấp tư sản Anh đã chỉ rõ: Muốn làm giàu phải bóc lột lao động, lao động làm thuê của những người nghèo là nguồn gốc làm giàu vô tận cho những người giàu. Đó là điều cốt lõi của kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh.

William Petty (1623 -1687) là người đặt cơ sở cho trường phái kinh tế cổ điển Anh, ông có những đóng góp quý báu về lý luận giá trị lao động trong lý luận tiền tệ, lý luận về tiền công; bước đột phá trong nhận thức của W. Petty về thực chất của địa tô, lợi tức chính là sản phẩm thặng dư, tức là phần vượt ra ngoài các chi phí tiền công cho lao động của lĩnh vực nông nghiệp. Là người đầu tiên đề ra lý luận số lượng tiền lương phụ thuộc

vào số tư liệu sinh hoạt tối thiểu, W. Petty giải thích sự phụ thuộc của địa tô vào số lượng tiền lương. Ông chia giá trị thành tiền lương và địa tô (toàn bộ sản phẩm thặng dư) và cho rằng với các điều kiện khác không đổi, việc nâng cao tiền lương sẽ hạ thấp địa tô. Chính W. Petty đã sáng lập ra lý luận địa tô chênh lệch. Ông gắn địa tô với lợi tức khi ông cho lợi tức là thu nhập phát sinh của địa tô và mức lợi tức cao hay thấp phụ thuộc vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Đây là một sự sai lầm vì địa tô và lợi tức có nguồn gốc khác nhau.

Đối với Adam Smith (1723 - 1790), công lao to lớn của trong nghiên cứu lý luận giá trị là ở chỗ ông đã dứt khoát xác định giá trị bằng lao động chi phí trong việc sản xuất hàng hoá, rằng việc trao đổi hàng hoá nhất thiết phải tương ứng với lao động chứa đựng trong nó. Việc tiền công, A. Smith là người đầu tiên xác định một cách chính xác và toàn vẹn cơ sở của tiền công là giá trị các tư liệu sản xuất cần thiết nhất cho cuộc sống của công nhân và gia đình họ. Những tư liệu sinh hoạt này họ đổi được bằng lao động của mình trên thị trường và họ chỉ nhận được một phần giá trị sản phẩm của họ dưới dạng tiền công.

Từ đó A. Smith đi vào phân tích vào vấn đề lợi nhuận - theo đuổi mục đích tìm ra bản chất và nguồn gốc thật sự của nó. Ông phân tích một cách rõ ràng quá trình lịch sử của chủ nghĩa tư bản và bản chất các quan hệ xã hội mà chủ nghĩa tư bản sinh ra. Ông khẳng định dứt khoát sự khác biệt giữa thu nhập tư bản với thu nhập của công nhân. A. Smith còn mô tả: Công nhân chỉ được nhận một phần nào đó (dưới dạng tiền công) giá trị tạo ra từ lao động và bằng một lượng lao động nhất định của mình, phần tăng thêm do công nhân làm ra và biến thành lợi nhuận của các nhà tư bản, trong đó có một phần đem trả đi dưới dạng địa tô (nếu phải thuê đất) và lợi tức (nếu phải đi vay tư bản). Ông nêu ra hai cách hiểu về lợi nhuận: Hoặc là toàn bộ phần chênh lệch giữa giá trị tăng thêm so với tiền công (thực chất là giá trị thặng dư); hoặc phần còn lại trong sự chênh lệch đó sau khi đã đem trả địa tô và lợi tức (chính là lợi nhuận của doanh nghiệp hay thu nhập của chủ xí nghiệp). Ở đây, A. Smith đã thiếu cơ sở quan trọng cho lý luận lợi nhuận của mình - Lý luận về giá trị thặng dư ở hình thái chung, trừu tượng nhất. Ông khẳng định: Lợi nhuận là một loại thu nhập mang tính chất bóc lột chứ không phải là một dạng tiền công trả cho người lao động trông coi và quản lý xí nghiệp.

A. Smith đã đi sâu tìm hiểu bản chất của địa tô tư bản chủ nghĩa trên cơ sở lý luận giá trị lao động, theo đó, địa tô là một loại thu nhập không do lao động, một sự khấu trừ giá trị hàng hoá có lợi cho người sở hữu ruộng đất. Địa tô là phần giá trị dôi ra trên mức tiền công của công nhân và lợi nhuận bình quân của tư bản. Ông đã phát hiện lợi nhuận và địa tô là phần khấu vào sản phẩm lao động. Do đó ông đã tiệm cận được nguồn gốc của giá trị thặng dư.

Tuy nhiên, do không giải thích đúng đắn giá trị nên ông đã biến lý luận lao động tạo ra giá trị thành lý luận chi phí sản xuất dẫn đến kết luận tổng thu nhập do lợi nhuận, địa tô và tiền lương hợp thành giá trị. Có thể thấy, chính việc không có một khái niệm khoa học về giá trị thặng dư đã làm cho việc nghiên cứu lợi nhuận, địa tô của ông không có cơ sở chắc chắn.

Đối với David Ricardo (1772 – 1823), trong việc nghiên cứu nguồn gốc, biểu hiện của giá trị thặng dư, ông chưa xem xét giá trị thặng dư một cách độc lập với các hình thái biểu hiện cụ thể của nó như lợi nhuận, lợi tức và địa tô. Tuy nhiên, sự nghiên cứu về lợi nhuận của ông có nhiều điểm tiến bộ và thể hiện rõ thái độ của một nhà khoa học chân chính. D. Ricardo khẳng định lợi nhuận là kết

quả lao động của công nhân và kết quả của việc chiếm hữu phần giá trị do họ tạo ra. Ông kết luận khi tiền công tăng lên một cách phổ biến thì lợi nhuận sẽ giảm xuống - tức là ông đã nhận ra được một quy luật của chủ nghĩa tư bản song giải thích nó theo cách của mình.

Giải thích nguồn gốc của địa tô trên cơ sở lý luận giá trị lao động, ông cho rằng địa tô không phải là một tặng vật nào đó của đất mà nó có nguồn gốc từ chính lao động đã bỏ vào đất đai trong điều kiện có chiếm hữu nhất định đưa lại. Như vậy, D.Ricardo đã tiến thêm một bước so với lý luận giá trị của Smith; đồng thời vạch rõ nguồn gốc của tiền lương, lợi nhuận và địa tô là giá trị do lao động tạo ra. Ông nhận xét tiền lương và lợi nhuận là hai bộ phận của giá trị do lao động tạo ra. Kết luận tiền lương càng thấp thì lợi nhuận càng cao, tiền lương càng cao thì lợi nhuận càng thấp. Tức là D. Ricardo đã thực tế bóc trần sự đối lập lợi ích giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Cũng như các nhà tiểu tư sản khác, D. Ricardo cho rằng chủ nghĩa tư bản là phương thức sản xuất vĩnh viễn, do đó, chỉ phân tích về lương đối với các phạm trù kinh tế trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Ông không nghiên cứu bản chất của giá trị thặng dư bản chất này không phụ thuộc vào các hình thức cụ thể của giá trị thặng dư. Đồng thời ông đã sai lầm khi cho rằng công nhân bán lao động cho nhà tư bản chứ không phải bán sức lao động, do đó không thể trình bày nguồn gốc của lợi nhuận trên cơ sở lý luận lao động ra giá trị.

Như vậy, những lý luận ban đầu về giá trị thặng dư trong kinh tế chính trị tư sản cổ điển có đóng góp nhất định cho lịch sử tư tưởng kinh tế. Tuy nhiên, nó mới dừng lại ở phân tích định nghĩa lợi nhuận, theo đó lợi nhuận là do lao động của công nhân (cả trong nông nghiệp và công nghiệp) tạo ra mà họ không được trả công và lợi nhuận là bóc lột, nó tỉ lệ nghịch với tiền lương của công nhân.

Các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển đã bước đầu cảm nhận được lợi nhuận, địa tô, lợi tức là những hình thái khác nhau của giá trị thặng dư và đều có nguồn gốc từ lao động tạo ra. Mác đánh giá đây là thành tựu lớn của kinh tế chính trị tư sản cổ điển trong thời kỳ tiến bộ của nó.

Tuy nhiên, có thể thấy hạn chế lớn nhất của kinh tế chính trị tư sản cổ điển trong lý luận về giá trị thặng dư là chưa phân biệt được sự khác nhau giữa lợi nhuận và giá trị thặng dư và chưa phân tích rõ được nguồn gốc của lợi nhuận. Điều mà sau này, Mác đã phát triển, xây dựng thành một học thuyết khoa học nhất.

Nghiên cứu những tiền đề lý luận cho học thuyết giá trị thặng dư của Mác để càng thấy được tính hoàn bị trong lý luận kinh tế chính trị của Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung. Rõ ràng, lý luận không thể xuất hiện trên mảnh đất trống không, mà nó phải có những cơ sở của nó, nhưng học thuyết giá trị thặng dư của Mác không đơn thuần là sự kế thừa một cách nguyên xi, máy móc, siêu hình, mà là sự kế thừa có chọn lọc, mang tính phản biện cao. Học thuyết này đã vạch rõ được nguyên nhân của sự giàu có của nhà tư bản, bản chất xấu xa của chủ nghĩa tư bản, nguồn gốc sâu xa của mọi bất công trong lòng chủ nghĩa tư bản. Cho dù hiện nay, chủ nghĩa tư bản đã có những thay đổi to lớn về mặt hình thức, phúc lợi xã hội càng ngày càng cao, nhưng bản chất xấu xa vẫn không hề thay đổi. Đây là cơ sở để cán bộ, đảng viên luôn giữ vững lập trường, chống những luận điện sai trái của các thế lực thù địch, phản động, cùng đất nước vững tâm tiến lên chủ nghĩa xã hội./.

TƯ TƯỞNG V.I.LÊNIN VỀ PHƯƠNG PHÁP ỨNG XỬ VỚI TÔN GIÁO

ThS. TRẦN ĐỨC DƯƠNG
Phó Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

V.I.Lênin là người đã kế thừa và phát triển học thuyết của C.Mác, vận dụng nó vào trong điều kiện cách mạng nước Nga những năm đầu thế kỷ XX. Bên cạnh những nguyên lý cơ bản mà C.Mác và Ph.Ăngghen nêu trong học thuyết của mình, V.I.Lênin đã bổ sung và phát hiện thêm một số luận điểm, đặc biệt là những luận điểm về tôn giáo. Những tư tưởng của V.I.Lênin về lĩnh vực này đã có vai tro lớn trong cách mạng nước Nga lúc đương thời. Đến nay, những tư tưởng đó của Người vẫn có giá trị khoa học và là những chỉ dẫn bổ ích cho công tác tôn giáo ở nước ta. Tư tưởng V.I. Lênin về phương pháp ứng xử với tôn giáo có thể khái quát trên các nội dung sau:

Thứ nhất, phải tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo.

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là đòi hỏi chính đáng về quyền con người. Trong chủ nghĩa xã hội, việc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng là một nguyên tắc. Quyền ấy không chỉ thể hiện về mặt pháp lý mà còn được thực hiện trên thực tiễn một cách nhất quán, xuyên suốt, lâu dài của các đảng mácxít. Nguyên tắc ấy là căn cứ vào nguồn gốc, tính chất của tôn giáo, căn cứ vào bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, và quy luật của quá trình chuyển biến về mặt tư tưởng của con người - đó là một sự chuyển biến tự giác, dần dần, từ thấp đến cao.

Trong các tác phẩm, bài viết của mình, V.I.Lênin đã khẳng định mọi công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, mọi công dân có hay không có tín ngưỡng đều bình đẳng trước pháp luật, không được phân biệt công nhân (và nhân dân nói chung) vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo và tránh mọi hình thức xúc phạm đến tôn giáo. Trong Lời phát biểu tại hội nghị của các đại biểu ngoài đảng dự đại hội (26/12/1921), ghi rõ: "Theo Hiến pháp của chúng ta, theo đạo luật cơ bản của nước cộng hòa chúng ta, thì quyền tự do tín ngưỡng về tôn giáo đã được tuyệt đối bảo đảm cho mọi người" [1].

Người cũng cho rằng, cùng với việc bảo đảm tự do tôn giáo của mọi công dân, phải tránh phân biệt giữa những người theo tôn giáo và người không theo tôn giáo và mọi sự xúc phạm đến tôn giáo: "Bất kỳ ai cũng được hoàn toàn tự do theo tôn giáo mình thích, hoặc không thừa nhận một tôn giáo nào, nghĩa là được làm người vô thần, như bất cứ người xã hội chủ nghĩa nào cũng thường là người vô thần. Mọi sự phân biệt quyền lợi giữa những công nhân có tín ngưỡng tôn giáo khác nhau đều hoàn toàn không thể dung thứ được"[2]. C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin quan tâm

không chỉ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng mà cả quyền tự do không tín ngưỡng, quan tâm không chỉ về nhận thức mà còn cả thực tiễn. Quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng là nguyên tắc mácxít về tôn giáo và là tư tưởng nhất quán, lâu dài của những người cộng sản.

Trong tiến trình cách mạng Việt Nam, Nhà nước ta luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, nghiêm cấm phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng sẽ bảo đảm quan hệ tốt đẹp giữa những người theo tôn giáo và những người không theo tôn giáo, giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, từ đó đảm bảo cho đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước.

Thứ hai, cần tăng cường tuyên truyền giáo dục, thuyết phục nhân dân.

V.I.Lênin chỉ rõ rằng cần phải kiên trì thực hiện việc giải phóng thực sự quần chúng lao động khỏi những thiên kiến tôn giáo, bằng cách tuyên truyền và nâng cao giác ngộ của quần chúng, đồng thời hết sức chú ý tránh không xúc phạm đến tình cảm của các tín đồ trong quần chúng.

Thứ ba, phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

Người mácxít phải biết chú ý đến toàn bộ tình hình cụ thể khi giải quyết các vấn đề liên quan đến tôn giáo, đó là chỉ dẫn có ý nghĩa sâu sắc của V.I.Lênin đối với chúng ta trong công tác tôn giáo. Nguyên tắc này có một ý nghĩa thực tiễn rất lớn. Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không như nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về các lĩnh vực của đời sống xã hội luôn có sự khác biệt. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo.

Ở Việt Nam cũng như trên thế giới, dân tộc và tôn giáo là hai vấn đề lớn, phức tạp và nhạy cảm. Để giải quyết tốt hai vấn đề dân tộc và tôn giáo phải thực hiện đúng đắn và đầy đủ chủ trương, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Đối với dân tộc và tôn giáo, cần thận trọng, không được khinh xuất hoặc bất cẩn, nếu không thì việc nhỏ trở thành việc lớn, việc đơn giản trở thành phức tạp.

Nhận thức vai trò quan trọng của vấn đề tôn giáo tại Việt Nam, trên cơ sở tình hình thực tiễn và vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo nói chung và đoàn kết tôn giáo nói riêng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đưa ra những nhận định, quan điểm, chủ trương mới về tôn giáo: *"Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ "sống tốt đời đẹp đạo", đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo và hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết dân tộc*".

Những nội dung liên quan đến tôn giáo, công tác tôn giáo được đề cập trong văn kiện

Đại hội XIII thể hiện Đảng ta đã kế thừa, bổ sung, tiếp thu những đóng góp quý báu từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nhất là nguyện vọng của đồng bào có đạo, phù hợp với thực tiễn sinh động của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta. Đây là cơ sở định hướng trong nhận thức và thực hiện có hiệu quả công tác tôn giáo, tiếp tục phát huy "các nguồn lực của các tôn giáo" cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đồng thời đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá cách mạng nước ta. Để phát huy có hiệu quả các nguồn lực của các tôn giáo, chúng ta phải sử dụng tổng hợp các phương thức tác động phù hợp, nhìn nhận khách quan những tác động của tôn giáo đối với xã hội; có cơ chế, chính sách đúng đắn, kịp thời, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tôn giáo sử dụng các nguồn lực của mình tham gia vào các hoạt động phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với tư cách là một giảng viên ở trường chính trị tỉnh, khi nghiên cứu vấn đề trên để có cách nhìn tổng thể, toàn diện hơn về vấn đề tôn giáo, từ đó, thông qua hoạt động giảng dạy có thể cung cấp, trang bị cho học viên những kiến thức chung, cơ bản nhất về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo, giải quyết vấn đề tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta hiện nay. Từ những kiến thức đã tiếp thu, học viên sẽ vận dụng vào thực tế công tác xử lý các vấn đề liên quan đến tôn giáo ở cơ sở hiện nay, qua đó, phát triển khả năng phân tích, đánh giá, phát triển tư duy sáng tạo, khả năng ứng xử của học viên đối với công tác tôn giáo. Đồng thời, nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn, khả năng giáo dục, động viên, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị ở địa phương và của đất nước. Thông qua đó, giúp học viên xây dựng thái độ đúng đắn, khách quan trong việc giải quyết những vấn đề thực tiễn liên quan đến tôn giáo; phát triển, nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống, nhân cách, bản lĩnh chính trị của người cán bộ, đảng viên. Góp phần củng cố niềm tin của họ vào sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng; kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hiểu đúng đủ nội dung của bài từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả quán triệt, tuyên truyền, thực hiện quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta, cảnh giác đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề tôn giáo của các thế lực thù địch.

Có thể khẳng định, trên cơ sở quán triệt, vận dụng sáng tạo tư tưởng của V.I. Lênin và Hồ Chí Minh và sự nhận thức đầy đủ hơn, sáng rõ hơn về tình hình tôn giáo trong thực tiễn Việt Nam, tại Đại hội XIII, Đảng đã có những chủ trương, giải pháp phù hợp, giải quyết thấu đáo những vấn đề liên quan đến tôn giáo trong tiến trình cách mạng Việt Nam; qua đó góp phần quan trọng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy nguồn lực tôn giáo, thực hiện thắng lợi mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"./.

Tài liệu tham khảo:

[1]. V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb.Tiến bộ, M.1981, t.44, tr.410.

[2]. V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb.Tiến bộ, M.1978, t.12, tr.170-171.

VẤN ĐỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020

ThS. CAO THỊ HÀ
Khoa Nhà nước và pháp luật

Bảo vệ môi trường là một trong ba trụ cột phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đảng ta có nhiều chủ trương về bảo vệ môi trường (BVMT) thể hiện trong các Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đến Đại hội XIII. Quan điểm xuyên suốt của Đảng từ trước đến nay là thúc đẩy thực hiện phát triển bền vững, không đánh đổi môi trường bằng sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trước mắt. Quan điểm của Đảng về BVMT là cơ sở quan trọng để Nhà nước hoàn thiện pháp luật về môi trường. Trên tinh thần đó, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (sau đây gọi là Luật năm 2014) ra đời đã tạo hành lang pháp lý quan trọng cho công tác BVMT, đóng góp quan trọng cho các thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững. Tuy nhiên, sau hơn 05 năm thực thi, tình hình đất nước và trên thế giới hiện nay đã có những biến đổi sâu rộng, nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Từ những vấn đề, thách thức mới phát sinh từ thực tiễn cuộc sống và để đáp ứng yêu cầu hội nhập trong thời kỳ mới đặt ra yêu cầu cần thiết phải sửa đổi Luật năm 2014. Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT, đáp ứng tiêu chuẩn phát triển của xã hội, ngày 17/11/2020, kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV thông qua Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (sau đây gọi là Luật năm 2020) thay thế Luật năm 2014. Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022. So với Luật năm 2014, Luật năm 2020 có nhiều nội dung mới, đặc biệt là quy định liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Hiện nay, sự phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và sự gia tăng dân số đang diễn ra mạnh mẽ, từ đó tạo ra áp lực lớn đối với môi trường khi lượng chất thải rắn nói chung và đặc biệt chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) nói riêng đang phát sinh ngày càng nhiều. Trong khi đó, việc quản lý loại chất thải này còn nhiều hạn chế, gây ra tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, môi trường sống và sức khỏe con người. Vì vậy, quản lý CTRSH là một trong những nội dung quan trọng được quy định trong Luật năm 2020 với 06 điều luật (từ điều 75 đến điều 80). Cụ thể là:

Thứ nhất, về cách phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

Từ thực tiễn thi hành pháp luật về BVMT trong việc quản lý CTRSH thông thường ở các nước trên thế giới và Việt Nam đã chỉ ra rằng: Muốn giải quyết triệt để và tối ưu vấn đề rác thải sinh hoạt, bắt buộc phải phân loại tại nguồn. Nếu việc phân loại chất thải rắn tại nguồn được thực hiện tốt sẽ làm giảm khối lượng chất thải phải chôn lấp, giảm độc hại, giảm ONMT không khí, nguồn nước; tiết kiệm diện tích đất dùng để chôn lấp chất thải. Mặt khác, nếu phân loại tốt, có thể thu được nguồn lợi kinh tế từ các chất thải có thể tái chế và tái sử dụng. Công tác quản lý CTRSH ở Việt Nam trong thời gian qua còn có nhiều bất cập từ chính sách, cơ sở hạ tầng cho đến cách thức tổ chức thực hiện. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ CTRSH phải chôn lấp còn cao là do chưa chú trọng đến công tác phân loại rác thải tại nguồn. Vì vậy, Luật năm 2020 đẩy mạnh phân loại CTRSH tại nguồn. Điều 75 Luật năm 2020 quy định :

"1. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại theo nguyên tắc như sau:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;

b) Chất thải thực phẩm;

c) Chất thải rắn sinh hoạt khác".

Theo đó, CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân làm 03 loại cụ thể. Việc phân loại CTRSH như trên sẽ góp phần giảm thiểu lượng rác và chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải đồng thời góp phần tạo nguồn nguyên liệu cho hoạt động tái chế, giảm khối lượng CTRSH được chôn lấp tại các bãi chôn lấp khi khối lượng CTRSH ngày càng tăng, diện tích cho chôn lấp bị hạn chế.

Thứ hai, về lộ trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

Thực tế cho thấy, việc phân loại CTRSH đối với phần lớn các hộ gia đình ở cả thành thị lẫn nông thôn vẫn là điều xa lạ. Nhiều hộ gia đình vẫn chứa rác thải lẫn lộn trong các thùng nhựa, thùng xốp hoặc đựng rác trong những túi ni lông rồi để ra đường chờ thu gom, trong khi đó, công tác tuyên truyền, vận động vẫn còn nhiều hạn chế. Điều này cho thấy việc phân loại CTRSH từ mỗi hộ gia đình là vấn đề không đơn giản, cần có thời gian và những giải pháp quyết liệt, đồng bộ. Để bảo đảm tính khả thi, luật, điều 75 quy định: *"2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường".*

Như vậy, lộ trình phân loại CTRSH là do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chứ không phải áp dụng cho tất cả các địa phương kể từ ngày Luật năm 2020 có hiệu lực thi hành là ngày 01/01/2022. Nghị định số 45/2022/NĐ-CP, ngày 07/7/2022 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định thời điểm bắt buộc hộ gia đình, cá nhân phải phân loại CTRSH là từ ngày 01/01/2025. Đến thời điểm đó, nếu không thực hiện phân loại sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý hành chính theo Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Thứ ba, về trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân trong việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

Luật quy định trách nhiệm phân loại của hộ gia đình, cá nhân thay vì khuyến khích việc phân loại rác thải như trước đây. Luật đưa ra các chế tài cụ thể đối với những hộ gia đình không thực hiện trách nhiệm này:

Một là, hộ gia đình, cá nhân sẽ bị đơn vị thu gom, vận chuyển rác từ chối thu gom theo khoản 2 điều 77: *"2. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có quyền từ chối thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phân loại, không sử dụng bao bì đúng quy định và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng bao bì của chất thải rắn sinh hoạt khác theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật này".*

Hai là, hộ gia đình, cá nhân phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển theo khoản 2 điều 79: *"2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không phân loại hoặc phân loại không đúng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 75 của Luật này thì phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý như đối với chất thải rắn sinh hoạt khác".*

Ba là, hộ gia đình, cá nhân sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định đầy đủ chế tài để đảm bảo đồng bộ với quy định pháp luật hiện hành. Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định xử phạt từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với hành vi hộ gia đình, cá nhân không phân loại CTRSH theo quy định; không sử dụng bao bì chứa chất thải rắn sinh hoạt theo

quy định. Theo đó, đến ngày 01/01/2025, nếu hộ gia đình, cá nhân không thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, về phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong phân loại và giám sát việc phân loại CTRSH.

Thực tiễn của hoạt động bảo vệ môi trường cho thấy, cộng đồng dân cư không chỉ là nguồn lực bảo vệ môi trường mà còn là lực lượng cung cấp thông tin, giám sát môi trường một cách nhanh chóng và hiệu quả, giúp giải quyết kịp thời các vấn đề ô nhiễm môi trường ngay từ khi mới xuất hiện, nhất là các vấn đề ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của cộng đồng như ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí,v.v... Chính vì vậy, lần này, Luật năm 2020 quy định trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong việc phân loại CTRSH và trong giám sát việc phân loại CTRSH của hộ gia đình, cá nhân. Theo điều 75: *"7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp vận động cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở có trách nhiệm giám sát việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân"*. Với quy định này sẽ tạo thuận lợi cho cộng đồng dân cư phát huy vai trò của mình trong BVMT, hình thành, phát triển có hiệu quả các mô hình chung tay bảo vệ môi trường ngay tại cơ sở như mô hình *"Đường làng, ngõ xóm xanh - sạch - đẹp"; "Khu dân cư bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu", "Khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường"*. Việc triển khai những mô hình này góp phần nâng cao nhận thức và huy động được sự tham gia của người dân trong BVMT từ mỗi khu dân cư. Các thành viên trong khu dân cư sẽ tự kiểm tra, giám sát lẫn nhau trong công tác BVMT. Qua đó giúp bà con hiểu rõ và thực hiện tốt các quy định như: Chứa rác thải bằng vật dụng bảo đảm vệ sinh; bỏ rác đúng nơi quy định; không xả nước thải, không vứt vật nuôi chết bừa bãi gây mất vệ sinh môi trường…, góp phần xây dựng khu dân cư trong sạch, không ô nhiễm môi trường sống.

Thứ năm, tận dụng tối đa giá trị của chất thải.

Việt Nam có hơn 60 triệu dân sống ở vùng nông thôn, chiếm tới hơn 73% dân số cả nước. Tình trạng rác thải sinh hoạt nông thôn ùn ứ tại các điểm tập kết, tại các ao hồ, kênh mương và trong các khu dân cư đang ngày càng trở nên bức xúc, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới đời sống, sinh hoạt của người dân. Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, mỗi năm khu vực nông thôn phát sinh trên 13 triệu tấn rác thải sinh hoạt. Trong khi đó, tỉ lệ thu gom mới chỉ đạt khoảng 40%; tỉ lệ tái chế khoảng 3,24% còn lại phần lớn chưa được thu gom để xử lý hợp vệ sinh mà xả trực tiếp vào môi trường. Để phù hợp với điều kiện nông thôn tại Việt Nam, khoản 4 điều 75 Luật quy định: *"a) Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi;"* Với quy định này, thay vì sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón hóa học, các thức ăn chế biến sẵn, các hộ gia đình ở nông thôn có thể tận dụng các loại chất thải thực phẩm từ rau, củ, quả, vỏ trứng, thức ăn thừa… làm phân bón hữu cơ cho cây trồng hoặc làm thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm. Như vậy vừa tận dụng được nguồn rác thải hữu cơ sẵn có, tránh lãng phí vừa giảm thiểu lượng lớn chất thải ra môi trường.

Thứ sáu, về các điều kiện về hạ tầng tốt nhất cho người dân để thực hiện chính sách về phân loại rác.

Việc phân loại CTRSH của hộ gia đình, cá nhân sẽ trở nên vô nghĩa nếu như các bước tiếp theo của quy trình quản lý CTRSH không đáp ứng yêu cầu. Do vậy, Luật năm 2020 đã có những quy định cụ thể tại điều 77 để bảo đảm

các điều kiện về hạ tầng tốt nhất cho người dân để thực hiện việc phân loại CTRSH:

"2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường".

4. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo tuyến đường, thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư cao tầng, tòa nhà văn phòng phải bố trí thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các loại chất thải theo quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật này; tổ chức thu gom chất thải từ hộ gia đình, cá nhân và chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt".

Những quy định trên là tiền đề để thay đổi toàn diện công tác quản lý CTRSH ở Việt Nam hiện nay, sớm bắt kịp với các nước tiên tiến trên thế giới.

Thứ bảy, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Luật năm 2020 lần đầu tiên quy định việc lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH .

Về cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH: Được thực hiện theo khoản 1 điều 77: *"1. Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật".*

Về cơ sở xử lý CTRSH: được thực hiện theo khoản 2 điều 78: *"2. Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật".*

Quy định này mở ra cơ chế minh bạch, công bằng và khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện đầu tư vào lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH đồng thời giảm tải cho các cơ sở thực hiện hoạt động này của Nhà nước đang ngày càng trở nên quá tải nặng hiện nay.

Thứ tám, về xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Theo điều 78, xử lý CTRSH: *"Nhà nước khuyến khích và có chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, khuyến khích đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt".* Quy định này nhằm nhằm giảm bớt áp lực cho các cơ sở xử lý CTRSH của Nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác xử lý CTRSH.

Thứ chín, về chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Một là, về chi trả phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Từ trước đến nay, phần lớn kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH được lấy từ ngân sách nhà nước. Việc thu nguồn kinh phí này tại các địa phương hầu hết được thực hiện thu bình quân theo hộ gia đình mà chưa thu theo thực tế khối lượng chất thải phát sinh hoặc các loại chất thải phát sinh. Điều này dẫn đến không thúc đẩy được các hoạt động giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải, chưa tận dụng được tối đa giá trị của chất thải để phục vụ trở lại cho nền kinh tế, trong khi hàng năm nước ta vẫn phải nhập một khối lượng lớn phế liệu từ nước ngoài

để làm nguyên liệu sản xuất. Để khắc phục vấn đề này, Luật năm 2020 có sự thay đổi căn bản trong quy định về chi trả phí thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo hướng chuyển từ tính bình quân theo hộ gia đình hoặc đầu người như hiện nay sang chi trả căn cứ vào khối lượng hoặc thể tích thực tế rác thải ra môi trường. Điều 79 Luật năm 2020 quy định như sau:

"*1. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân được tính toán theo căn cứ sau đây:*

a) Phù hợp với quy định của pháp luật về giá;

b) Dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại;

c) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân đã được phân loại riêng thì không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý"

Với cách quy định như điều 79 sẽ khuyến khích hộ gia đình, cá nhân giảm thiểu, phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải, hạn chế lượng chất thải phải thải ra môi trường, đồng thời giảm được gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong chi trả cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.

Hai là, về lộ trình thu phí chất thải rắn sinh hoạt.

Để phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của từng địa phương, Điều 79 Luật năm 2020 quy định: *"6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại".*

Theo Nghị định số 45/2022/NĐ-CP, thời hạn phải áp dụng quy định này chậm nhất là ngày 01/01/2025.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ trong những năm qua, một mặt thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững, góp phần ổn định chính trị, bảo đảm các chính sách an sinh xã hội cho người dân Việt Nam nhưng mặt khác làm gia tăng lượng CTRSH cả về khối lượng, thành phần và tính chất, gây sức ép về mọi mặt đối với môi trường. Trước những nguy cơ, sức ép do lượng CTRSH phát sinh ngày càng lớn, tính chất ngày càng phức tạp, gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, sức khỏe cộng đồng, Đảng ta đã có nhiều chỉ đạo nhằm giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường do CTRSH gây ra, đặc biệt là Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT; cải cách thể chế môi trường của Việt Nam tiệm cận hài hòa với chính sách pháp luật BVMT trên thế giới, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và bối cảnh quốc tế đặt ra trong giai đoạn hiện nay. Luật năm 2020 với nhiều điểm mới nhằm thể chế hóa quan điểm của Đảng về BVMT trong tình hình mới với mục tiêu cao nhất là cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân và phát triển kinh tế bền vững. So với các luật trước đây, Luật đã đưa ra các quy định về quản lý CTRSH theo xu hướng ngày càng chi tiết, chặt chẽ hơn, xác định rõ trách nhiệm của từng đối tượng liên quan trong quá trình quản lý chất thải, tạo sự thay đổi lớn trong nhận thức, ứng xử của người dân với môi trường. Hy vọng, các quy định mới của pháp luật về quản lý CTRSH sẽ được thực thi nghiêm túc, bảo đảm mang lại quyền được sống trong môi trường sống trong lành cho người dân cả nước nói chung và từng địa phương nói riêng./.

TÌM HIỂU VỀ NỘI DUNG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ "DÂN LÀ GỐC" TRONG QUÁ TRÌNH ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC (1954 - 1975)

ThS. ĐINH THỊ THU HOÀI
Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tư tưởng "Dân là gốc" là một trong những nội dung sâu sắc của văn hóa chính trị Việt Nam. Lịch sử đã chứng minh, tất cả những chiến công hiển hách chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc có được là do người đứng đầu lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa đã tin vào dân, biết dựa vào dân, phát huy được sức mạnh của toàn dân. Chính Nhân dân là người đã làm nên những thành công của cách mạng, cũng là lực lượng chủ yếu để bảo vệ cách mạng.

Ngay sau khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra Cương lĩnh chính trị do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Trong Cương lĩnh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định lực lượng cách mạng là toàn thể quần chúng nhân dân Việt Nam. Trong đó, giai cấp công – nông là gốc cách mạng, học trò, nhà buôn, điền chủ nhỏ là bầu bạn của công nông. Đây cũng chính là quan điểm xuyên suốt của Cương lĩnh cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ, tư tưởng đó đã tạo động lực, là đinh hướng chỉ đạo đối với cách mạng Việt Nam.

Sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, với việc ký kết Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954) đã buộc quân đội Pháp phải rút khỏi Việt Nam, đồng thời lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời để lực lượng của hai bên rút lui tập kết. Từ đây, miền Bắc tạm thời được giải phóng, Đảng tiếp tục lãnh đạo nhân dân miền Bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên chặng đường dài 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954-1975), những chủ trương, đường lối của Đảng đều thể hiện tư tưởng chính trị lấy "Dân là gốc". Vấn đề này được thể hiện cụ thể ở những phương diện sau:

Thứ nhất, Đảng đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn nhằm động viên sức mạnh toàn dân tộc, tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ cách mạng: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Ngay từ khi Hội nghị Giơnevơ chưa kết thúc, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 của Đảng khóa II (7/1954) đã xác định: Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và hiện đang trở thành kẻ thù chính trực tiếp của nhân dân Đông Dương. Trên cơ sở đó, đến Hội nghị Trung ương lần thứ 8 khóa II (8/1955) Đảng tiếp tục chỉ rõ: Phải tiếp tục cuộc đấu tranh để thực hiện tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, đồng thời phải bảo vệ và xây dựng miền Bắc, góp phần giữ gìn hòa bình thế giới trong điều kiện có Hiệp định Giơnevơ.

Từ năm 1955 đến năm 1959, Mỹ - Diệm đã tiến hành đàn áp nhân dân miền Nam với chính sách "tố cộng", "diệt cộng" làm cho lực lượng của ta bị thiệt hại nặng nề. Trước tình hình đó, để tiếp tục khẳng định đường lối chiến tranh nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại hội đại biểu

toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) đã xác định nhiệm vụ trung tâm của cách mạng Việt Nam là: *"Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh"*[1].

Mặc dù mỗi miền thực hiện một nhiệm vụ chiến lược cách mạng khác nhau nhưng cả hai miền đều hướng đến một mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chính vì vậy, với chủ trương tiến hành đồng thời hai cuộc cách mạng của Đảng đã đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của toàn dân, từ đó tạo nên sức mạnh tổng hợp nhằm thực hiện thành công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thứ hai, Đảng lãnh đạo xây dựng miền Bắc thành hậu phương chiến lược của cách mạng Việt Nam

Trên cơ sở thấm nhuần luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh cách mạng, trong 30 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, Đảng đã từng bước hình thành những luận điểm về căn cứ địa hậu phương. Nhất quán luận điểm hậu phương là nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh. Đối với quá trình lãnh đạo đưa miền Bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954 -1975), Đảng ta đã xác định: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc không chỉ có mục tiêu xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc cho đồng bào ta ở miền Bắc mà còn nhằm xây dựng, củng cố căn cứ địa hậu phương chung của cả nước để tiến hành giải phóng miền Nam. Để xây dựng được hậu phương vững mạnh, trước hết là khẳng định chỗ dựa vững chắc nhất của cách mạng là lòng yêu nước, trung thành vô hạn của nhân dân đã giác ngộ đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, sức mạnh của chiến tranh nhân dân là sức mạnh tinh thần, vật chất của toàn dân, hậu phương vững chắc là nhân tố quyết định thắng lợi của chiến tranh.

Tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (1955), Đảng nhận định, miền Bắc là chỗ đứng của ta, bất kể trong tình hình nào miền Bắc cũng phải được củng cố. Hội nghị nhấn mạnh, muốn thống nhất nước nhà, điều cốt yếu là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam… Đường lối củng cố miền Bắc của ta là củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân tiến dần từng bước vững chắc đến chủ nghĩa xã hội.

Tháng 12/1957, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II đã xác định đường lối xây dựng hậu phương trong điều kiện mới, trong đó nhấn mạnh kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng để vừa có thể nhanh chóng phát triển kinh tế, vừa củng cố quốc phòng ngày càng mạnh mẽ, làm tròn được nhiệm vụ hậu phương đối với cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) chủ trương tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc - cuộc cách mạng gắn bó chặt chẽ với cách mạng dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ sự nghiệp cách mạng chung cả nước. Năm 1965, khi đế quốc Mỹ dùng không quân, hải quân đánh phá miền Bắc, Trung ương Đảng

tiếp tục xác định miền Nam vẫn là tiền tuyến lớn, miền Bắc vẫn là hậu phương lớn, nhưng nhiệm vụ của miền Bắc là vừa xây dựng, vừa trực tiếp chiến đấu, vừa chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự nỗ lực không ngừng của toàn quân, toàn dân, miền Bắc đã có sự chi viện lớn cho chiến trường miền Nam. Theo con số thống kê chưa đầy đủ từ năm 1959 đến năm 1975 hậu phương miền Bắc đã chi viện cho các chiến trường gần 700.000 tấn vật chất (gấp 2 lần số lượng vật chất khai thác tại chỗ), trong đó có trên 180.000 tấn vũ khí trang bị kỹ thuật. Năm 1959, miền Bắc đưa vào miền Nam 5.000 người, năm 1964 là 17.000 người, năm 1968 là 141.000 người, năm 1972 là 153.000 người, năm 1975 là 117.000 người. Qua 15 năm xây dựng và chiến đấu, hệ thống đường Hồ Chí Minh đã trở thành tuyến đường hậu cần chiến lược nhằm tiếp tế, chi viện về sức người, sức của cho miền Nam, đảm bảo "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người". Đó là chưa kể đến sự hy sinh xương máu của bộ đội, dân công làm công tác vận chuyển. Chiến tranh ác liệt của kẻ thù cũng không thể làm lay chuyển được tinh thần và ý chí của nhân dân miền Bắc tất cả vì miền Nam ruột thịt.

Thứ ba, Đảng lãnh đạo nhân dân miền Bắc đánh bại hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, góp phần bảo vệ nền hòa bình ở miền Bắc, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trước sự thất bại trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, từ đầu năm 1965, đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân. Trong bối cảnh đó, Hội nghị Trung ương lần thứ 11 khóa III (3/1965) ra Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt, xác định: Miền Bắc phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho phù hợp với tình mới. Thực hiện chủ trương của Đảng, toàn miền Bắc dấy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Mọi hoạt động ở miền Bắc nhanh chóng chuyển hướng sang thời chiến. Các cơ quan, nhà máy, trường học và một bộ phận dân cư khẩn trương phân tán, sơ tán khỏi những vùng trọng điểm đánh phá của địch. Cả miền Bắc thực hiện chuyển hướng xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội khẩn trương song vẫn đảm bảo hiệu quả.

Đồng thời với quá trình chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế, quân và dân miền Bắc đã kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ. Từ ngày 7/2/1965 đến ngày 31/10/1968, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 3.243 máy bay, bắn chìm và cháy 143 chiếc tàu chiến, tàu biệt kích của đế quốc Mỹ, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái; đồng thời, bảo đảm giao thông vận tải thông suốt, liên tục, phục vụ sản xuất, chiến đấu và chi viện cho tiền tuyến.

Bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam, Bắc, từ ngày 01/11/1968, đế quốc mỹ buộc phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt đánh phá bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc. Trong điều kiện hòa bình, nhân dân miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục ổn định mọi mặt, chuyển mọi hoạt động kinh tế từ trạng thái thời chiến sang thời bình.

Để cứu vãn nguy cơ phá sản của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam, từ ngày 6/4/1972, đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ hai và phong tỏa

đường biển, đường sông đối với miền Bắc. Quân và dân miền Bắc đã kiên cường chiến đấu, giành thắng lợi trong 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972, đánh bại cuộc tập kích đường không chiến lược bằng máy bay B52 của đế quốc Mỹ. Chiến thắng của quân dân miền Bắc góp phần quan trọng buộc Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải ký kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam vào ngày 21/01/1973.

Như vậy, có thể khẳng định một trong những nhân tố làm nên thắng lợi lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ nói chung và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975) nói riêng chính là quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam đã coi trọng bài học "Dân là gốc" trong mọi chủ trương, đường lối. Chính nhờ chủ trương, đường lối đúng đắn, phù hợp đã động viên được sức mạnh của toàn dân tộc trong mọi thời kỳ cách mạng. Đây cũng là một trong những bài học quan trọng, xuyên suốt của Đảng đối với quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Đặc biệt, trong quá trình đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Đảng vẫn luôn lấy mục tiêu "Dân là gốc" để xây dựng và phát triển đất nước. Đây cũng chính là nội dung quan trọng trong mục tiêu tổng quát được Đảng đề ra tại Đại hội lần thứ XIII: *"Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại…"*. [2]

Tài liệu tham khảo:

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.512.

[2]. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật,* Hà Nội, 2021, t. I, tr. 111 - 112

TĂNG CƯỜNG HỌC TẬP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - GIẢI PHÁP CƠ BẢN BẢO VỆ VỮNG CHẮC NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG HIỆN NAY

ThS. TRẦN VĂN TOÀN
Khoa Xây dựng Đảng

Lý luận chính trị có vai trò đặc biệt quan trọng đối với Đảng và hoạt động lãnh đạo của Đảng; là ngọn hải đăng soi đường, chỉ lối; là "kim chỉ nam" cho mọi hành động của Đảng và cán bộ đảng viên. Bởi vậy, nếu không chú tâm nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không vững lý luận chính trị sẽ dẫn đến suy thoái về tư tưởng chính trị, dẫn đến coi thường lý luận, không đủ sức bảo vệ chính mình và dễ tiếp thu tư tưởng tiêu cực, phản động của các thế lực thù địch. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư khóa XIII của Đảng đã khẳng định: "Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng, tự phê bình và phê bình"[1]. Vì vậy, tăng cường học tập lý luận chính trị là giải pháp cơ bản nhằm góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nhất là trong giai đoạn hiện nay.

1. Vai trò của lý luận chính trị

Sinh thời, Bác Hồ từng căn dặn các thế hệ cán bộ cách mạng về vai trò của lý luận. Bác chỉ ra rằng: "Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi", "Làm mà không có lý luận thì không khác gì đi mò trong đêm tối, vừa chậm chạp vừa hay vấp váp"[1]. Ngay từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII năm 1996, Đảng ta đã chỉ rõ: "Lười học tập, lười suy nghĩ, không thường xuyên tiếp nhận những thông tin mới, cũng là biểu hiện của sự thoái hóa". Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng cũng đánh giá: "Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Hệ thống, chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị còn nhiều bất hợp lý". Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ đã tiếp tục khẳng định: "Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước"[2] là một trong những biểu hiện của suy thoái về tư tưởng chính trị. Đây chính là mầm mống của "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Đặc biệt, Văn kiện Đại lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng, bảo đảm tính đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính thực tiễn, kịp thời và hiệu quả; nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh"[3]. Điều đó đã khẳng định, trong mọi giai đoạn cách mạng, việc học tập lý luận chính trị có vai trò và ý nghĩa quan trọng, là một yêu cầu cần thiết và cấp bách thường xuyên và lâu dài đối với mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

2. Biểu hiện của việc ngại học, lười học tập lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên hiện nay

Qua thực tế cho thấy, một bộ phận cán bộ, đảng viên nhận thức chưa đúng đắn vị trí, vai trò, tầm quan trọng của học tập lý luận chính trị, có những biểu hiện ít quan tâm, xem nhẹ, coi thường việc học tập lý luận chính trị; xác định động cơ, mục đích học tập lý luận chính trị không đúng đắn, học không vì mục đích tự thân bù đắp những tri thức, kỹ năng còn thiếu, mà học vì lý do thăng tiến, hoàn thiện bằng cấp, đáp ứng tiêu chuẩn được đề bạt, bổ nhiệm lên những vị trí cao hơn. Bằng cấp trong những trường hợp như vậy vô tình trở thành "vật trang trí", làm "đẹp hồ sơ", không còn vai trò đúng nghĩa là thước đo trình độ lý luận, "vũ khí" lý luận được trang bị để hoạt động thực tiễn được đúng đắn, thành công, thậm chí bị mất tác dụng, phản tác dụng.

Mặt khác, không ít trường hợp không nắm vững đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đề cao ý thức chủ quan, phi lý luận khoa học dẫn đến giải quyết công việc kém hiệu quả, thậm chí phương hại đến lợi ích của tập thể hoặc cá nhân khác. Một bộ phận cán bộ, đảng viên lúng túng, xa rời chỉ đạo của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, chậm triển khai hoặc triển khai thực hiện không đến nơi đến chốn để lại hậu quả nghiêm trọng; nội dung học tập lý luận chính trị chưa được cán bộ, đảng viên chú trọng vận dụng vào thực tiễn quá trình công tác. Vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh, cần "khắc phục tình trạng lười học, ngại học lý luận chính trị trong cán bộ, đảng viên"[4].

Như vậy, việc lười học, ngại học tập lý luận chính trị là một trong những biểu hiện suy thoái rất nguy hiểm, nó làm cho cán bộ, đảng viên không nắm được đường lối, quan điểm của Đảng, chủ trương, biện pháp lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng, nghị quyết của Đảng dù rất đúng đắn, nhưng chậm được triển khai, cụ thể hóa và trở thành hiện thực. Thậm chí có những trường hợp, cán bộ, đảng viên không nắm chắc, hiểu sâu chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, nên khi tiếp xúc với quan điểm sai trái, phản động của các thế lực thù địch xuyên tạc, phủ nhận đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng, thì không ít cán bộ, đảng viên tỏ ra lúng túng, thiếu lý lẽ để "giải thoát" cho chính mình và đấu tranh bác bỏ quan điểm sai trái, phản động, nhằm bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay với xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của internet, mạng xã hội và những vấn đề nảy sinh từ mặt trái của nền kinh tế trị trường; một số yếu kém trong quản lý, điều hành của Nhà nước; tình trạng ô nhiễm môi trường và các vụ việc phức tạp liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền..., lợi dụng vào tình hình trên các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách để ra sức chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta với nhiều phương thức, thủ đoạn mới, tinh vi hơn.

Các đối tượng ra sức xuyên tạc lịch sử, phủ nhận những thành tựu đã đạt được trong quá trình lãnh đạo của Đảng; lợi dụng những hạn chế, sai sót trong công tác lãnh đạo, quản lý để xuyên tạc, bôi nhọ, thổi phồng khuyết điểm, quy chụp về bản chất của Đảng, của Nhà nước, chế độ; chúng tăng cường tuyên truyền những quan điểm sai trái, thù địch, luận điệu xuyên tạc nhằm chống phá nền tảng tư tưởng, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; dùng nhiều thủ đoạn làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân mất phương hướng về chính trị, tư tưởng, thúc đẩy nhanh quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ nhằm thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình", lật đổ chế độ.

Tại Hội nghị cán bộ toàn quốc về công tác tổ chức xây dựng Đảng diễn ra vào ngày 9/12/2021, Ban Tổ chức Trung ương tổng kết từ 2016-2020, có hơn 25.000 đảng viên suy thoái hoặc có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" bị xử lý kỷ luật. Trong đó, có hơn 15.000 đảng viên suy thoái về đạo đức, lối sống; hơn 8.000 đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị; hơn 1.700 đảng viên có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"… Vì vậy, tăng cường học tập lý luận chính trị để "khắc phục tình trạng ngại học, lười học lý luận chính trị trong cán bộ, đảng viên" bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng càng trở thành vấn đề quan trọng, cấp bách hiện nay.

3. Một số giải pháp tăng cường học tập lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên nhằm góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng

Trước tình hình đó, mỗi cán bộ, đảng viên cần phải ra sức học tập lý luận chính trị để trau đồi kiến thức cho bản thân, nâng cao hiểu biết về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chủ trương đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước để có cơ sở lý luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đồng thời, nâng cao bản lĩnh chính trị trước mọi cảm dỗ về vật chất, cũng như tinh thần để dập tan những âm mưu của các thế lực thù địch. Vì vậy, trong thời gian tới, để góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng lười học tập lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên, góp phần quan trọng vào việc đưa nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 – 2025 vào cuộc sống bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái thù địch, các cấp ủy, chính quyền, mỗi cán bộ, đảng viên cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, thường xuyên giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp và cán bộ, đảng viên về vai trò của việc học tập lý luận chính trị. Nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ đảng viên là cơ sở hàng đầu có ý nghĩa quyết định đến chất lượng học tập lý luận chính trị, khắc phục tình trạng lười học tập lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì vậy, mỗi cấp ủy, tổ chức đảng cần tiếp tục giáo dục, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhất là Kết luận số 69-KL/TW ngày 14/4/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện quy định 54-QĐ/TW ngày 12/5/1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về chế độ lý luận chính trị trong Đảng; Kết luận 57-KL/TW, ngày 8/3/2013 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp; Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; Quy định số 57-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị... đảm bảo chặt chẽ, nghiêm túc, tránh tình trạng quán triệt, triển khai qua loa, hình thức, chiếu lệ, xem nhẹ việc học lý luận chính trị.

Hai là, thực hiện nghiêm quy định, chế độ học tập lý luận chính trị gắn với việc cung cấp thông tin, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng yêu cầu: *"Có kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận bắt buộc hằng năm đối với cán bộ, đảng viên gắn với việc cung cấp thông tin, cập nhật kiến thức mới phù hợp từng đối tượng, từng cấp, từng ngành, từng địa phương"*[5]. Đồng thời *"tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, nhất là những mô hình mới, kinh*

nghiệm hay; khuyến khích phát triển tư duy lý luận phù hợp với đường lối đổi mới của Đảng"[6]. Phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu, của cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp, phải coi việc học tập lý luận chính trị là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi cán bộ, đảng viên và phải được quy định thành chế độ để mọi người tự giác thực hiện nghiêm túc. Đưa chế độ tự học tập, nghiên cứu lý luận chính trị thành tiêu chí bắt buộc trong hoạt động của cán bộ, đảng viên. Thường xuyên cung cấp thông tin về những quan điểm, chủ trương mới của Đảng, Nhà nước đến cán bộ, đảng viên một cách kịp thời bảo đảm tính trung thực, đầy đủ, chính xác, khách quan, khoa học. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) đã chỉ rõ: *"Chủ động định hướng, cung cấp thông tin thường xuyên hoặc đột xuất; chú trọng tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những thành quả trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt"*[7]. Kịp thời ngăn chặn, không để cán bộ, đảng viên hoang mang, dao động trước những thông tin thất thiệt, xuyên tạc, bịa đặt sai sự thật của các thế lực thù địch trên các trang mạng xã hội.

Ba là, không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị theo hướng lý luận phải gắn với thực tiễn, phục vụ nhu cầu của người học sao cho giờ học nghị quyết trở nên sinh động, hấp dẫn. Không chỉ truyền dạy nghị quyết một chiều mà cần phải biết vận dụng tri thức lý luận vào thực tiễn; biết khai thác những tư liệu từ kinh nghiệm thực tiễn của cả người dạy lẫn người học để làm giàu tri thức. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XIII đã chỉ rõ: *"Tăng cường đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của nghiên cứu, học tập lý luận chính trị"*[8]. Trong quá trình giảng dạy, phải lựa chọn nội dung cốt lõi nhất để giảng dạy, truyền thụ, nội dung ngắn gọn, súc tích, cô đọng, dễ nhớ, dễ hiểu và dễ tổ chức thực hiện; bám sát nghị quyết các cấp, xác định thật cụ thể, rõ ràng khâu đột phá để giải quyết nhiệm vụ then chốt, khâu yếu, mặt yếu, tạo bước phát triển. Kiên quyết khắc phục tình trạng giảng dạy nghị quyết chung chung, dàn trải, kinh viện, xa rời thực tiễn; cần coi trọng đổi mới, đa dạng hóa hình thức, phương pháp truyền đạt, quán triệt nghị quyết vừa bảo đảm tính hấp dẫn, tính khoa học, vừa bảo đảm tính thực tiễn; kết hợp tuyên truyền miệng với sử dụng hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng; đội ngũ báo cáo viên phải được lựa chọn kỹ, thực sự là những người có phẩm chất tốt, có kỹ năng và năng lực truyền đạt nghị quyết.

Bốn là, làm tốt công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng, lấy kết quả học tập lý luận chính trị làm thước đo phẩm chất, năng lực, phân loại của cán bộ, đảng viên. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) đã khẳng định: "… tăng cường kiểm tra và quản lý chặt chẽ chất lượng dạy và học"[9]. Sau mỗi đợt học tập nghị quyết, cần tiến hành chặt chẽ, nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, gắn với nhận xét, đánh giá cán bộ, đảng viên; đề cao trách nhiệm chính trị và tính tự giác, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong học tập và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng. Cán bộ, đảng viên giữ cương vị càng cao, càng phải gương mẫu học tập, nói và làm theo đúng nghị quyết của Đảng. Liên quan đến vấn đề này, cần nghiêm túc làm tốt công tác đánh giá theo hướng thực chất. Hiện nay, phần việc này còn nặng hình thức, chỉ coi trọng số lượng. Bài kiểm tra, thu hoạch bắt buộc không thể rập khuôn, sao chép và cần công khai kết quả thu hoạch, kiểm tra nhận thức chính trị phải trở thành

một trong những tiêu chí quan trọng, làm căn cứ đánh giá chất lượng, phân loại cán bộ, đảng viên. Thường xuyên biểu dương những tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện nghiêm, chấp hành tốt việc học tập, nghiên cứu; mặt khác góp ý, phê bình nghiêm khắc đối với những cán bộ, đảng viên có biểu hiện lơ là, chưa nghiêm túc trong học tập lý luận chính trị.

Năm là, phát huy tính tích cực, chủ động của mỗi cán bộ, đảng viên trong tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ lý luận chính trị theo phương châm "học đi đôi với hành". Với mỗi cán bộ, đảng viên cần thấm nhuần sâu sắc lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mục đích của việc học: "Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại". Phải thường xuyên học tập, trau dồi phẩm chất chính trị, gắn việc học lý luận với thực tiễn công việc hằng ngày: "Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân".

Các Mác đã từng khẳng định "…lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất, nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng"[10]. Do đó, phòng, chống tình trạng lười học ngại học tập lý luận chính trị, xem thường vai trò của lý luận của cán bộ, đảng viên là vấn đề cấp thiết, quan trọng hàng đầu đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay, đây là giải pháp tốt nhất, tích cực nhất để giúp cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nâng cao trình độ lý luận chính trị, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng, thấm nhuần lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối quan điểm, chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước, tình hình thực tiễn của địa phương và đất nước; kịp thời nhận diện, phòng ngừa và ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đưa đất nước ngày càng phát triển./.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Nxb. CTQG, HN, 2021, tr.92

[2]. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 273 - 274.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 28

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, t.II, tr. 233.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II, tr. 236

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nxb. CTQG, HN, 2021, tr. 36 - 37

[7]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nxb. CTQG, HN, 2021, tr.37

[8]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Nxb. CTQG, HN, 2021, tr. 93

[9]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nxb. CTQG, HN, 2021, tr. 37

[10]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd, tr. 37

[11]. C.Mác - Ph.Ăngghen: Tuyển tập, Nxb. Sự Thật, H,1980, tr.25

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ VÀ TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ, BẢO ĐẢM KỶ CƯƠNG XÃ HỘI

ThS. DƯƠNG THỊ CHÂU PHỤNG
Khoa Lý luận cơ sở

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trong đó, quan điểm về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội giữ vai trò, vị trí quan trọng. Quan điểm này của Người bắt nguồn từ khát vọng hàng ngàn đời của dân tộc Việt Nam, đồng thời tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại và được vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn nước ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội bao gồm những nội dung sau:

Một là, xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ là kết quả của sự nhận thức sâu sắc về vai trò của nhân dân trong lịch sử: "*Dân là quý nhất, là quan trọng hơn hết, là tối thượng*", "*Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân*" [1]. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, bản chất của dân chủ tức là dân là chủ và dân làm chủ. Người chỉ rõ, địa vị của nhân dân là người chủ đối với xã hội, đất nước và nhân dân là chủ thể của quyền lực.

Đây là nội dung cốt lõi trong tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh, phản ánh giá trị cao nhất, chung nhất của dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân. Điều này khẳng định giá trị xã hội đích thực của dân chủ là cho đại đa số nhân dân lao động những quyền lực của chính họ thông qua đấu tranh cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới của chính bản thân quần chúng nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ có một "*ham muốn, ham muốn tột bậc là làm cho nước nhà được độc lập, nhân dân được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành*". Người đã rút ra một chân lý không chỉ cho dân tộc mà còn cho cả nhân loại "*không có gì quý hơn độc lập, tự do*". Người đã huy động sức mạnh của toàn dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình, góp phần to lớn đưa dân tộc Việt Nam tới độc lập, tự do, đưa nhân dân ta từ kiếp nô lệ lên địa vị làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Vì vậy, theo Người "đối với dân, ta đừng có làm gì trái ý dân".

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức rất rõ vai trò của dân chủ, coi dân chủ là nhân tố động lực của sự phát triển; thực hành dân chủ là chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi khó khăn. Nhà nước ta là nhà nước của dân; nhân dân là chủ thể quyền lực; nhà nước là công cụ của nhân dân, là hình thức để tập hợp, quy tụ sức mạnh của toàn dân tộc vào sự nghiệp chung chứ nhà nước không phải là nơi để "*thăng quan, phát tài*", chia nhau quyền lực, lợi ích và bổng lộc.

Hai là, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh dân chủ tập trung là cơ chế, nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt của hệ thống chính trị. Dân chủ càng rộng rãi, có thực chất thì tập trung càng đúng đắn, lành mạnh. Dân chủ được hiện thực hóa trong thực tế, đảm bảo quyền của đảng viên khi có sự định hướng, chỉ đạo của tập trung. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết: "*Kỷ luật trong dân chủ, dân chủ phải có kỷ luật*". Người phân tích: "*Ở trong Đảng, mọi đảng viên có quyền nêu ý kiến, đặt đề nghị, tham gia giải quyết vấn đề. Nhưng quyết không được trái sự lãnh đạo tập trung của Đảng, trái nghị quyết và trái kỷ luật. Quyết chống: không xét thời gian, địa điểm, điều kiện mà nói lung tung, tự do hành động, dân chủ quá trớn*"[2].

Người cũng lưu ý khắc phục hiện tượng dân chủ tùy tiện, quá trớn, coi thường kỷ luật ở một số cán bộ, đảng viên: "*Ở trong Đảng thì không thực hiện chế độ dân chủ tập trung, không tuân theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo. Phớt lờ kỷ luật và chính sách của Đảng và của Chính phủ. Khinh rẻ ý kiến cấp dưới. Xem thường chỉ thị cấp trên. Không muốn chịu kiểm tra. Không muốn nghe phê bình*"[3]. Người chỉ rõ để có dân chủ thật sự thì "tư tưởng phải được tự do". Tự do tư tưởng là đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý, khi tìm ra chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý. Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân tức là phục tùng chân lý. Kỷ luật, pháp luật phải được xây dựng và thực thi bằng phương thức dân chủ.

Ba là, Nhân dân là chủ, có quyền làm chủ thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, phải tuân theo pháp luật. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến quan hệ giữa cá nhân với tổ chức, cá nhân với cộng đồng, nhất là quan hệ công dân với công bộc, nhân dân với nhà nước. Trong xã hội dân chủ ở nước ta, nhân dân là chủ, có quyền làm chủ thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân, tức là: Tuân theo pháp luật, kỷ luật lao động, trật tự công cộng và những quy tắc sinh hoạt xã hội, đóng thuế theo quy định, bảo vệ của công, làm nghĩa vụ quân sự, bảo vệ Tổ quốc, cần, kiệm, làm chủ nơi mình sinh sống, học tập và làm việc. Trong xã hội dân chủ, cán bộ là đầy tớ, là công bộc của nhân dân và đạo đức công bộc là tận trung với nước, tận hiếu với dân, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, thương dân, yêu dân, kính trọng dân, lấy dân làm gốc, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc có hại đến dân phải hết sức tránh.

Mối quan hệ về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội là mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Theo đó, dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Dân chủ là phương thức, nguyên tắc cơ bản của hoạt động quản lý của nhà nước và xã hội, trong đó, mọi thành viên được tôn trọng, bình đẳng trong việc tham gia quyết định các vấn đề của đất nước. Nhưng dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm. Dân chủ không thể thực hiện được nếu thiếu pháp luật. Dân chủ là động lực, mục tiêu và tiền đề hoàn thiện của pháp luật.

Thấm nhuần và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong hơn 35 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn mối quan hệ giữa dân chủ với kỷ cương, pháp luật. Thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội là mối quan hệ thứ mười được bổ sung trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, hợp thành hệ thống mười mối quan hệ lớn, thể hiện tính quy luật của đổi mới, hội nhập và phát triển ở nước ta. Mối quan hệ "giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội" được Đại hội XIII của Đảng bổ sung xuất phát từ nhận thức rõ hơn về vấn đề có tính quy luật trong quản lý xã hội, đó là: "dân chủ" đi liền với "kỷ cương", "tự do" không tách rời "trách nhiệm". Đây là kinh nghiệm được rút ra từ kết quả nghiên cứu, tổng kết quản lý xã hội ở nước ta thời gian qua.

Trong bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, dân chủ và kỷ cương là hai mặt thống nhất trong chỉnh thể cơ chế vận hành đúng đắn, lành mạnh của xã hội, nghĩa là: Trong yếu tố dân chủ thực sự đã bao hàm cả yếu tố kỷ cương và kỷ cương để bảo đảm cho tính dân chủ được vững chắc; trong yếu tố kỷ cương đã bao hàm cả tính chất dân chủ của nó. Vì vậy, trong nhận thức, phải tuân thủ tính biện chứng của mối quan hệ này, muốn thực hành dân chủ thực sự hiệu quả, phải tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội; mặt khác, muốn tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội thật tốt, phải thực hành dân chủ thật sự, dân chủ đích thực, đó là dân chủ rộng rãi và đúng hướng..

Do đó, để thực hiện tốt mối quan hệ lớn giữa thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội ở nước ta hiện nay, cần tiếp tục thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nhận thức đúng đắn về dân chủ, về pháp luật và mối quan hệ chặt chẽ giữa dân chủ với kỷ cương, pháp luật trong điều kiện hiện nay. Chỉ trên cơ sở nhận thức, hiểu biết đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc thì mới có thể biến thành tình cảm, niềm tin, ý chí mãnh liệt và hành động cách mạng đúng đắn, hiệu quả. Để thực hiện giải pháp này, trước hết phải chú trọng việc đổi mới mạnh mẽ cả về nội dung, hình thức, phương pháp, phương tiện, phương thức tuyên truyền, giáo dục, học tập về dân chủ, pháp luật, nhất là trong hệ thống giáo dục và trên các phương tiện thông tin đại chúng, kể cả trên mạng xã hội cũng như trong tổ chức, hoạt động, sinh hoạt hàng ngày của các tổ chức đảng, các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, các đơn vị kinh tế - xã hội cũng như trong các cộng đồng dân cư.

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách và pháp luật ngày càng hoàn thiện hơn. Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Tiếp tục thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra,* dân giám sát,. dân thụ hưởng". Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bổ sung, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật bảo đảm xây dựng con người và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật bảo đảm thực hiện đoàn kết, đồng thuận,

công bằng, an sinh, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu xây dựng, ban hành quy chế dân chủ trong sinh hoạt Đảng; hoàn thiện cơ chế, quy định về chất vấn trong Đảng; các quy định về kiểm soát quyền lực, có chế tài xử lý nghiêm minh cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng… Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

Thứ ba, đổi mới phương thức, nội dung tuyên truyền, giáo dục đến toàn dân về mối quan hệ biện chứng về dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Nâng cao tính thuyết phục, tính chiến đấu của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, bám sát thực tiễn, trang bị hệ thống kiến thức cơ bản, hệ thống, phù hợp với từng đối tượng. Làm sáng tỏ những vấn đề về lý luận do thực tiễn công cuộc đổi mới đặt ra.

Thứ tư, coi trọng phương pháp nêu gương, cấp trên nêu gương trước cấp dưới, noi gương học tập các điển hình tiên tiến. Mỗi tổ chức Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên phải là tấm gương về thực hành dân chủ trong xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng nói chung, nghị quyết, chương trình hành động của mỗi địa phương, cơ quan đơn vị nói riêng. Đề cao vai trò gương mẫu của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo trong thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; trong đó, cán bộ giữ chức vụ càng cao thì yêu cầu gương mẫu, tuân thủ, phòng, chống tình trạng xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ càng lớn. Khuyến khích và bảo vệ cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, luôn đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng, góp phần phòng và chống có hiệu quả mọi biểu hiện xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về thực hành dân chủ ở các địa phương. Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát góp phần đảm bảo cho đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng được xác định đúng đắn, chính xác và được chấp hành triệt để. Thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai, minh bạch các chế độ, chính sách và phát huy vai trò giám sát của quần chúng.

Mối quan hệ giữa thực hành dân chủ với tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội là một trong những quy luật của đổi mới và phát triển, của xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn liền với bảo vệ Tổ quốc ở nước ta. Do đó, trong thời gian tới vẫn tiếp tục phải xem đây là một trong những mối quan hệ lớn có tính quyết định trong việc giải quyết đúng đắn, hài hòa mối quan hệ giữa dân chủ với kỷ cương, pháp luật và quyết định đến sự thành bại của công cuộc đổi mới, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 16, Nxb CTQG, H.2011, tr.232.

[2]. Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 10, Nxb CTQG, H.2011, tr.378.

[3]. Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 10, Nxb CTQG, H.2011, tr.457

CHẾ ĐỘ THAM DỰ CỦA TƯ BẢN TÀI CHÍNH VÀ VIỆC VẬN DỤNG TRONG CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

CN. NGUYỄN HẢI LÝ
Khoa Lý luận cơ sở

Nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản độc quyền là một đóng góp lớn của V.I.Lênin trong nghiên cứu chủ nghĩa tư bản. Theo V.I.Lênin, bản chất sâu sắc nhất của chủ nghĩa đế quốc là sự thống trị của độc quyền tư bản. Ông đã chỉ ra 05 đặc trưng kinh tế cơ bản của sự chuyển biến chủ nghĩa tư bản chuyển tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền. Cụ thể: 1) Tích tụ sản xuất và các tổ chức độc quyền; 2) Tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính; 3) Xuất khẩu tư bản; 4) Sự phân chia thị trường thế giới giữa các liên minh độc quyền; 5) Sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc. Cho đến nay, trên phương diện lý luận và thực tiễn mặc dù điều kiện chính trị - xã hội có sự thay đổi nhưng về mặt bản chất những đặc điểm đó vẫn là những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền và mang những hình thái khác nhau.

Tìm hiểu nghiên cứu và chỉ ra bản chất của chế độ tham dự - một phương thức quan trọng nhất để tư bản tài chính thể hiện sự thống trị của mình. Đây là một trong những đóng góp lớn của V.I.Lênin khi nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản độc quyền. Nghiên cứu về chế độ tham dự của tư bản tài chính và những biểu hiện mới của nó để rút ra những bài học quý báu là cơ sở để vận dụng trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Đặc biệt là việc xác lập vị trí chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế của Việt Nam nói chung.

Vậy chế độ tham dự là gì? Chế độ tham dự là phương thức quan trọng nhất để tư bản tài chính thực hiện sự thống trị của mình. Nội dung chế độ tham dự là: "Người lãnh đạo đứng ra kiểm soát công ty gốc (theo đúng chữ là "công ty mẹ"); công ty gốc lại chi phối các công ty phụ thuộc vào nó (các "công ty con"); các công ty con này lại chi phối các "công ty cháu"..vv. Như vậy, không cần có một số tư bản thật rất lớn mà người ta vẫn có thể chi phối được những lĩnh vực sản xuất rất lớn. Thật thế, nếu có 50% tổng số tư bản là luôn luôn đủ để kiểm soát một công ty cổ phần, thì người lãnh đạo chỉ cần có 1 triệu là có thể kiểm soát được tư bản 8 triệu trong các "công ty cháu". Và nếu lối "tổ chức móc xích" ấy cứ phát triển lên, thì với 1 triệu, người ta có thể kiểm soát được 16 triệu, 32 triệu, v.v."

Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đến nay, tư bản tài chính đã có sự thay đổi và những biểu hiện mới, đó là: Do sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện và phát triển nhiều ngành kinh tế mới, đặc biệt là các ngành thuộc "phần mềm" như dịch vụ, bảo hiểm...

ngày càng chiếm tỷ trọng lớn. Thích ứng với sự biến đổi đó, phạm vi liên kết và xâm nhập vào nhau được mở rộng ra nhiều ngành, dưới hình thức tổ hợp đa dạng kiểu: Công - nông - thương - tín - dịch vụ hay công nghiệp - quân sự - dịch vụ quốc phòng; và biểu hiện cụ thể là các công ty xuyên quốc gia (TNCs)... Nội dung của sự liên kết cũng đa dạng hơn, tinh vi hơn và phức tạp hơn. Cơ chế tham dự của tư bản tài chính cũng có sự biến đổi, khối lượng cổ phiếu tăng lên, nhiều tầng lớp dân cư cũng có thể mua được cổ phiếu và trở thành các cổ động nhỏ,.. kéo theo đó là "chế độ tham dự" được bổ sung thêm "chế độ uỷ nhiệm", nghĩa là những đại cổ đông được "uỷ nhiệm" thay mặt cho đa số cổ đông có ít cổ phiếu (các cổ đông nhỏ) quyết định phương hướng hoạt động của công ty cổ phần. Tuy nhiên, thông qua việc thực hiện "chế độ ủy nhiệm" này cổ đông có cổ phần nhỏ vẫn không thực hiện được quyền lực của mình trong quyết định các vấn đề quan trọng của công ty. Như vậy, các chủ sở hữu lớn giờ đây vừa khống chế trực tiếp vừa khống chế gián tiếp để buộc các nhà quản lý phải tuân theo lợi ích của chúng.

Kế thừa phương thức thống trị của tư bản tài chính trên cơ sở "chế độ tham dự" và "chế độ uỷ nhiệm" hiện nay là một bài học để Đảng ta chủ trương trong việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nhưng không tư nhân hóa. Tính chất phổ biến đầy đủ của nền kinh tế thị trường hiện đại ngày nay đó chính là dựa trên nền tảng hình thức sở hữu hỗn hợp của các chủ thể thị trường, chế độ cổ phần chiếm ưu thế phổ biến có tính tư nhân là một động lực quan trọng của sự phát triển. Chính vì vậy, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước để chuyển hình thức sở hữu từ chỗ nhà nước là chủ thể sang hình thức đa sở hữu nhưng không tư nhân hoá. Và để thực hiện được điều này thì chế độ tham dự là một phương thức để doanh nghiệp nhà nước mặc dù chiếm số lượng không lớn nhưng vẫn đảm bảo được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Thực tế hiện nay, trong luật công ty cổ phần vẫn quy định về chế độ uỷ nhiệm đó. Cụ thể, Điều 111,112 Luật Doanh nghiệp 2020 đã có quy định cụ thể về việc vận dụng chế độ uỷ nhiệm này. Trong điều kiện hiện nay của Việt Nam khi chúng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì việc giải phóng mọi năng lực sản xuất của xã hội theo hướng khai thác các tiềm năng sẵn có về vốn, lao động, trình độ quản lý và các nguồn lực vật chất cần thiết khác cho nhu cầu đầu tư và phát triển của đất nước là một nhân tố quan trọng bảo đảm cho việc thực hiện thành công các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong tiến trình đẩy mạnh việc khai thác các nguồn lực quốc gia, thì việc phát triển cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước trong thực thi chế độ uỷ nhiệm là một cơ chế để nâng cao tính hiệu quả quản lý công ty cổ phần và là một trong những hình thức biểu hiện của nền kinh tế hiện đại bởi tính ưu việt mà nó mang lại đó chính là phát huy hiệu quả, tính sáng tạo của từng thành viên. Đây là thành phần kinh tế quá độ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ khi thực hiện Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần cho đến nay thì thực hiện chế độ

tham dự này với một lực lượng doanh nghiệp nhà nước và cơ chế quản lý của nhà nước đối với công ty cổ phần cho phép nhà nước vẫn đa dạng hoá hình thức sở hữu nhưng vẫn quản lý và định hướng thành phần kinh tế này thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và phát huy tính hiệu quả của nó.

Có thể thấy rằng đây là một bước phát triển tư duy nhận thức và sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta, Nhà nước ta trong vấn đề xác định chuyển đổi sở hữu nhưng không làm mất vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Tức là vận dụng chế độ tham dự trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nhưng không tư nhân hóa.

Qua nghiên cứu 05 đặc trưng kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền với chế độ tham dự phương thức thống trị của tư bản tài chính là một trong những vấn đề mà Đảng ta đặc biệt quan tâm trong xây dựng nền kinh tế xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Với sự tham dự của nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu như quan điểm của Đảng qua các kỳ đại hội. Đặc biệt, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: "Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển"[1] thì thị trường vẫn đóng vai trò quyết định trong việc phân bổ các nguồn lực và quyết định giá cả của các hàng hoá nhưng vẫn đảm bảo Nhà nước định hướng được nền kinh tế thị trường. Điều này đòi hỏi Nhà nước mặc dù không chiếm tỷ trọng lớn trong các doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần nhưng vẫn nắm được các lĩnh vực kinh tế cơ bản để đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa khi thực hiện chế độ tham dự./.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2021, t.1, tr.128-129.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2022

ThS. NGUYỄN THỊ DIỆU HẰNG
Khoa Nhà nước và pháp luật

Ngày 16 tháng 11 năm 2013, Quốc hội ban hành Luật số 39/2013/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2005/QH11 và Luật số 32/2009/QH12 (gọi tắt là Luật Thi đua, khen thưởng). Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng nhằm thực thi có hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng ở nước ta hiện nay. Sau 19 năm đi vào thực tiễn, Luật Thi đua, khen thưởng đã được các cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiêm túc thực hiện, trở thành động lực thúc đẩy cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hăng hái lao động, học tập, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh.

Tuy nhiên, qua thực hiện thi hành Luật Thi đua, khen thưởng còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: Điều kiện, tiêu chuẩn, nội dung bình xét thi đua, khen thưởng chưa cụ thể, rõ ràng đối với từng đối tượng áp dụng nên chưa phát huy ý nghĩa của công tác thi đua, khen thưởng. Công tác thi đua, khen thưởng chủ yếu tập trung vào khen định kỳ, khen công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, chưa quy định đầy đủ hết các đối tượng, các lĩnh vực hoạt động. Đồng thời, Luật Thi đua, khen thưởng cũng chưa quy định rõ ràng thẩm quyền, sự phân cấp, phân quyền của các ban, ngành đối với việc thực hiện nội dung, hình thức khen thưởng. Ngoài ra, các quy định về thủ tục, quy trình đối với các cá nhân, tập thể lập thành tích đột xuất còn hạn chế, một số quy định của Luật phải được điều chỉnh bằng các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật như nghị định, thông tư hướng dẫn.

Do vậy, ngày 15/6/2022, kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 06/2022/QH15 Luật Thi đua, khen thưởng (gọi tắt là Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022). Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bao gồm 8 chương, 96 điều đã cụ thể hoá các mục tiêu, nguyên tắc, căn cứ, tiêu chuẩn, các loại hình khen thưởng và thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Đồng thời, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 đã mở rộng và bao quát các đối tượng thi đua, khen thưởng, phân định rõ thẩm quyền của các cấp, các ngành thực thi công tác thi đua, khen thưởng. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định hợp lý đối với công tác khen thưởng ở khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước, kinh tế tư nhân; khen thưởng người trực tiếp lao động, sản xuất; khen thưởng tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo. Cụ thể, một số điểm mới của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 như sau:

Thứ nhất, về đối tượng và mục tiêu của thi đua, khen thưởng.

Về đối tượng áp dụng, tại Điều 2 Luật Thi đua, khen thưởng đã bổ sung thêm 02 đối tượng là "hộ gia đình người Việt Nam" và "tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài" so với Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung năm 2013. Từ đó, quy định cụ thể khen thưởng đối với cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài có nhiều đóng góp cho đất nước Việt Nam:

Đối tượng khen thưởng là cá nhân người nước ngoài đối với Huân chương Hồ Chí Minh:

"Huân chương Hồ Chí Minh để tặng cho người nước ngoài có công lao to lớn đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được bộ, ban, ngành công nhận và đề nghị" (khoản 5 Điều 35).

Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài đối với Huân chương Độc lập hạng Nhất (khoản 4 Điều 36), Huân chương Độc lập hạng Nhì (khoản 4 Điều 37), Huân chương Độc lập hạng Ba (khoản 4 Điều 38); Huân chương Lao động hạng Nhất (khoản 6 Điều 42), Huân chương Lao động hạng Nhì (khoản 6 Điều 43) Huân chương Lao động hạng Ba (khoản 6 Điều 44); quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng Huy chương Hữu nghị (Điều 58).

Đồng thời, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 đã giải thích rõ về thuật ngữ "sáng kiến" và "năm tròn" để thực hiện các nội dung của thi đua, khen thưởng:

"Sáng kiến là giải pháp có tính mới về kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực đã được áp dụng tại cơ sở, có khả năng nhân rộng và được cấp có thẩm quyền công nhận"(khoản 4 Điều 3).

Năm tròn là số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là "0"(khoản 6 Điều 3).

Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi bổ sung năm 2013 chỉ mới đề cập đến mục tiêu của thi đua, thì Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 đã cụ thể hoá và bổ sung về mục tiêu của khen thưởng: "*Mục tiêu của khen thưởng là nhằm khuyến khích, động viên cá nhân, tập thể, hộ gia đình hăng hái thi đua; ghi nhận công lao, thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"* (khoản 2 Điều 4).

Thứ hai, về nguyên tắc khen thưởng.

Tại điểm c khoản 1 Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định: *"Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó"*.

Với nguyên tắc "thành tích đến đâu khen thưởng đến đó", đây là điểm mới của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và đã được cụ thể trong các điểm, khoản, điều về điều kiện, tiêu chuẩn của từng hình thức khen thưởng trong Luật. Nguyên tắc này không chỉ đảm bảo các thành tích của người lao động được khen thưởng kịp thời, nhanh chóng mà còn khắc phục tình trạng khen thưởng theo kiểu "cộng dồn thành tích" như trước đây. Đặc biệt, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 đã bổ sung quy định "hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" là tiêu chuẩn thay thế nếu không có tiêu chuẩn về sáng kiến, đề tài, đề án, công trình khoa học để đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở (khoản 2 Điều 23).

Tại điểm d khoản 2 Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định:

"Chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn".

Với nguyên tắc này, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 đã bổ sung danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến để tặng cho "dân quân thường trực, dân quân tự vệ cơ động" (khoản 2 Điều 24); Bổ sung các đối tượng trên được khen thưởng Huân chương Lao động các hạng (Điều 42, 43 và Điều 44), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (Điều 73), Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 74).

Đồng thời, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 đã bổ sung đối tượng "cán bộ nghiên cứu giáo dục" được xét tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú (Điều 64); Bổ sung đối tượng là "hộ sinh" xét danh hiệu Thầy thuốc ưu tú, Thầy thuốc nhân dân (khoản 1 Điều 65); Bổ sung đối tượng "người sáng tạo tác phẩm văn hóa nghệ thuật" xét danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú (điểm b khoản 1 Điều 66);

Bổ sung cách tính thời gian (nhân hệ số 2) làm tiêu chuẩn để xét tặng danh hiệu vinh dự nhà nước đối với cán bộ y tế, giáo dục công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (khoản 4 Điều 64 và Điều 65).

Thứ ba, về các loại hình khen thưởng.

Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định 06 loại hình khen thưởng đã được quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng bao gồm:

"1. Khen thưởng công trạng là khen thưởng cho cá nhân, tập thể thường xuyên có thành tích xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng kịp thời cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

3. Khen thưởng phong trào thi đua là khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do cấp có thẩm quyền phát động, chỉ đạo trong thời gian cụ thể hoặc thi đua theo chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động lâu dài trong các giai đoạn cách mạng hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có quá trình công tác trong lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam". (Điều 8, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022).

Theo đó, loại hình: "Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề)" trước đây thì nay được quy định thành "Khen thưởng phong trào thi đua".

Thứ tư, về các hình thức khen thưởng.

Điều 9 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định 07 hình thức khen thưởng bao gồm: Huân chương; Huy chương; Danh hiệu vinh dự nhà nước; Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; Kỷ niệm chương; Bằng khen; Giấy khen. Theo đó không còn hình thức "Huy hiệu" để khen thưởng như trước đây, thay vào đó hình thức "Huy hiệu" chỉ để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 sửa đổi các hình thức khen thưởng cụ thể như sau:

Đối với hình thức "Huân chương Hồ Chí Minh", khoản 4 Điều 35 quy định: *"Tập thể đã được tặng Huân chương Hồ Chí Minh và sau đó có liên tục từ 15 năm trở lên đến thời điểm đề nghị lập được nhiều thành tích xuất sắc; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh thì được xét tặng Huân chương Hồ Chí Minh lần tiếp theo".* (Luật Thi đua, khen thưởng trước đây quy định tập thể chỉ được tặng 2 lần đối với hình thức "Huân chương Hồ Chí Minh").

Đối với hình thức "Huân chương Độc lập" các hạng để tặng cho bộ, ban, ngành, tỉnh, cơ quan của Quốc hội được bổ sung quy định "nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập năm tròn" tại khoản 2 các Điều 36, Điều 37, Điều 38. Đồng thời bổ sung tiêu chuẩn "đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc" thay thế cho tiêu chuẩn "Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" (điểm a khoản 3 Điều 36, Điều 37, Điều 38).

Đối với hình thức "Huân chương Lao động" hạng Nhất, điểm đ khoản 1 Điều 42 quy định cá

nhân được tặng hoặc truy tặng hình thức "Huân chương Lao động" hạng Nhất khi *"Đã được tặng Huân chương Lao động hạng Nhì và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có từ 03 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 02 lần được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh"*. Đối với tập thể, Luật bổ sung thêm tiêu chuẩn được xem xét "hoặc đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc"; bổ sung điều kiện "có 02 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ" (điểm d khoản 4 Điều 42).

Đối với hình thức "Huân chương Lao động" hạng Nhì, điểm đ khoản 1 Điều 43 quy định cá nhân được tặng hoặc truy tặng hình thức "Huân chương Lao động" hạng Nhì khi *"Đã được tặng Huân chương Lao động hạng Ba và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 01 lần được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh"*. Đối với tập thể, Luật bổ sung thêm tiêu chuẩn được xem xét "hoặc đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc"; bổ sung điều kiện "có 03 lần được tặng bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh đối với tập thể không thuộc đối tượng được tặng cờ thi đua" (điểm d khoản 4 Điều 43).

Đối với hình thức "Huân chương Lao động" hạng Ba, điểm e khoản 1 Điều 44 quy định cá nhân được tặng hoặc truy tặng hình thức "Huân chương Lao động" hạng Ba khi *"Đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có từ 01 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 03 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở"*. Đối với tập thể, Luật bổ sung thêm tiêu chuẩn được xem xét "hoặc đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc"; bổ sung điều kiện "có 01 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ" (điểm đ khoản 4 Điều 44).

Đối với hình thức "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", điểm b khoản 1 Điều 73 quy định cá nhân được tặng hoặc truy tặng hình thức "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" khi *"Đã được tặng bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh và có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở"*. Đối với tập thể, Luật bổ sung thêm tiêu chuẩn được xem xét "hoặc đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc" (điểm e khoản 4 Điều 73).

Đối với hình thức "Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh", điểm d khoản 1 Điều 74 quy định cá nhân được tặng hoặc truy tặng hình thức "Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh" khi *"Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở"*. Đối với tập thể, Luật bổ sung thêm tiêu chuẩn được xem xét "hoặc đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc" (điểm d khoản 3 Điều 74).

Đối với hình thức "Giấy khen", Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bổ sung hình thức "Giấy khen" của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc bộ, ban, ngành" tại điểm a khoản 1 Điều 75.

Ngoài 07 hình thức nói trên, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bổ sung thêm hình thức khen thưởng kháng chiến, đó là "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" đối với Thanh niên xung phong có thành tích trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ, trung thành với cách mạng, có thời gian

tại ngũ từ 02 năm trở lên và Thanh niên xung phong hy sinh trong khi làm nhiệm vụ trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc đã được công nhận liệt sĩ (tại khoản 2 Điều 96).

Thứ năm, về các danh hiệu thi đua.

Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 không quy định phải "Đăng ký tham gia thi đua" để làm căn cứ xét thi đua như trước (Điều 7).

Đồng thời Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định hoàn toàn mới về danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu để tặng hằng năm cho xã, phường, thị trấn dẫn đầu phong trào thi đua cấp huyện và đạt các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 29.

Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn xét tặng một số danh hiệu thi đua như sau:

Đối với danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", danh hiệu chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bổ sung tiêu chuẩn "Có sáng kiến hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ" (điểm b, khoản 1 Điều 21 và Điều 22).

Đối với danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" bổ sung tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" (khoản 2 Điều 23).

Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bổ sung tiêu chuẩn xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ đối với tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức (khoản 2 Điều 25); tập thể dẫn đầu phong trào thi đua chuyên đề ở cấp toàn quốc và cấp bộ, cấp tỉnh khi sơ kết, tổng kết (khoản 2 Điều 26).

Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định về trách nhiệm của *"Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; đánh giá thành tích; chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng và việc trình cấp trên khen thưởng"* (khoản 1 Điều 13);

Theo đó, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 cụ thể hoá trong phân cấp, phân quyền để Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định thẩm quyền công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" (Điều 24), "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" (Điều 28). Đồng thời, quy định cụ thể thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, ban, ngành tặng danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến" hoặc ủy quyền công nhận danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến"cho cá nhân, tập thể thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành không có tư cách pháp nhân (khoản 3 Điều 79).

Ngoài ra, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định chi tiết thẩm quyền đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của người đứng đầu cơ quan được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân công tham mưu công tác thi đua, khen thưởng (khoản 3 và khoản 5 Điều 83). Phân cấp cho bộ, ban, ngành, tỉnh căn cứ đặc điểm, tình hình của từng đối tượng, lĩnh vực, ngành nghề để quy định cụ thể về một số nội dung được giao phù hợp với từng vùng miền, ngành nghề lĩnh vực.

Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024. Với những điểm mới trong Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 góp phần bổ sung và hoàn thiện các nội dung của công tác thi đua, khen thưởng hiện nay, động viên, khuyến khích các cá nhân, tập thể phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, thực hiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM THEO QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

CN. HOÀNG THỊ THU
Khoa Lý luận cơ sở

Tìm hiểu về cuộc đời hoạt động cách mạng và sự nghiệp của Lãnh tụ Hồ Chí Minh, chúng ta càng thấm thía nhiều bài học lớn về lòng yêu nước, thương dân vô bờ bến, về những phương hướng cho sự phát triển của đất nước, về văn hóa ứng xử tinh tế, nhân văn, trong đó quan tâm và xây dựng con người Việt Nam là khát vọng, là mục tiêu cao nhất mà Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng đến.

Lúc sinh thời, vấn đề quan tâm nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là vấn đề con người và chiến lược xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thời đại, của sự nghiệp cách mạng. Người nhiều lần khẳng định "Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa"[1]. Có thể nói, toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh đã quy tụ và có tính hướng đích là vấn đề con người. Điều đó không chỉ thể hiện tình yêu bao la của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với con người mà quan trọng hơn, những định hướng ấy vẫn còn nguyên giá trị đối với công cuộc xây dựng con người Việt Nam hiện nay. Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người chúng ta thấy nổi lên một số vấn đề sau:

Đầu tiên, về công việc đối với con người.

Con người và công việc đối với con người là vấn đề đặc biệt quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Người luôn khẳng định mục tiêu cao nhất và thước đo sự phát triển của mỗi quốc gia là làm cho người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hưởng các quyền tự do, dân chủ. Cho rằng "dân dĩ thực vi thiên", Hồ Chí Minh yêu cầu chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân, phải lo cho nhân dân về mọi mặt, cả vật chất lẫn tinh thần. Quan điểm này của Hồ Chí Minh được xây dựng dựa trên truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc nhằm phát huy những giá trị nội sinh của con người Việt Nam cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ nước nhà. Nhân cách con người mà Hồ Chí Minh hướng đến xây dựng là nhân cách người cách mệnh "Hòa mà không tư… Vị công vọng tư… Giữ chủ nghĩa cho vững… Quyết đoán… Dũng cảm… Phục tùng đoàn thể"[2].

Hai là, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

Trong xây dựng con người, vấn đề trọng tâm mà Hồ Chí Minh bàn đến là không ngừng nâng cao dân trí, dân sinh và dân quyền. Con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là con người chung chung, trừu tượng mà là những con người cụ thể, với những đối tượng cụ thể và những chính sách phù hợp cho từng đối tượng. Trong bản *Di chúc* thiêng liêng để lại cho toàn Đảng, toàn dân tộc ta, Người đã có những chỉ đạo cụ thể về chính sách đối với con người. Chẳng hạn: Đối với

các liệt sĩ, Người yêu cầu mỗi địa phương cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta; Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, chính quyền địa phương phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét. Đối với phụ nữ, Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo…[3]

Không chỉ định hướng nhiệm vụ cho Đảng và Chính phủ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nêu rõ nhiệm vụ của từng giai cấp, đối tượng cụ thể trong sự nghiệp xây dựng con người. Bản thân mỗi người phải tự dần dần "tự lực cánh sinh", "phải cố gắng vươn lên" để gánh vác trọng trách được giao.

Ba là, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm quan trọng và rất cần thiết"[4], Đảng cần phải quan tâm chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng", vừa "chuyên". Người nhấn mạnh "nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên"[5]. Thế hệ trẻ chính là chủ nhân tương lai của đất nước, kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Lúc sinh thời, Hồ Chí Minh rất quan tâm và đòi hỏi Đoàn Thanh niên phải làm tròn nhiệm vụ là nơi đoàn kết, tập hợp thanh niên để giúp Đảng giáo dục họ thành những chủ nhân tương lai của đất nước. Người khẳng định, muốn củng cố và phát triển thì Đoàn Thanh niên phải liên hệ rộng rãi và chặt chẽ với các tầng lớp thanh niên, phải biết tổ chức các phong trào thi đua, tạo môi trường tốt nhất cho thanh niên cống hiến và hưởng thụ. Người yêu cầu Đoàn Thanh niên khi đề xuất một phong trào thi đua, phải có định hướng đúng, có kế hoạch thực hiện cụ thể, có nội dung thi đua thiết thực, rõ ràng, có sự lãnh đạo, chỉ đạo theo dõi thường xuyên. Có như vậy phong trào đoàn mới thực sự phát triển, thực sự là cánh tay phải, là đội hậu bị tin cậy của Đảng trong giáo dục và rèn luyện để hình thành nhân cách trong sáng cho thanh niên.

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn nhận thức đầy đủ và sâu sắc về tầm quan trọng của nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quan tâm, tạo điều kiện phát huy tối đa sức mạnh con người, tạo động lực để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, tiến tới giải phóng con người là sự nghiệp vẻ vang của Đảng. Những định hướng về phẩm chất, những chuẩn giá trị mới cho việc xây dựng con người Việt Nam đã được đề cập trong tất cả các văn kiện của Đảng, được thể hiện rõ nét trong việc Đảng ta luôn đẩy mạnh và đổi mới công tác giáo dục - đào tạo. Đây là điều kiện, cơ sở để xây dựng và phát triển các thế hệ con người Việt Nam khỏe mạnh về thể chất, đẹp về nhân cách, có chuyên môn nghiệp vụ cao để phục vụ đắc lực vào sự nghiệp xây dựng và bảo về Tổ quốc. Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định con người là vốn quý nhất, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội.

Năm 1975, hòa bình lập lại trên toàn cõi Việt Nam, chúng ta bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh mới, nền kinh tế bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh, trong xã hội còn nhiều tệ nạn, hủ tục lạc hậu của chế độ cũ để lại, nhiều thói hư, tật xấu của con người cần phải được khắc phục, cải tạo… Vì vậy, ngay lúc này vấn đề mà Đảng và Nhà nước quan tâm là xây dựng những thế hệ con người Việt Nam có lý tưởng cách mạng vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội,… Những chuẩn giá trị mới này là động lực thúc đẩy con người Việt Nam chiến đấu, học tập, lao động tự giác, sáng tạo đem lại những thành tựu đáng tự hào trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, trong quá trình thực hiện chúng ta còn mắc một số sai lầm như: Chủ quan, duy ý chí; hình thức sở hữu toàn dân và tập thể đã tạo ra tình trạng lợi ích cá nhân hầu như không được quan tâm đã làm triệt tiêu động lực phấn đấu của con người; cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp trong một thời gian dài làm nảy sinh tính đặc quyền, đặc lợi của những người quản lý, làm giảm tính chủ động, sáng tạo của người lao động...

Bước vào công cuộc đổi mới, vấn đề con người luôn được Đảng ta đặc biệt quan tâm. Xác định con người vừa là chủ thể, vừa là khách thể tác động của sự nghiệp đổi mới, xuyên suốt quá trình đổi mới, Đảng ta luôn nhất quán "Đổi mới" trước hết phải bắt đầu từ đổi mới con người. Đường lối đổi mới toàn diện mọi mặt đất nước được thông qua tại Đại hội VI (1986) đã khẳng định vai trò quan trọng của "nhân tố con người", đồng thời nêu rõ: "Chỉ có đổi mới thì mới thấy đúng và thấy hết sự thật, thấy những nhân tố mới để phát huy, những sai lầm để sửa chữa, nhằm vận dụng tốt chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta, phát huy truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc, động viên tính năng động sáng tạo và khả năng vô tận của nhân dân lao động"[6]. Đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế xã hội, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua tại Đại hội VII (1991) khẳng định quan điểm: "coi mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, trước hết là người lao động"[7], "Mục tiêu giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ lao động có tri thức và có tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ, năng động và sáng tạo, có đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội"[8].

Tại Đại hội VIII, đại hội đưa đất nước ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta khẳng định: *"Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững... Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hoá, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường"*[9]. Nội dung này một lần nữa được nhấn mạnh trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX: "nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, đồng thời nhấn mạnh "mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức,

thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng, nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội"[10]. Những giá trị trên của con người tiếp tục được Đại hội X (2006) của Đảng nhấn mạnh. Đến Đại hội XI, Đảng ta khẳng định: "Chỉ số phát triển con người không ngừng tăng lên; Việt Nam đã hoàn thành phần lớn các Mục tiêu Thiên niên kỷ"[11]. Đặc biệt, ngày 9/6/2014, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ IX (Nghị quyết số 33-NQ/TW) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, với mục tiêu chung là "Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện hướng đến Chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học". Tổng kết, đánh giá về lĩnh vực xây dựng, phát triển con người sau 30 năm đổi mới, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh: Thực hiện nhiệm vụ xây dựng con người đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế có bước chuyển biến quan trọng: Gắn nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người với nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước; gắn xây dựng môi trường văn hóa với xây dựng con người; bước đầu hình thành những giá trị mới về con người với các phẩm chất về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, dân chủ, chủ động, sáng tạo, khát vọng vươn lên. Những kết quả này đã phần nào cho thấy sự tiến bộ trong công tác chăm lo, phát triển con người. Việc xây dựng thế hệ con người Việt Nam có nhân cách, trí tuệ là nền tảng thúc đẩy sự phát triển bền vững đất nước.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: Chúng ta "đã hoàn thành các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ". Cụ thể: giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiếp tục được đổi mới và có bước phát triển; phát triển văn hoá, xã hội, con người đạt nhiều kết quả quan trọng; bảo vệ tài nguyên, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được chú trọng, bước đầu đạt kết quả tích cực; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện rõ rệt. Đổi mới giáo dục đạt một số kết quả bước đầu. Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo đạt trên 20% tổng chi ngân sách; việc huy động các nguồn lực xã hội cho giáo dục, đào tạo, phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng hơn. Quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển. Đến năm 2020, Việt Nam đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (năm 2015 chỉ có 32/63 tỉnh/thành phố). Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng, năm 2021 đạt 66% tổng số lao động đang làm việc. Khoa học và công nghệ từng bước khẳng định vai trò động lực trong phát triển kinh tế - xã hội. Giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, thực hiện chính sách với người và gia đình người có công, chính sách an sinh xã hội đạt nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm còn dưới 3%. Quy mô, năng lực, chất lượng y tế dự phòng, khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch, chăm sóc sức khoẻ nhân dân có bước phát triển, tiếp cận được nhiều kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đạt nhiều kết quả quan trọng, nhất là trong phòng, chống đại dịch Covid-19. Tỷ lệ bảo hiểm y tế đạt

trên 90%. Nhiều mục tiêu về giảm nghèo, y tế, giáo dục hoàn thành trước thời hạn, được đánh giá là điểm sáng; đang tích cực triển khai thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030[12].

Trong quá trình hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi Việt Nam phải xây dựng nguồn nhân lực giỏi về chuyên môn nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức trong sáng đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Vì vậy, giáo dục - đào tạo các thế hệ con người Việt Nam phát triển toàn diện vì tương lai của bản thân và tiền đồ của đất nước là vấn đề cấp bách hiện nay. Đại hội XIII của Đảng đề ra: *"Xây dựng con Người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quan quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người"*[13]. Nhiệm vụ ấy đòi hỏi sự quan tâm, phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành và toàn thể xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, là sự quyết tâm nội sinh từ mỗi cá nhân con người học tập, phấn đấu, rèn luyện trở thành những thế hệ con người Việt Nam có đạo đức trong sáng, giàu bản lĩnh chính trị, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có sức khỏe, thẩm mỹ, văn hóa,… là những con người Việt Nam mới./.

Tài liệu tham khảo

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.11.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.280.

[3] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.616.

[4] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.612.

[5] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.216.

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.342.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.44.

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.108.

[9] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.85.

[10] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.108-109.

[11] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.154.

[12] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.64-66.

[13] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.231.

NHỮNG CHỈ ĐẠO ĐÚNG ĐẮN, SÁNG TẠO CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN QUA TÁC PHẨM "THƯ VÀO NAM"

TS. TRẦN THANH THỦY
Khoa Xây dựng Đảng

"Thư vào Nam" lần đầu ra mắt bạn đọc do Nhà xuất bản Sự thật in đầu năm 1985. Đây là cuốn sách tập hợp một số thư và điện của đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn gửi các đồng chí lãnh đạo ở các chiến trường miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Tác phẩm chứa đựng những phân tích sâu sắc về chiến lược cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam, phát triển phong phú lý luận về đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, quá trình xây dựng thực lực cách mạng trên từng chiến trường qua từng thời kỳ khác nhau.

Tên sách "Thư vào Nam" do chính Tổng Bí thư Lê Duẩn đặt với mong muốn người đọc tưởng nhớ đến Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự kiện ngày 15/9/1948, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh viết "Thư vào Nam" gửi Nhân dân Nam Bộ, thể hiện tình cảm sâu nặng và sự quan tâm đặc biệt của Người đối với đồng bào miền Nam ruột thịt.

Trong bức thư đầu tiên gửi anh Mười Cúc (tức đồng chí Nguyễn Văn Linh) và các đồng chí Nam Bộ, ngày 7/2/1961, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn viết: *"Khi còn ở miền Nam, trong những lần thảo luận về đường lối cách mạng miền Nam với các đồng chí, tôi đã nhận định rằng cách mạng miền Nam không tiến hành bằng cách trường kỳ đấu tranh vũ trang, lấy nông thôn bao vây thành thị, tiến lên dùng lực lượng quân sự giải phóng toàn bộ đất nước như Trung Quốc đã làm, mà đi con đường của Việt Nam…"* [1].

Cách mạng phát triển hay không là do tương quan lực lượng quyết định, trong đó lực lượng của cách mạng miền Nam gồm có lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Tại thời điểm năm 1961, lực lượng chính trị của ta chiếm ưu thế tuyệt đối so với lực lượng Mĩ và ngụy nhưng về lực lượng vũ trang thì ta kém hơn địch nhiều… Bí thư thứ nhất Lê Duẩn khẳng định ở thời điểm này nếu có điều kiện thuận lợi cho phép khởi nghĩa thành công, làm chủ được thành thị thì cách mạng cũng không thể giữ được mà phải rút ra để chiến đấu lâu dài [2].

Về mối quan hệ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, đồng chí Lê Duẩn nhận định từ khi đấu tranh quân sự được đẩy mạnh thì tại nhiều nơi cán bộ cách mạng xem nhẹ vai trò của đấu tranh chính trị. Điều này cho thấy một số đồng chí lãnh đạo trực tiếp phong trào cách mạng ở miền Nam chưa thấy hết khả năng cách mạng to lớn của quần chúng [3].

Từ đầu năm 1963 đến đầu năm 1965, cách mạng miền Nam có những chuyển biến rất tích cực, đặc biệt là sau sự kiện Mĩ giật dây cho tay sai tổ chức đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm (01/11/1963). Tháng 2/1965, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn nhận

định rất sâu sắc và cô đọng về tình hình cách mạng miền Nam lúc này: *"Kể từ trận Ấp Bắc (02/01/1963, TG), Mĩ thấy không thể thắng ta được, đến trận Bình Giã (12/1964, TG) thì Mĩ thấy sẽ thua ta trong "Chiến tranh đặc biệt" (1961 - 1965, TG)"* [4].

Thất bại trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" Mĩ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965 - 1968), trực tiếp đưa quân Mĩ vào tham chiến ở miền Nam Việt Nam với mục đích *"giữ cho ngụy quân, ngụy quyền không bị tan rã mau chóng"* [5]. Do đó, đánh quân Mĩ là để tạo điều kiện tiêu diệt quân ngụy; ngược lại, diệt quân ngụy cũng tạo điều kiện để đánh và diệt quân Mĩ. Mục tiêu chung là *"đánh bại quân Mĩ và quân ngụy, tiến lên thật sự làm chủ rừng núi, nông thôn đồng bằng, bao vây, chia cắt địch và tiến tới tổng công kích, tổng khởi nghĩa làm chủ thành thị, giành thắng lợi quyết định về ta"* [6].

Để chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, trong thư gửi Trung ương cục và Quân ủy miền Nam ngày 18/01/1968, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn chỉ đạo rất đúng đắn, đi trước thực tiễn về hướng tiến công của quân ta ở miền Nam là *"nhằm vào thành thị, nhưng phải nhớ rằng kết quả lớn nhất, quan trọng nhất phải đạt được là ở việc giành và giữ nông thôn"* [7].

Tư duy sắc sảo của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn cũng được thể hiện rất rõ không chỉ ở những chỉ đạo đấu tranh quân sự trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 mà còn qua những chỉ đạo đấu tranh chính trị ở đô thị trong năm 1972 với việc đồng chí yêu cầu cách mạng miền Nam thực hiện 5 nhiệm vụ cơ bản: 1. Tiến hành công tác chính trị sâu rộng trong quần chúng nhân dân, nhất là trong các tầng lớp lao động, lấy mục tiêu đuổi Mĩ, lật Thiệu, vãn hồi hòa bình, hòa hợp dân tộc làm khẩu hiệu; 2. Đẩy mạnh đấu tranh đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống bóc lột, vơ vét, chống đàn áp khủng bố; 3. Ra sức tổ chức, tập hợp thật đông đảo quần chúng cơ bản vào phong trào đấu tranh chính trị làm cho thực lực của cách mạng thay đổi một cách có ý nghĩa cả về số lượng và chất lượng; 4. Kết hợp phong trào đấu tranh của quần chúng với việc khoét sâu mâu thuẫn nội bộ địch, mở rộng mặt trận liên hiệp hành động chống Mĩ - Thiệu; 5. Đẩy mạnh hơn nữa công tác binh vận, thực hiện công, nông, binh liên hiệp nhằm đánh bại âm mưu "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mĩ. Đối với công tác binh vận phải *"thực hiện đúng chính sách đối với gia đình binh sĩ ngụy, coi đó là một lực lượng quan trọng để làm công tác binh vận"* [8].

Trong bức điện gửi anh Bảy Cường (Phạm Hùng) ngày 10/10/1974 về Kết luận đợt một Hội nghị Bộ Chính trị, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn cho rằng yếu tố cốt lõi để cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn là lúc này quân Mỹ đã về nước còn quân ta thì ở lại, hành lang Nam Bắc vẫn được nối liền, hậu phương gắn với tiền phương thành một dải liên hoàn thống nhất; thế trận tiến công của ta vẫn vững. Nhân dân miền Nam phải nắm lấy thời cơ này để hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngay từ cuối năm 1974 phải chuẩn bị mọi công việc thật khẩn trương, tạo cơ sở vật chất đầy đủ để có thể đánh mạnh, đánh nhanh, thắng gọn và triệt để trong hai năm 1975 và 1976. Sức mạnh của cách mạng miền Nam là sức mạnh làm chủ của Nhân dân, sức mạnh chiến tranh nhân

dân, *"sức mạnh của hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, gắn liền chặt chẽ với ba dòng thác cách mạng của thời đại"* [9]. Tuy nhiên, đồng chí vẫn nhấn mạnh phải cố gắng cao nhất thắng gọn trong năm 1975. Khi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 chính thức diễn ra, đồng chí yêu cầu tốt hơn cả là phải kết thúc chiến tranh giải phóng miền Nam ngay trong tháng 4/1975.

Nhằm kết thúc nhanh chiến dịch Hồ Chí Minh, 10 giờ 00 ngày 29/4/1975, đồng chí Lê Duẩn điện gửi anh Sáu, anh Bảy, anh Tuấn, anh Tư, đồng điện anh Tấn chỉ đạo quân ta tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch với *"khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng"* [10]. Đến ngày 30/4/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng; ngày 02/5/1975, các địa phương còn lại ở miền Nam được giải phóng.

Qua nghiên cứu về tác phẩm "Thư vào Nam" của Tổng Bí thư Lê Duẩn, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

Thứ nhất, qua các bức thư và điện trong "Thư vào Nam" chúng ta nhận thấy đồng chí Lê Duẩn rất nhạy bén với những thay đổi của tình hình cách mạng miền Nam. Nhờ đó, đồng chí đã đề ra được những chủ trương rất đúng đắn, sáng suốt, thể hiện tầm nhìn xa, vượt trước thực tại, góp phần định hướng cho Nhân dân miền Nam đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mĩ từ năm 1961 đến năm 1975.

Thứ hai, qua tác phẩm chúng ta thấy được những phân tích rất sâu sắc và đúng đắn của đồng chí Lê Duẩn về mối quan hệ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Từ đấu tranh chính trị là chủ yếu tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự; đến cuối cuộc kháng chiến, lấy đấu tranh quân sự là trọng tâm để giành thắng lợi quyết định, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thứ ba, những đóng góp về mặt lý luận của tác phẩm "Thư vào Nam" rất đáng trân trọng, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là nguồn tư liệu quý giúp những nhà nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nắm bắt những chủ trương lớn của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước vĩ đại, vận dụng vào công tác xây dựng Đảng và phát triển đất nước hiện nay.

Thứ tư, về ý nghĩa thực tiễn, đối với các trường chính trị, đây là tài liệu tham khảo quý báu cho học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị khi nghiên cứu về phần lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Tác phẩm là một cuốn cẩm nang thực sự cần thiết đối với học viên trong quá trình nghiên cứu bài 2: Những thành tựu chủ yếu của cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay và bài 3: Những bài học kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân./.

Tài liệu tham khảo:

[1] Lê Duẩn, Thư vào Nam, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 7.
[2] Lê Duẩn, Thư vào Nam, Sđd, tr. 12.
[3] Lê Duẩn, Thư vào Nam, Sđd, tr. 37.
[4] Lê Duẩn, Thư vào Nam, Sđd, tr. 50.
[5] Lê Duẩn, Thư vào Nam, Sđd, tr. 103.
[6] Lê Duẩn, Thư vào Nam, Sđd, tr. 107-108.
[7] Lê Duẩn, Thư vào Nam, Sđd, tr. 187.
[8] Lê Duẩn, Thư vào Nam, Sđd, tr. 295.
[9] Lê Duẩn, Thư vào Nam, Sđd, tr. 377.
[10] Lê Duẩn, Thư vào Nam, Sđd, tr. 408.

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG VÀO GIẢNG DẠY "BÀI 2. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM"

ThS. LÊ THỊ HUYỀN
Khoa Nhà nước và pháp luật

Từ thực tiễn của đất nước và trước yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định xây dựng chính quyền địa phương là một trong những nội dung quan trọng trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đưa ra những định hướng về xây dựng chính quyền địa phương. Theo đó, việc nghiên cứu và vận dụng những nội dung này vào giảng dạy trong Chương trình trung cấp lý luận chính trị là cần thiết, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

Là giảng viên của Khoa Nhà nước và pháp luật, trong quá trình nghiên cứu giảng dạy, bản thân nhận thấy cần vận dụng những định hướng của Đảng về xây dựng chính quyền địa phương trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII vào giảng dạy "*Bài 2. Chính quyền địa phương ở Việt Nam"* của phần học "*Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam"* (bài học có thời lượng 12 tiết, được kết cấu gồm 3 nội dung chính: 1. Một số vấn đề lý luận về chính quyền địa phương; 2. Quá trình hình thành, phát triển và thực trạng chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay; 3. Quan điểm và giải pháp tiếp tục hoàn thiện chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay) để nội dung bài giảng sâu sắc hơn, gắn lý luận với thực tiễn, giúp học viên hiểu rõ về vị trí, vai trò của chính quyền địa phương trong công cuộc đổi mới cũng như trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, vận dụng vào lĩnh vực công tác, cuộc sống của mình nhằm góp phần đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào thực tiễn cuộc sống, cụ thể, giảng viên cần vận dụng những nội dung sau:

Thứ nhất, tại mục "2.2. Thực trạng chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay".

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: "*Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương một số nơi chưa được đổi mới mạnh mẽ; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền chưa thật sự rõ ràng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn hạn chế"[1].* Do đó, việc phân tích, đánh giá, dẫn chứng cần làm rõ quan điểm trên giúp học viên nắm được quan điểm và liên hệ đến việc thực hiện các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương hiện nay.

Thứ hai, tại mục "3. Quan điểm và giải pháp tiếp tục hoàn thiện chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay".

Cần chú ý lồng ghép các nội dung về xây dựng chính quyền địa phương được đề cập tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng để góp phần tuyên truyền, quán triệt những định hướng của Đảng, cụ thể như sau:

Một là, hoàn thiện các mô hình tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính. Đây là nội dung mang tính chiến lược quốc gia, trong xây dựng và hoàn thiện Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Do vậy, phải "*tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định; thực hiện và tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình quản trị chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả"[2].*

Hai là, cần làm rõ nội dung hoàn thiện tổ chức bộ máy, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực và hiệu quả trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng: *"Hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền các cấp gắn với tinh giản biên chế, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả"[3];* "*cải cách thủ tục hành chính; kiện toàn tổ chức, tinh giản hợp lý đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế"[4]*, trong đó thực hiện*"cải cách thủ tục hành chính một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch"[5]* góp phần thực hiện mục tiêu *"xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả"[6].*

Ba là, một số nhiệm vụ trọng tâm về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương. Cần làm rõ nhiệm vụ trọng tâm của chính quyền địa phương là *"tập trung thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản, giải quyết các vấn đề xã hội, thực thi luật pháp, cải thiện môi trường kinh doanh và bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn"[7].* Theo đó, quá trình triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cần quán triệt nguyên tắc phân định chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương các cấp, trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương với cơ quan nhà nước ở địa phương. Đồng thời, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cấp chính quyền địa phương cũng phải bảo đảm sự gắn kết giữa hai thiết chế Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

Bốn là, nội dung tiếp tục thực hiện điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính ở cấp huyện và cấp xã dựa trên những căn cứ, tiêu chí khoa học. Cần nhấn mạnh để thực hiện tốt những nhiệm vụ: "*Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cấp, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả"[8]*, *"sáp nhập hợp lý một số đơn vị hành chính cấp xã, huyện phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển mới"[9]* cần thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định pháp luật về tiêu chí của đơn hành chính, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; xây dựng quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp. Lưu ý, các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sau khi được sắp xếp phải đạt tiêu chí về diện tích tự nhiên, quy mô dân số và các tiêu chí khác theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải chú trọng, cân nhắc kỹ các yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, cộng đồng dân cư, yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, cần gắn việc sắp xếp đơn vị hành

chính cấp huyện, cấp xã với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; giải quyết chế độ, chính sách hợp lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Năm là, nội dung thực hiện sự phân cấp, phân quyền, ủy quyền giữa trung ương, địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương. Thực hiện sự phân cấp, phân quyền, ủy quyền thật rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn giữa trung ương, địa phương và giữa mỗi cấp chính quyền địa phương, đảm bảo tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp. Mặt khác, khắc phục tình trạng đùn đẩy, né trách trách nhiệm giữa chính quyền trung ương và địa phương khi thực hiện nhiệm vụ. Do đó, cần nhấn mạnh các nội dung: *"Đổi mới mạnh mẽ phân cấp, phân quyền, uỷ quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Củng cố, hoàn thiện hệ thống chính quyền địa phương; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa Trung ương và địa phương"[10];* "đổi mới cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền, gắn với phân định và nâng cao trách nhiệm của Trung ương và địa phương"[11] và *"phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục sự chồng chéo, trùng lắp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức"[12].* Ngoài ra, cần lồng ghép các nội dung: *"Cải cách phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng phân định rõ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, nâng cao tính chủ động, tự chủ của ngân sách địa phương"[13]; "đổi mới phân cấp ngân sách nhà nước, phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, đồng thời bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khuyến khích và thúc đẩy sáng tạo của chính quyền địa phương"*[14] vào bài giảng và nhấn mạnh đây là những điểm mới của Văn kiện nhằm khắc phục tình trạng nhiều nhiệm vụ của trung ương được giao cho địa phương thực hiện nhưng chỉ giao thực hiện nhiệm vụ mà không giao các nguồn lực, điều kiện bảo để thực hiện dẫn đến thiếu tính khả thi hay gây khó khăn cho chính quyền địa phương. Qua đó, giúp học viên hiểu rõ đường lối, nghị quyết của Đảng, vận dụng vào thực tiễn công tác.

Xây dựng chính quyền địa phương là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị. Đặc biệt, trong trong bối cảnh xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, việc vận dụng các quan điểm của Đại hội lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy *"Bài 2. Chính quyền địa phương ở Việt Nam"* trong phần học *"Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam"* không những làm cho bài giảng mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc mà còn góp phần đưa những chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn cuộc sống và nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị hiện nay đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước./.

Tài liệu tham khảo:

[1]-[6]: Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr. 90, tr.178, tr.286, tr.179, tr.224, tr.286.

[7], [8], [9], [12]: Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, t.2, tr.99, tr.146, tr.128, tr.146.

[10], [11], [13], [14]: Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.225, tr.128, tr.178, tr.226.

TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

CN. PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH
Khoa Lý luận cơ sở

Trong hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, tư tưởng về con người và xây dựng con người là một bộ phận hết sức quan trọng, có giá trị lý luận và thực tiễn đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở nước ta hiện nay. Trong tư tưởng ấy, vấn đề phát huy nhân tố con người được thể hiện một cách đa dạng, phong phú đồng thời cũng rất sâu sắc mà bình dị. Với sự khẳng định: *"Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa"*[1] đã cho thấy được vai trò, vị trí trung tâm của con người với tư cách là động lực, mục tiêu của công cuộc xây dựng CNXH. Tư tưởng ấy đã được Đảng ta vận dụng sáng tạo và phát huy giá trị trong thực tiễn xây dựng đất nước, nhất là trong gần 36 năm đổi mới. Đồng thời, cũng đặt ra những vấn đề cần giải quyết trong việc phát huy nhân tố con người để đưa đất nước đi lên theo con đường mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân đã chọn lựa.

Chứng kiến nỗi đau mất nước, cuộc sống Nhân dân lầm than cơ cực, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tâm niệm *"làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ..."*[2]. Vì vậy, cần xây dựng một xã hội mới - xã hội chủ nghĩa. Đó là một chế độ xã hội có bản chất khác hẳn và tốt đẹp hơn các chế độ xã hội đã từng tồn tại trong lịch sử. Không chỉ bàn về mục tiêu, bản chất, đặc trưng, biện pháp, tính chất... mà tư tưởng Hồ Chí Minh còn đặc biệt chú ý đến động lực để xây dựng CNXH - đó là con người - nguồn nội lực quan trọng nhất, quyết định nhất. Suy cho cùng, bản chất tốt đẹp của CNXH đó chính là do con người, vì con người và cho con người.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về phát huy nhân tố con người trong xây dựng CNXH được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, cần phải xây dựng con người xã hội chủ nghĩa (XHCN), đó là con người có lòng nồng nàn yêu nước, có tư tưởng và tác phong XHCN.

Trong các phẩm chất đạo đức của con người Việt Nam, có lẽ nổi bật hơn cả đó là truyền thống yêu nước, tình cảm ấy lớn lên trong cuộc sống cộng đồng, thường xuyên được giáo dục giúp chúng ta chiến thắng giặc ngoại xâm, thiên tai, địch họa. Tinh thần yêu nước không chỉ *"được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê"*[3] mà được phát huy mạnh mẽ trong thời đại Hồ Chí Minh, trong các cuộc kháng chiến kiến quốc và công cuộc xây dựng CNXH. Người thường xuyên nhắc nhở: "Chúng ta phải bồi dưỡng lòng nồng nàn yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính", bởi có yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu CNXH thì mỗi cá nhân mới tự nguyện chiến đấu, hi sinh vì dân, vì nước, mới ra sức lao động, sản xuất, thực hành tiết kiệm để Tổ quốc giàu mạnh.

Theo Người, tư tưởng và tác phong XHCN là ý thức làm chủ nước nhà, có tinh thần tập thể XHCN, đồng thời cần loại bỏ tư tưởng cũ kỹ, lạc hậu, có lý tưởng khát vọng tiến tới xã hội mới tốt đẹp hơn.

Thứ hai, chăm lo cuộc sống của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực.

Phát triển kinh tế là không chỉ là cơ sở để tạo việc làm cho người lao động mà còn nâng cao đời sống của họ, do đó trong thực tế Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương thực hiện nhiều biện pháp khác nhau. Đối với công nhân "phải thực hiện ban khoán một thưởng. Nếu ai thực hiện vượt mức quy định thì được thưởng" và khoán được xem là một đòn bẩy kinh tế bởi nó làm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế. Còn đối với nông dân thì được *"giảm địa tô, cứu tế nông dân trong những năm mất mùa"*[4], đối với bộ đội được *"hậu đãi binh lính có công giữ gìn Tổ quốc và phụ cấp gia đình binh lính được đầy đủ"*[5], còn đối với trí thức được tạo môi trường và điều kiện làm việc. Ngoài ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đặc biệt quan tâm đến vấn đề tiền lương. Với mong muốn "đời sống của công nhân, công chức và bộ đội càng khá hơn" nên Người đã yêu cầu tiền lương chi trả phải đủ để người lao động tái sản xuất giản đơn sức lao động, đóng bảo hiểm tuổi già và nuôi con. Đồng thời, trong chính sách tiền lương cũng phải đảm bảo công bằng tức là làm theo năng lực hưởng theo lao động, chính điều này đã tạo ra động lực quan trọng để phát triển kinh tế.

Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng đến các chính sách an sinh xã hội nhất là đối với những người có công. Đây là một nhận thức đúng đắn trong quan điểm của Người và cũng là định hướng nhân văn, tốt đẹp của chế độ XHCN mà chúng ta đang xây dựng. Người luôn căn dặn Chính phủ phải tìm mọi cách cho những người yếu thế có nơi ăn chốn ở, mở lớp dạy nghề thích hợp cho mỗi người, giúp đỡ người có công có công ăn việc làm, không để bị đói rét.

Thứ ba, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Kế thừa truyền thống của ông cha "lấy dân làm gốc" và sự quán triệt sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin coi "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, trong công cuộc cải tạo xã hội mới, sức mạnh của đoàn kết là vô cùng to lớn và Người đã khẳng định: *"Trong bầu trời không có gì quý bằng Nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân"*[6]. Từ sự tổng kết lý luận: *"Thời đại chúng ta là thời đại văn minh, thời đại cách mạng, mọi việc càng phải dựa vào của tập thể, của xã hội; cá nhân càng không thể đứng riêng lẻ mà càng phải hòa mình trong tập thể, trong xã hội"*[7], Người nhấn mạnh, đoàn kết là cơ sở để phát huy thế mạnh của từng cá nhân riêng lẻ, tạo nên sức mạnh cộng đồng để đạt được các mục tiêu trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng CNXH.

Thứ tư, thực hành dân chủ trên mọi phương diện.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1945 đã lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đưa người dân thoát ra khỏi thân phận nô lệ trở thành người tự do. Chỉ một năm sau khi nước nhà giành độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ cách mạng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu tổ chức cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu đồng thời Người đã chỉ đạo quá trình soạn thảo, ban hành bản Hiến pháp đầu tiên ghi nhận quyền làm chủ của nhân dân ở Hiến pháp.

Từ khẳng định "dân làm chủ" và "dân là chủ", Người chỉ rõ: *"Nước ta là nước dân*

chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân"[8].

Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: CNXH là một quá trình cách mạng lâu dài, một công việc "rất to lớn, nặng nề và phức tạp", do vậy cần thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân trên lĩnh vực kinh tế, đó là việc xóa bỏ dần cách bóc lột tư bản chủ nghĩa, tạo điều kiện để nhân tham gia quản lý nhà nước, từ làm chủ tư liệu sản xuất, họ phải được làm chủ việc quản lý kinh tế, làm chủ việc phân phối lao động.

Thứ năm, phát triển văn hóa, giáo dục để tạo cơ sở phát huy sức mạnh của con người.

Phát huy nhân tố con người trong xây dựng CNXH và để có những con người XHCN là cả chiến lược lâu dài, gian khổ nhưng cũng rất vẻ vang chứ không phải biện pháp tức thời của một sớm, một chiều. Người từng khẳng định: "Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người". Sự nghiệp trồng người ấy sẽ bồi dưỡng cho thế hệ mai sau trở thành những con người vừa có đức, vừa có tài, vừa hồng vừa chuyên, bởi Người hiểu "một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Từ thân phận nô lệ, chịu cảnh lầm than và mù chữ, công cuộc xây dựng CNXH chỉ được tiến hành khi những con người trong xã hội ấy được giải phóng, có cơm ăn áo mặc, không ngừng học tập để nâng có tri thức, trình độ của bản thân. Muốn vậy, nền giáo dục phải kết hợp chặt chẽ giữa học và hành, lý luận và thực tiễn, học suốt đời kết hợp tự học, "dạy dỗ con em của nhân dân thành người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt, người cán bộ tốt của nước nhà" để phục vụ cho công cuộc xây dựng CNXH.

Hơn ai hết, Người hiểu rằng nếu như kinh tế nâng cao đời sống vật chất, thì văn hoá có tác dụng nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Khi *"trình độ văn hóa của nhân dân được nâng cao sẽ góp phần phát triển dân chủ, góp phần xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất độc lập, dân chủ và giàu mạnh"*[9] do vậy, muốn xây dựng con người có những phẩm chất cơ bản, tiêu biểu cho con người mới XHCN cần đặt đúng văn hóa xứng tầm vị trí của nó, bởi "văn hoá soi đường cho quốc dân đi"; đồng thời phải đem văn hoá lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ.

Trên cơ sở quan điểm của Hồ Chí Minh về phát huy nhân tố con người trong xây dựng CNXH, Đảng ta luôn đánh giá cao vị trí, vai trò của con người, xem đây là động lực quyết định nhất đối với sự phát triển của quốc gia. Kế thừa quan điểm về phát huy nhân tố con người được hình thành và phát triển qua các kỳ đại hội trước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: *"Phát huy tối đa nhân tố con người, con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại"*[10].

Hiện nay, nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế nên không thể không dựa vào nhân tố con người. Vậy nên, trong phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước 10 năm 2021 - 2030, Đảng ta cũng chỉ rõ: *"Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc"*[11]. Xây dựng CNXH là một cuộc cách

mạng lâu dài, phức tạp, sâu sắc và triệt để nhất trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa... và con người mới XHCN phải là những con người phát triển toàn diện đủ phẩm chất, năng lực về trí tuệ, đạo đức, sức khỏe, giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, quyết tâm cải tạo xã hội cũ để xây dựng xã hội mới tốt đẹp và tiến bộ hơn.

Trong giai đoạn hiện nay, để tiếp tục khơi dậy khát vọng phát triển đất nước nhanh và bền vững, phát huy mạnh mẽ yếu tố con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng CNXH, cần tiếp tục vận dụng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng trên một số vấn đề sau:

Một là, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước hùng cường trong chính mỗi con người Việt Nam

Để thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", vững bước đi lên CNXH, thực hiện thành công tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc cần *"Tập trung khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, niềm tự hào, ý chí tự cường, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội và khát vọng phát triển đất nước của toàn dân tộc. Xây dựng các cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước của mọi người dân Việt Nam"*[12]

Hai là, đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao

Cùng với việc hoàn thiện và nâng cao thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại thì việc phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao được xem là một trong ba khâu đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng chỉ ra những hạn chế của lĩnh vực giáo dục, đào tạo đó là: *"Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa thật sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội"*[13]. Vì vậy, văn kiện Đại hội XIII nêu ra yêu cầu mới đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo cần phải là: *"Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài"*[14].

Với việc phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ trong thời đại 4.0, sự hình thành của nền kinh tế tri thức đòi hỏi giáo dục phải vượt khỏi những khuôn khổ truyền thống và không ngừng đổi mới, thích nghi trong giai đoạn tới nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc.

Ba là, tiếp tục phát huy dân chủ XHCN trên mọi lĩnh vực

Dân chủ XHCN là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Cần tiếp tục đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng, bảo vệ Tổ quốc XHCN. Dân chủ có thực sự, dân tộc mới hùng cường và hạnh phúc. Theo đó, Đại hội XIII của Đảng khẳng định: *"Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ XHCN, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân; tăng cường tạo đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội"*[15].

Bốn là, thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của con người.

An sinh xã hội được coi là mục mục tiêu, động lực để phát triển nhanh và bền vững, Đảng ta khẳng định: *"Nhận thức đầy đủ và*

đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội. Tăng cường quản lý, phát triển xã hội, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người"[16]. Đây là cơ sở để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ nhằm xây dựng xã hội ổn định và phát triển, làm tiền đề thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam.

Năm là, phát huy yếu tố văn hóa trong xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam.

Trong Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh yêu cầu về phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Việc phát huy vai trò của văn hóa với tư cách là nền tảng tinh thần của xã hội sẽ là cơ sở để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin và khát vọng phát triển. Đồng thời, cần "khắc phục những hạn chế" của con người Việt Nam hiện nay để phát huy những yếu tố tích cực đã được hình thành trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước lâu dài. Đảng ta cũng chỉ rõ nhiệm vụ hiện nay, đó là *"tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới"*[17].

Tóm lại, trong gần 36 năm đổi mới, từ sự vận dụng quan điểm có tính quy luật của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng những đánh giá thực tiễn và tổng kết lý luận, Đảng ta đã khẳng định: Con người và các nguồn lực của con người đóng vai trò quyết định sự phát triển của đất nước. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, việc luôn nhận thức sâu sắc vai trò to lớn của nhân tố con người và lấy đó làm điểm tựa vững chắc là điều kiện để chúng ta đưa sự nghiệp đổi mới đất nước đi đến thắng lợi. Lời khẳng định của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay thêm lần nữa khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam cùng quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên CNXH trong đó phát huy nhân tố con người trong xây dựng CNXH là hoàn toàn đúng đắn. Chúng ta tin tưởng rằng, dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng ta, với các cơ chế phát huy tối đa phẩm chất, năng lực, tinh thần cống hiến của mỗi con dân đất Việt sẽ là cơ sở vững chắc thực hiện mục tiêu cao cả "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao giữa thế kỷ XXI./.

Tài liệu tham khảo:

[1],[2]. Hồ Chí Minh: Toàn tập, *NXBCTQG, Hà Nội, 2011, t.13, tr. 66, tr 438*

[3],[6]. Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXBCTQG, Hà Nội, t.7, tr.38, tr 544

[4]. Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXBCTQG, Hà Nội, t.3, tr.631

[5],[9]. Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXBCTQG, Hà Nội, t.10, tr.479. tr 458

[7]. Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXBCTQG, Hà Nội, t.11, tr.600

[8]. Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXBCTQG, Hà Nội, t.6, tr.232

[10],[11],[13], [15],[16],[17]. Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn kiện ĐHĐBTQ lần thứ XIII, NXBCTQG, Hà Nội, 2021, t.1, Tr.47, tr 231, tr 143, tr 80, tr 118, 147

[12]. Nguyễn Phú Trọng, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr 60

[14]. Hội đồng lý luận Trung ương, Những điểm mới trong các văn kiện đại hội XIII của Đảng, NXBCTQG, Hà Nội, tr 94.

TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM "DÂN LÀ GỐC" TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN THỊ CHÍNH
Khoa Nhà nước và pháp luật

Từ khi ra đời cho đến nay, Đảng ta luôn nhất quán quan điểm *"dân là gốc"*. Tư tưởng này ngày càng được bổ sung cụ thể, rõ ràng và hoàn thiện hơn qua các kỳ đại hội. Đặc biệt, tại Đại hội XIII, Đảng ta đã rút ra bài học: *"Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm "dân là gốc"; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; kiên trì thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân"*[1]

Trong phạm vi *bài viết này, để làm rõ thêm nội hàm "dân là gốc"* theo quan điểm của Đại hội XIII, chúng ta cần tiếp cận qua các nội dung sau:

Thứ nhất, trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm "dân là gốc".

"Dân là gốc" nghĩa là Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của đất nước, mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều phải xuất từ tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, vì lợi ích của Nhân dân và do Nhân dân bàn bạc, tham gia, Nhân dân kiểm tra, giám sát, Nhân dân thụ hưởng, vì hạnh phúc của Nhân dân. Bộ máy của Nhà nước được thiết lập thông qua dân chủ trực tiếp do Nhân dân bầu ra như kỳ bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Mặt khác, *"dân là gốc"* nghĩa là các cơ quan nhà nước phải hướng mọi hoạt động của mình để phục vụ Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân. Tất cả cán bộ, nhân viên trong bộ máy nhà nước đều là công bộc của Nhân dân. Các cơ quan nhà nước phải chăm lo, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Dựa vào dân chính là thể hiện tư tưởng lấy *"dân là gốc"*.

Thứ hai, tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã bổ sung một nội dung mới quan trọng, đó là *"dân giám sát, dân thụ hưởng"*, với phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*. Dân thụ hưởng là đích cuối cùng, mục tiêu cao nhất của một nhà nước vì dân, thể hiện rõ nét qua các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, chăm lo đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, những đối tượng chính sách, người yếu thế. Điều này cho thấy, Đảng ta luôn chú trọng đặt quyền lợi của người dân vào trung tâm các quyết sách, đường lối của mình với mục đích cuối cùng là người dân được thụ hưởng thành quả. Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta đã nhấn

mạnh đến việc thụ hưởng của người dân: *"Lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu"*. Đây là lần đầu tiên mục tiêu này được đưa vào văn kiện của Đảng.

Để làm rõ vấn đề trên, chúng ta bắt đầu từ phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*. Tại Đại hội VI của Đảng (tháng 12/1986) Đảng ta đã đề ra cơ chế *"Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"*, đồng thời khẳng định *"thực hiện có nền nếp khẩu hiệu dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*. Tuy nhiên, việc thực hiện trên còn nhiều hạn chế. Việc dân được kiểm tra ai, kiểm tra như thế nào gặp nhiều lúng túng. Cho đến Đại hội VIII (tháng 6/1996), Đảng ta đề ra nhiệm vụ: *"Xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"* đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước". Tiếp đó, Bộ Chính trị khóa VIII đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW *"Về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở"*, trong đó nêu rõ *"thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp ở cơ sở để nhân dân bàn bạc và quyết định trực tiếp những công việc quan trọng thiết thực, gắn liền với lợi ích của mình"*. Thực hiện chủ trương này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998, sau đó là Nghị định 79/2003/NĐ-CP ngày 7/7/2003 *"Về quy chế thực hiện dân chủ ở xã"*; Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 8/9/1998 *"Về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan"*; Nghị định số 07/1998/NĐ-CP *"Về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp Nhà nước"*. Sau một thời gian thực hiện, năm 2007, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh số 34/2007/PL/UBTVQH *"Về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn"*; Như vậy, cùng với hình thức dân chủ đại diện, Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị, các nghị định của Chính phủ, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lần đầu tiên, người dân thực hiện các hình thức dân chủ trực tiếp ở cơ sở một cách đồng bộ với những quy định, quy chế được chính người dân ở cơ sở xây dựng và thực hiện. Như vậy là sau 12 năm (từ năm 1986 đến năm 1998), phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"* thực sự đi vào cuộc sống khi Nhà nước ban hành cơ chế, quy định cụ thể để người dân thực hiện quyền dân chủ trực tiếp trong việc được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra.

"Dân kiểm tra" là một trong những nội dung rất cần thiết và quan trọng, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân trong công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Trong các tổ chức đảng đều có ủy ban kiểm tra các cấp làm công tác kiểm tra, kỷ luật đối với các tổ chức, cấp ủy đảng, với tất cả đảng viên. Kiểm tra là xem xét tình hình thực tế để đánh giá, nhận xét. Còn giám sát là theo dõi và kiểm tra xem có thực hiện đúng những điều quy định hay không. Như thế, quyền giám sát bao gồm cả quyền kiểm tra và rộng hơn cả kiểm tra. Tuy nhiên giữa kiểm tra và giám sát có quan hệ biện chứng với nhau, trong kiểm tra có giám sát, trong giám sát có kiểm tra.

Khái niệm *"Dân thụ hưởng"* nghĩa là người dân có quyền được thụ hưởng những thành quả của sự phát triển cả về vật chất lẫn tinh thần. Về nguyên tắc, thụ hưởng luôn gắn quyền và nghĩa vụ song hành. Tuy nhiên, có một bộ phận không có sự đóng góp trực tiếp nhưng vẫn được Nhà nước trợ giúp thường xuyên như người già, trẻ em, người không nơi nương tựa... điều đó càng cho thấy sự nhân văn của chế độ ta. Đồng thời, khi người dân được thụ hưởng, được thỏa mãn các lợi ích

chính đáng, sẽ tạo thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy mọi người hăng hái cống hiến, đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển của xã hội. Có thụ hưởng thì sẽ có cống hiến và ngược lại khi họ cống hiến thì sẽ được thụ hưởng những thành quả từ sự cống hiến ấy. Điều này cũng nhất quán và phù hợp với quan điểm của Đảng ta đề ra ngay trong những năm đầu thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước.

Thứ ba, mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng.

Mọi chủ trương, chính sách đúng đắn, xuất phát từ nguyện vọng của Nhân dân thì Nhân dân sẵn sàng ủng hộ và tham gia tích cực từ đó sẽ tạo nên sức mạnh to lớn để xây dựng Đảng, thực hiện thắng lợi mọi mục tiêu đưa ra.

Thứ tư, thắt chặt mối quan hệ mật thiết với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *"Trong bầu trời không gì quý bằng Nhân dân. Trong thế giới, không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân"*. Nhân dân là lực lượng vô tận của cách mạng và là nhân tố tạo nên thắng lợi của cách mạng. Chính vì vậy, việc thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân trong bất kỳ giai đoạn nào luôn được coi trọng và ngày càng được củng cố, tăng cường. Để làm được điều đó, trước hết phải thực hiện nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng một cách toàn diện để Đảng luôn là lực lượng tiên phong bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân và của cả dân tộc. Đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, làm trong sạch bộ máy của Đảng và Nhà nước, đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tăng cường cung cấp các thông tin chính thống từ phía các cơ quan Đảng để nhân dân nắm bắt thông tin kịp thời, chính xác và trách nhiệm tiếp thu, trách nhiệm giải trình của cá nhân, tổ chức được giao nhiệm vụ trước nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương, giải quyết yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân; tăng cường quy định về dân chủ trong Đảng và chế độ trách nhiệm đối với nhân dân; củng cố lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở để nhân dân phát huy vai trò làm chủ của mình. Việc nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền với các hình thức phù hợp; giám sát, góp ý kiến từ khâu xây dựng chủ trương, chính sách đến tổ chức thực hiện và sử dụng kết quả là điều kiện quan trọng để tăng cường mối quan hệ giữa dân với Đảng.

Thứ năm, lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

Dân giàu có thì nước mới mạnh, nước có mạnh thì người dân mới được hưởng ấm no, hạnh phúc. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

Thứ sáu, củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Niềm tin của Nhân dân chỉ có thể được củng cố trên cơ sở nhiều yếu tố, nhiều điều

kiện, nhưng trước hết và trên hết phụ thuộc vào chính hiệu quả công tác xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng. Đảng phải thật sự trong sạch, vững mạnh, có như vậy dân mới tin Đảng và chế độ. Phải làm cho Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng; chặt chẽ, hợp lý về tổ chức, bộ máy; nghiêm khắc về kỷ luật, kỷ cương; có đủ năng lực lãnh đạo nhân dân trong công cuộc xây dựng đất nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Đảng phải xây dựng, rèn luyện, lựa chọn một đội ngũ cán bộ có đức, có tài, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Việc bố trí sử dụng cán bộ trong bộ máy Đảng và hệ thống chính trị phải được kiểm tra, giám sát chặt chẽ về quyền lực, trách nhiệm công vụ và thái độ phục vụ nhân dân, cùng với chế độ đãi ngộ xứng đáng. Kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, xa dân. Kiên quyết loại ra khỏi hàng ngũ của Đảng những kẻ thoái hóa, biến chất, những cán bộ không trung thực, nói không đi đôi với làm. Kiên quyết xử lý kỷ luật những cán bộ, đảng viên cố tình vi phạm, làm trái với quy định của Nhà nước trong quản lý, điều hành. Bên cạnh đó, phải nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, bởi vì đó chính là chiếc cầu nối liền Đảng với dân. Dân có tin Đảng hay không, mối quan hệ giữa Đảng với dân có mật thiết hay không phụ thuộc rất lớn vào các tổ chức cơ sở Đảng. Dân chỉ tin Đảng và thật sự theo Đảng khi trong hoạt động thực tiễn, các tổ chức Đảng và đảng viên ở cơ sở thật sự là tấm gương sáng để Nhân dân noi theo. Đảng phải giữ gìn mối quan hệ mật thiết với Nhân dân, tin dân, thực hiện dân chủ thực chất, dựa vào dân và phát huy bằng được vai trò của dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Để hiện thực hóa những nội dung trên, chúng ta cần thực hiện những giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức cấp ủy đảng, chính quyền trong quán triệt tư tưởng lấy *"dân là gốc"*. Phát huy trách nhiệm của những người đứng đầu, xuống với dân, bàn bạc trực tiếp với dân, đối thoại với dân để lắng nghe, để thấu hiểu, để thấu cảm, để giải quyết những vướng mắc, những khó khăn của Nhân dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của dân, chăm lo dân quyền, dân sinh, dân trí, dân chủ và thực hành dân vận.

Hai là, hoàn thiện hệ thống chính sách để thực hiện tốt tư tưởng lấy *"dân là gốc"*, chính sách phải cụ thể, đi vào từng khía cạnh thiết thực của Nhân dân.

Ba là, tuyên truyền, giáo dục Nhân dân để họ hiểu và thực hiện tốt tư tưởng này. Nhân dân phải nắm vững được họ có quyền và nghĩa vụ phải làm gì và làm như thế nào, trách nhiệm của họ đối với Nhà nước trong thực hiện tư tưởng *"dân là gốc"*.

Bốn là, đánh giá, tổng kết rút ra những bài học kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn, nhân rộng những mô hình hay, việc làm tốt, thiết thực có ý nghĩa trong thực tế.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, vị trí và quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, trên tinh thần "Dân là gốc của nước, nước lấy dân làm gốc" sẽ là động lực để "khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc" thực hiện thắng lợi các mục tiêu gắn với những mốc son lịch sử trọng đại của dân tộc như Đại hội XIII đã đề ra./.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.96-97.

CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ, NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở TỈNH QUẢNG TRỊ HIỆN NAY

ThS. LÊ THỊ TƯỜNG ANH
Khoa Nhà nước và pháp luật

Cải cách chế độ công vụ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để đột phá trong cải cách hành chính. Cải cách công vụ, công chức là nội dung quan trọng, có vai trò quyết định sự thành công của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước với mục tiêu xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Trong những năm qua cải cách chế độ công vụ, công chức tỉnh Quảng Trị được triển khai tích cực, có trọng tâm trọng điểm và đã đạt được những kết quả như sau:

Thứ nhất, về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Thực hiện Quyết định số 2065/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ về phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 về phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 03/02/2017 về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm và số người làm việc đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực đã được phê duyệt, việc tuyển dụng, sử dụng, bố trí cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức thực hiện chặt chẽ, thuận lợi và đảm bảo đúng quy định. Việc xây dựng vị trí việc làm, giao biên chế, số người làm việc theo vị trí việc làm đã kịp thời phát hiện những công việc bị bỏ sót hoặc chồng chéo về nhiệm vụ giữa các cơ quan, các phòng, ban, giữa các vị trí việc làm; thấy rõ độ phức tạp của từng công việc, để có kế hoạch sắp xếp, bố trí biên chế phù hợp; bước đầu làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, bồi dưỡng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức được thực hiện một cách khoa học, chính xác.

Thứ hai, việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Công tác tuyển dụng, quản lý và sử dụng công chức, được thực hiện theo đúng quy định. Việc bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và theo đúng phân cấp quản lý cán bộ hiện hành. UBND tỉnh cũng đã tích cực triển khai đề án thí điểm thi tuyển để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, tổ chức thi tuyển chức danh Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư, thi tuyển các chức danh hiệu trưởng và phó hiệu trưởng các trường học trên địa bàn toàn tỉnh.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản như quy định về quản lý các chức danh cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và người quản lý doanh nghiệp nhà nước tỉnh Quảng Trị; đề án quy định số lượng cấp phó của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và quy định về số lượng cấp phó của các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố. Sở Nội vụ tỉnh đã ban hành văn bản thống nhất số lượng, chức danh

để các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện đề án thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên và chuyên viên chính; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II, tiểu học hạng II; Xây dựng đề án tổ chức thi thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng II. Thực hiện bổ nhiệm ngạch và chuyển xếp lương cho giáo viên cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định

Để giải quyết tình trạng dôi dư, thừa thiếu giáo viên, nhân viên tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc các huyện, thị xã, thành phố và đảm bảo đủ số lượng, ổn định chỉ tiêu người làm việc và cân đối về cơ cấu đội ngũ theo quy định, Sở Nội vụ đã thông báo chỉ tiêu điều động giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu giữa các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh với chỉ tiêu cho năm học 2021-2022.

Thứ ba, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ luôn được chú trọng thực hiện, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025 (tại Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 31/3/2021) và tại Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 26/3/2021); xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đại biểu HĐND các cấp nhiệm lỳ 2021-2026; xây dựng đề án thu hút, đãi ngộ, đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2026.

Thứ tư, về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức. Công tác quản lý, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức đã được thực hiện chặt chẽ, dân chủ và khách quan. Tỉnh tiếp tục triển khai hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện đánh giá theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ kết hợp với vận hành và sử dụng phần mềm đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức tỉnh bảo đảm khách quan, công bằng và giúp cho các cơ quan, đơn vị thuận tiện trong việc quản lý, lưu trữ thông tin, dễ dàng tra cứu và tiết kiệm chi phí. Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm đã được tổng hợp và báo cáo Bộ nội vụ theo đúng quy định

Thứ năm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng cao. Đến nay, các cơ quan, đơn vị đều thực hiện nghiêm túc trong việc chấp hành giờ giấc làm việc, tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng và hiệu quả công việc ngày càng được nâng cao.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực tế cũng cho thấy, trong quá trình cải cách chế độ công vụ của tỉnh Quảng Trị gặp không ít khó khăn, thách thức: Nhiều chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, Nhà nước chậm thể chế hoá về mặt pháp luật nên làm cho cơ sở khó triển khai thực hiện như: Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ nhưng đến năm 2017 Chính phủ mới ban hành Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Một số cơ quan, đơn vị công tác quy hoạch chưa được thực hiện và rà soát, bổ sung thường xuyên. Vẫn có tình trạng bổ nhiệm lại cán bộ thiếu kịp thời, muộn so với quy định. UBND tỉnh đã phân cấp tuyển dụng cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Việc phân cấp đã tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị chủ động hơn trong công tác tuyển dụng, sử dụng và bố trí viên chức. Tuy nhiên, việc tuyển dụng viên chức của một số đơn vị đôi khi còn chậm, thiếu chặt chẽ. Việc tổ chức quán triệt để nâng cao nhận thức và tầm quan trọng về công tác nhận xét, đánh giá cán bộ của một số cơ quan, đơn vị, địa phương, tập thể, cá nhân lãnh đạo còn hạn

chế. Việc đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của một số cơ quan, đơn vị thực hiện chưa thực sự đúng thực chất, còn cả nể nên ảnh hưởng đến việc thực hiện tinh giảm biên chế. Một số đơn vị chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa công tác đào tạo, bồi dưỡng với công tác quy hoạch cán bộ và có khi còn chưa thực sự tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức đi học. Cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên của các cơ sở đào tạo trong tỉnh mặc dù đã được tăng cường, bổ sung nhưng so với yêu cầu hiện nay vẫn chưa đáp ứng đầy đủ theo nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: "Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức". Đồng thời, để khắc phục những hạn chế trong quá tình triển khai cải cách chế độ công vụ, công chức thời gian qua, tỉnh Quảng Trị cần có những giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển chung đất nước và của Tỉnh. Đến năm 2030, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển chung của đất nước, của tỉnh.

Thứ hai, thực hiện đề án đào tạo cán bộ kế cận theo địa chỉ. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong và ngoài nước theo nhu cầu công việc và vị trí việc làm; nâng cao đạo đức công vụ thông qua tuyên truyền, bồi dưỡng, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực thi công vụ. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực; Xây dựng cơ chế cho hoạt động đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với điều kiện của Tỉnh và yêu cầu hội nhập quốc tế; có chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập và tự học tập, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

Thứ ba, thực hiện có hiệu quả việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả công việc, có cơ chế đủ mạnh để cương quyết thay thế kịp thời đối với những cán bộ, công chức, viên chức không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; có cơ chế lương, thưởng, khuyến khích, thu hút những người có trình độ chuyên môn và tay nghề cao; triển khai việc luân chuyển cán bộ, công chức từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã và ngược lại.

Thứ tư, rà soát điều chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị, địa phương làm cơ sở rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu, nhất là bố trí lại những trường hợp không phù hợp với khung năng lực hoặc hiệu quả thấp.

Cải cách công vụ, công chức trên cơ sở chuyển nền công vụ chức nghiệp sang nền công vụ theo vị trí việc làm để xây dựng nền công vụ tiên tiến, chuyên nghiệp và hiện đại, phù hợp với mục tiêu hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế là một cuộc chuyển đổi cơ bản, có tính cách mạng, phải vượt qua nhiều thách thức. Theo đó, xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để họ có đầy đủ phẩm chất, năng lực mới theo yêu cầu của một nền công vụ tiên tiến, chuyên nghiệp và hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đất nước./.

KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU TRONG VIỆC GIẢNG DẠY PHẦN HỌC NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 292/QĐ-HVCTQG NGÀY 20/01/2021

ThS. **NGUYỄNTHỊ NHƯ QUỲNH**
Khoa Lý luận cơ sở

Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị nhằm trang bị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở và một số đối tượng khác những kiến thức cơ bản và cần thiết về lý luận chính trị; củng cố, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ lãnh đạo, quản lý; kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó để đáp ứng yêu cầu mới đang là nhiệm vụ cần thiết và cấp bách hiện nay.

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc học tập lý luận chính trị cũng như việc đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị hiện nay, Ngày 21/01/2021, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, hệ Trung cấp lý luận chính trị theo Quyết định số 292-QĐ/HVCTQG (sau đây gọi là Chương trình 292), thay thế Chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính theo Quyết định số 1479/QĐ-HVCTQG ngày 24/01/2014.

Nội dung giáo trình năm 2021 đã được biên soạn lại dựa trên cơ sở kế thừa giáo trình năm 2018, đồng thời cũng có nhiều sự thay đổi về: Dung lượng nội dung bài nhiều hơn do số tiết học được tăng lên; cập nhật những nội dung mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; các bài được xây dựng trên cơ sở một buổi học 04 tiết và không có buổi thảo luận riêng như trước, ¾ thời gian giảng và ¼ thời gian thảo luận.

Qua thời gian giảng dạy các lớp theo chương trình mới, trong phạm vi bài viết này, bản thân rút ra một số kinh nghiệm trong giảng dạy phần học Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật duy vật lịch sử:

Thứ nhất, về mặt giáo trình, có những bài Học viện biên soạn rất kỹ, viết khá dài, tỉ mỉ về nội dung nhưng đồng thời có những bài lại biên soạn rất cô đọng, khái quát (chẳng hạn Bài 8: Giai cấp và đấu tranh giai cấp, Bài 9: Nhà nước và Cách mạng xã hội, mỗi bài chỉ khoảng 8 trang nhưng thời lượng lên lớp là 8 tiết). Vì vậy, giảng viên cần lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp để tránh việc nói lại giáo trình.

Thứ hai, về nội dung chương trình mới khá nhiều, các bài lại liên quan kiến thức với nhau nên đòi hỏi giảng viên cần đầu tư nhiều thời gian cho việc nghiên cứu bài giảng để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Thứ ba, chương trình mới không có thời gian tự học, học viên sẽ học liên tục và thi hết phần học ngay nên giảng viên cần sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy lồng ghép để tạo hứng thú cho học viên, nhằm gắn lý luận với thực tiễn sinh động, tránh sự khô cứng, nhàm chán.

Thứ tư, chương trình mới không có buổi thảo luận riêng như trước đây nên vẫn còn tình trạng phân bổ thời gian trao đổi vào thuyết trình chưa phù hợp, còn mang tính tự phát, dễ rơi vào tình trạng dành nhiều thời gian cho thảo luận hoặc thuyết trình.

Như vậy, trên đây là một số kinh nghiệm của bản thân trong quá trình thực hiện chương trình mới theo Chương trình 292. Để tiếp tục thực hiện tốt chương trình Trung cấp lý luận chính trị theo Chương trình 292 ở Trường

Chính trị Lê Duẩn theo tôi cần thực hiện một số giải pháp như sau:

Một là, đối với việc biên soạn giáo trình có bài quá chi tiết, có bài quá gọn nên yêu cầu giảng viên cần phải biết cách triển khai vấn đề, từ những nội dung chính trong giáo trình, giảng viên cần phân tích, tìm nhiều dẫn chứng để chứng minh; giảng viên cần đầu tư nguồn tư liệu về thực tiễn phong phú, sinh động để minh họa cho nội dung lý luận. Chú trọng nội dung hướng dẫn học viên vận dụng lý luận cho thực tiễn công tác, dành thời gian phù hợp cho nội dung về đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Cần phải thực hiện tốt việc lồng ghép Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị vào qua trình giảng dạy. Các thế lực phản động cố gắng chứng minh "tính lỗi thời của học thuyết Mác - Lênin; phủ định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh; phủ nhận con đường xây dựng đất nước của Việt Nam là độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Để làm tốt việc đấu tranh phản bác, giảng viên cần cụ thể hóa nội dung nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch trong từng nội dung bài giảng, hơn thế nữa có thể khai thác các nội dung này thông qua thảo luận. Như vậy dù giáo trình biên soạn dài hay ngắn thì giảng viên vẫn đảm bảo được lượng kiến thức cần truyền đạt và đảm bảo đủ về thời gian lên lớp.

Hai là, đối với nội dung chương trình, nội dung của các bài liên hệ chặt chẽ với nhau, do vậy yêu cầu đặt ra đối với giảng viên cần phải có khối kiến thức liên ngành nhất định về tất cả các môn Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Có được kiến thức liên ngành đó, người giảng viên thêm tự tin trong khi giảng. Hơn nữa rất nhiều vấn đề triết học chỉ có thể được làm sáng tỏ nhờ sự trợ giúp của Kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội hoặc ngược lại. Và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ được làm rõ hơn nếu nắm vững những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, bởi tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Ba là, về phương pháp giảng dạy, do số buổi học liên tục, không có buổi thảo luận riêng như trước đây, các buổi học và thảo luận đan xen trong quá trình học nên giảng viên cần đầu tư phương pháp thích hợp. Giảng viên chỉ thuyết trình thì học viên sẽ nhàm chán, nhưng nếu đặt câu hỏi liên tục thì học viên áp lực. Mức độ lồng ghép giữa thuyết trình và trao đổi cần hài hòa. Ngoài ra sau mỗi một phần của bài học, giảng viên có thể thiết kế những câu hỏi trắc nghiệm đơn giản để học viên chọn đáp án, cách làm này rất có hiệu quả trong việc tạo sự tập trung chú ý của cả lớp, kích thích tư duy, đưa học viên vào thế phải tư duy, động não để chọn ra đáp án đúng. Các câu hỏi trắc nghiệm này nên thiết kế thành những slide và trình chiếu để học viên dễ nhìn.

Bốn là, để đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Học viện, giảng viên cần phân bổ thời gian giảng thật chi tiết trong giáo án và đảm bảo theo đúng kế hoạch, soạn giáo án chi tiết với nội dung giảng chiếm ¾, nội dung thảo luận chiếm ¼. Thực hiện tốt việc chuẩn bị giáo án chi tiết sẽ giúp cho giảng viên chủ động trong suốt quá trình giảng, tránh tình trạng chú trọng hoặc bỏ qua những nội dung chính của phần học.

Việc tiếp tục thực hiện tốt chương trình mới theo Chương trình 292 được xem là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của cán bộ, giảng viên Trường Chính trị Lê Duẩn hiện nay. Trong thời gian tới, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, mỗi cán bộ, đảng viên tiếp tục nêu cao tinh thần, trách nhiệm quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy lý luận chính trị./.

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH QUẢNG TRỊ HIỆN NAY

CN. PHẠM XUÂN NGỌC
Khoa Xây dựng Đảng

Công tác phát triển đảng viên là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng nhằm tăng thêm sức chiến đấu và bảo đảm sự kế thừa phát triển của Đảng. Vì vậy, trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta luôn coi trọng công tác phát triển đảng viên, nhất là ở những địa bàn xung yếu, vùng sâu, vùng xa.

Quảng Trị là tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung bộ Việt Nam. Trên địa bàn tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống nhưng có 3 cộng đồng dân tộc chính, dân tộc Kinh (chiếm 91%), dân tộc Bru-Vân Kiều (chiếm 7,1%), dân tộc Tà Ôi-Pa Cô (chiếm 1,7 %). Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị có diện tích tự nhiên là 313.675 ha. Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Quảng Trị có 31 xã, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó: Khu vực I: 1 xã; khu vực II: 2 xã; khu vực III: 28 xã đặc biệt khó khăn. Dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến thời điểm ngày 01/01/2022 là: 45.546 hộ, 192.298 khẩu.

Đảng bộ tỉnh Quảng Trị có 14 đảng bộ trực thuộc (10 đảng bộ huyện, thị xã, thành phố, 01 đảng bộ khối, 03 đảng bộ lực lượng vũ trang); 506 tổ chức cơ sở đảng (255 đảng bộ cơ sở, 251 chi bộ cơ sở); 27 đảng bộ bộ phận. Số lượng đảng viên trong toàn tỉnh đến tháng 6/2022 là 48.511 đảng viên, chiếm 7,3% dân số toàn tỉnh; trong đó, đảng viên là người dân tộc thiểu số là: 3.721 đảng viên, chiếm 7,67% đảng viên toàn tỉnh.

Trong những năm qua, bên cạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở luôn quan tâm chăm lo xây dựng tổ chức đảng, trong đó, đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số. Vì vậy, Tỉnh ủy Quảng Trị đã ban hành các nghị quyết chuyên đề, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, tập trung lãnh đạo các cấp ủy chú trọng tạo nguồn, kết nạp đảng viên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 15/3/2013 về "Tăng cường công tác phát triển đảng viên ở địa bàn, lĩnh vực còn khó khăn và ít đảng viên". Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 07/5/2021 "Về đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong tình hình mới" nhằm tăng cường hơn nữa công tác kết nạp đảng viên, thực hiện tốt mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đặt ra mục tiêu phát triển đảng viên: "*Trong nhiệm kỳ kết nạp*

trên 7.500 đảng viên (bình quân hàng năm đạt trên 1.500 đảng viên" [1]. Với những chủ trương, giải pháp sát, đúng, hiệu quả, cách làm mới phù hợp với thực tiễn đã giúp công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số đạt được nhiều kết quả.

Thứ nhất, về công tác tạo nguồn. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công tác phát triển đảng viên, và trên cơ sở quán triệt các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh. Các cấp ủy lãnh đạo chính quyền, mặt trận và các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, lao động sản xuất, xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư nhằm phát hiện và lựa chọn và bồi dưỡng những hạt nhân tiêu biểu, những gương điển hình tiên tiến tạo nguồn phát triển đảng viên. Đối với các thôn, bản chưa có đảng viên, cấp ủy cấp trên cơ sở cử các đảng viên có kinh nghiệm, am hiểu phong tục của đồng bào về tuyên truyền, bồi dưỡng, giáo dục quần chúng tạo nguồn phát triển đảng viên.

Thứ hai, về thực hiện các thủ tục kết nạp đảng viên.

Trong công tác phát triển đảng viên, các đảng bộ, chi bộ thôn, bản đã thực hiện đầy đủ các bước theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Công tác xác minh lý lịch, lấy ý kiến nhận xét của đoàn thể nơi người vào Đảng sinh hoạt đến việc ra nghị quyết được thực hiện nghiêm túc.

Thứ ba, về số lượng và cơ cấu đảng viên mới kết nạp.

Số lượng đảng viên mới kết nạp là người dân tộc thiểu số của tỉnh đều tăng qua các năm, nhưng không đồng đều; có năm tăng nhưng có năm lại giảm. Năm 2015, số lượng đảng viên mới kết nạp người dân tộc thiểu số là 146 đảng viên, đến năm 2017 là 229 đảng viên, tăng 83 đảng viên; nhưng năm 2020 kết nạp 71 đảng viên; năm 2021 kết nạp mới 102 đảng viên. Dân tộc thiểu số có số lượng đảng viên đông nhất là dân tộc Bru - Vân Kiều, với 2.613 đảng viên, chiếm 5,39% tổng số đảng viên toàn tỉnh; đứng thứ hai là dân tộc Tà Ôi – PaCô với 985 đảng viên, chiếm 2,03%. Các dân tộc còn lại như: Dao, Ba Na, HRê, Thổ, Cơ Tu… chiếm tỷ lệ không đáng kể. Như vậy, các dân tộc có số dân đông như: Bru-Vân Kiều, Tà Ôi-Pa Cô thì cũng có số lượng đảng viên đông tương ứng.

Cơ cấu đảng viên mới kết nạp có chuyển biến tích cực theo hướng trẻ hóa, số lượng đảng viên mới kết nạp từ 18 đến 30 tuổi tăng, giảm qua các năm. Cụ thể: Năm 2015, có 70 đảng viên, đến năm 2017 là 121 đảng viên, năm 2020 là 42 đảng viên, năm 2021 là 52 đảng viên. Tuổi đời bình quân của đội ngũ đảng viên mới kết nạp là người dân tộc thiểu số dưới 30 tuổi.

Thứ tư, về trình độ, năng lực của đảng viên mới được kết nạp.

Về trình độ của đội ngũ đảng viên hiện nay, thực hiện theo Hướng dẫn, quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Qua khảo sát cho thấy, trình độ của đảng viên mới kết nạp đều được nâng lên qua các năm. Nếu như năm 2015, có 101 đảng viên có trình độ trung học phổ thông, trình độ cao đẳng là 38, có 4 đảng viên có trình độ thạc sỹ. Đến năm 2017 có 197 đảng viên có trình độ trung học phổ thông, 103 đảng viên có trình độ đại học, có 42 đảng viên có trình độ thạc sỹ, cao đẳng

có 76 đảng viên; 6 tháng đầu năm 2022, toàn tỉnh kết nạp được 480 đảng viên, trong đó, đảng viên là người dân tộc thiểu số là 43, có 26 đảng viên có trình độ trung học phổ thông, thạc sỹ có 2 đảng viên.

Thứ năm, về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống.

Đảng viên là người dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Trị là những người có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh, gắn bó với nhân dân. Luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, quần chúng nhân dân ở nơi sinh sống chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đội ngũ đảng viên mới kết nạp đã thể hiện được vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của người đảng viên. Một số đảng viên đã được tín nhiệm bầu giữ các chức danh chủ chốt ở xã, trưởng, phó các đoàn thể.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số còn bộc lộ những tồn tại cần được khắc phục như: Công tác tuyên truyền giáo dục chưa thường xuyên và thiếu đồng bộ. Một số chi uỷ, chi bộ và đảng viên được giao nhiệm vụ thực hiện công tác phát triển đảng viên chưa nắm vững nghiệp vụ. Trình độ dân trí nhìn chung còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao; vẫn còn tồn tại những hủ tục, mê tín dị đoan, một số còn vi phạm về kế hoạch hóa gia đình; lực lượng đoàn viên, thanh niên trong các thôn, bản phần lớn đi học và làm ăn xa không có điều kiện để theo dõi, bồi dưỡng, tạo nguồn phát triển, một số còn ngại phấn đấu, chưa tích cực tham gia các phong trào tại địa phương. Do tập tính sinh hoạt, canh tác, một bộ phận nhân dân trên địa bàn các xã còn trông chờ, ỷ lại vào chính quyền, chưa chịu khó lao động, học tập.

Từ thực tiễn công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua, để khắc phục những hạn chế và tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, bản thân xin được đề xuất một số các giải pháp sau:

Một là, cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp cần tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân nhận thức sâu sắc về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; những thành tựu trong sự nghiệp đổi mới, kết quả công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong thời gian qua. Tạo sự tin tưởng, đồng thuận cao trong toàn xã hội, nâng cao ý thức giác ngộ chính trị để đoàn viên, hội viên và quần chúng Nhân dân phấn đấu vào Đảng.

Hai là, xây dựng và thực hiện tốt quy trình kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm của từng đảng bộ, chi bộ. Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch, quy trình là yêu cầu mang tính bắt buộc của các cấp ủy đảng. Kế hoạch phải luôn xác định rõ: Mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu phấn đấu chung của đảng bộ và phải trên cơ sở căn cứ vào nguồn của từng chi bộ để giao chỉ tiêu cụ thể, đề ra các giải pháp tổ chức thực hiện để phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu đã đề ra.

Ba là, phát huy vai trò của cấp ủy trong lãnh đạo chính quyền, mặt trận và các tổ

chức đoàn thể đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước nhằm phát hiện và lựa chọn và bồi dưỡng những hạt nhân tiêu biểu, những gương điển hình tiên tiến tạo nguồn phát triển đảng viên. Đồng thời cần chú trọng tạo việc làm cho đoàn viên, hội viên, hỗ trợ sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ; đẩy mạnh các phong trào xây dựng nông thôn mới.

Bốn là, tăng cường sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên cơ sở đối với công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số. Để nâng cao chất lượng phát triển đảng viên, thời gian tới, Tỉnh ủy, huyện ủy cần xây dựng một nghị quyết riêng về công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, huyện ủy cần chỉ đạo các đảng bộ xã quan tâm đến những chi bộ nhiều năm chưa kết nạp đảng viên, tìm ra hướng để tháo gỡ những khó khăn đó. Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, qua kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện những tổ chức đảng, đảng viên làm sai quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên. Đồng thời biểu dương, nhân rộng cá nhân, tổ chức đảng làm tốt công tác kết nạp đảng./.

Tài liệu tham khảo

[1]. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, trang 163.

[2]. Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Tỉnh ủy Quảng Trị về việc tăng cường công tác phát triển đảng viên ở địa bàn, lĩnh vực còn khó khăn và ít đảng viên.

[3]. Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong tình hình mới.

[4]. Công văn số 301-CV/BTCTU, ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về về hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 07/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỢP TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ GIỮA TỈNH QUẢNG TRỊ VỚI 2 TỈNH SALAVAN VÀ SAVANNAKHET NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

ThS. LÊ THỊ THANH NHẠN
Khoa Xây dựng Đảng

Quảng Trị và 2 tỉnh Savannakhet, Salavan (nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào) là địa phương có chung đường biên giới và có nhiều điểm tương đồng về văn hóa, lịch sử, điều kiện kinh tế - xã hội. Trong những năm qua, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, hợp tác trên lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực giữa tỉnh Quảng Trị và 2 tỉnh Salavan, Savannakhet tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Thực hiện Thông báo số 97/BTCTW ngày 16/5/2007 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác đào tạo cán bộ chính trị giúp CHDCND Lào và Thông báo số 335-TB/TU ngày 2/6/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Trị về tổ chức đào tạo cán bộ chính trị cho 2 tỉnh Salavan và Savannakhet, nước CHDCND Lào; Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Trị giao cho Trường Chính trị Lê Duẩn chủ trì cùng với Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ và các cơ quan liên quan nghiên cứu, khảo sát, xây dựng đề án đào tạo. Tháng 7 năm 2008, Trường Chính trị Lê Duẩn bắt đầu phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành mở lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính đầu tiên cho cán bộ hai tỉnh Salavan và Savannakhet.

Từ năm 2008 đến nay, Trường Chính trị Lê Duẩn đã mở được 11 lớp đào tạo chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính cho 2 tỉnh Salavan và Savannakhet, nước CHDCND Lào với 480 học viên (trong đó có 230 học viên là cán bộ của tỉnh Salavan, 250 học viên là cán bộ của tỉnh Savannakhet) [1]. Kết quả sau gần 15 năm hợp tác đào tạo cán bộ cho 2 tỉnh Salavan, Savannakhet có ý nghĩa, tác dụng to lớn trong quan hệ hợp tác, phát triển giữa hai nước. Cán bộ được đào tạo qua 11 khóa phần đông tuổi đời còn rất trẻ, đang giữ các chức vụ khác nhau ở huyện, tỉnh và được quy hoạch vào vị trí cao hơn. Tuy số lượng cán bộ chưa nhiều nhưng công tác ở các lĩnh vực khác nhau, "cắm rễ" sâu ở các bản, huyện, tỉnh của tỉnh Salavan, Savannakhet là điều kiện thuận lợi cho Quảng Trị trong giao tiếp, quan hệ, nắm bắt thông tin trên tất cả các lĩnh vực, phục vụ tích cực và có hiệu quả trong mối quan hệ toàn diện, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn.

Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị bắt đầu thiết lập quan hệ hữu nghị, hợp tác chính thức với các đối tác nước bạn Lào từ năm 2003 bằng việc ký Biên bản ghi nhớ với Trường Cao đẳng Sư phạm Savannakhet vào ngày 12/07/2003. Từ đó đến nay, nhà trường đã tích cực hợp tác với Trường Cao đẳng Sư phạm Savannakhet và một số cơ quan ban ngành của hai tỉnh bạn thực hiện nhiều chương trình hợp tác đạt kết quả tốt.

Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị đã thực hiện có hiệu quả đề án "Đào tạo giáo viên cho tỉnh Savannakhet và Salavan giai đoạn 2012-2015". Ba tỉnh đã trao đổi giáo viên, liên kết trong đào tạo tiếng Việt, tiếng Lào, công nghệ thông tin, chương trình Cao đẳng sư phạm Âm nhạc, Mỹ thuật. Riêng

năm 2021, Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị đã đào tạo cho tỉnh Salavan, Savannakhet 20 sinh viên có trình độ cao đẳng sư phạm toán - tin; tiếp nhận 50 học viên Lào sang học chương trình Cao đẳng sư phạm âm nhạc, mỹ thuật, giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học; tiếp nhận và đào tạo tiếng Việt cho 50 cán bộ của tỉnh Salavan, Sanvannakhet sang học Trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị Lê Duẩn; khai giảng lớp tiếng Lào cho 32 học viên là cán bộ, công chức của tỉnh Quảng Trị do giáo viên Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh Savannakhet giảng dạy[2].

Nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ y tế hai tỉnh của Lào tiếp tục được thực hiện tốt. Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị trung bình mỗi năm đào tạo 10 lưu học sinh của các tỉnh Salavan, Savannakhet. Công tác tập huấn chuyên môn cho cán bộ phòng dịch được tổ chức theo định kỳ hàng năm.

Ngoài ra, hằng năm, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Trị còn mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ tỉnh Salavan, Savannakhet. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị đã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho một số cán bộ thuộc ngành nông nghiệp của hai tỉnh bạn Lào về phương thức thâm canh tăng năng suất một số loại cây trồng, vật nuôi; cung cấp giống và kỹ thuật trồng lúa nước…

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giữa tỉnh Quảng Trị và tỉnh Salavan, Savannakhet còn gặp một số khó khăn đó là: Một số cơ quan, ban ngành chưa chú trọng, hoặc chưa liên kết chặt chẽ với nhau trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho các tỉnh của nước bạn Lào nên trong quá trình thực hiện có lúc đạt hiệu quả chưa cao. Hầu hết học viên của hai tỉnh khi nhập học đều chưa biết tiếng Việt. Chỉ có khoảng 10% biết giao tiếp cơ bản, trong khi đó cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị rất ít người biết tiếng Lào. Do đó, khó khăn trong giao tiếp là điều tất yếu. Tiếng Lào là một ngôn ngữ đặc thù cho nên tìm được cán bộ phiên dịch đáp ứng yêu cầu trên là hết sức khó. Đa số học viên hai tỉnh của nước bạn Lào sang tỉnh Quảng Trị học tập lần đầu tiên được học những kiến thức mới, những phương pháp mới lại phải học thông qua phiên dịch, nên có không ít khó khăn trong quá trình tiếp thu bài giảng.

Từ kết quả hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giữa tỉnh Quảng Trị với 2 tỉnh Salavan và Savannakhet trong những năm qua, để nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giữa ba tỉnh trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Thứ nhất, tuân thủ nghiêm túc quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chiến lược hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ lý luận cho nước bạn Lào.

Việc hợp tác, giúp đỡ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong công tác đào tạo cán bộ là nhiệm vụ chính trị rất quan trọng, có ý nghĩa to lớn trong việc vun đắp xây dựng, bảo vệ và thắt chặt hơn nữa quan hệ láng giềng, hợp tác toàn diện giữa tỉnh Quảng Trị và Salavan, Savannakhet nói riêng, hai nước Việt Nam - Lào nói chung. Để thực hiện tốt nhiệm vụ đó, trước hết Quảng Trị và hai tỉnh bạn cần thực hiện tốt các thỏa thuận, cam kết đã ký kết giữa ba tỉnh, trọng tâm là thực hiện hiệu quả nội dung thỏa thuận cấp cao về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giữa tỉnh Quảng Trị và tỉnh Salavan, Savannakhet giai đoạn 2022-2024. Tiếp tục thực hiện tốt thông báo số số 97/BTCTW ngày 16-5-2007 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ giúp CHDCND Lào

và Thông báo số 335-TB/TU ngày 26/6/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Trị về tổ chức đào tạo lý luận chính chị cho cán bộ hai tỉnh Salavan và Savannakhet.

Thứ hai, coi trọng và tăng cường quan hệ phối hợp giữa các cơ quan liên quan, có sự phân công, phân nhiệm rạch ròi giữa các cơ quan trong quá trình đào tạo theo sự chỉ đạo thống nhất cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Thực tế cho thấy, trong thời gian qua Quảng Trị đã làm rất tốt vấn đề này. Để công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho nước bạn Lào có hiệu quả hơn, trong thời gian tới Quảng Trị nên xây dựng quy định hoặc hướng dẫn về cơ chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh Salavan, Savannakhet. Với sự phân định nhiệm vụ, thời gian, lộ trình cụ thể cho từng đơn vị, công tác tổ chức các lớp học sẽ khoa học và đạt hiệu quả cao hơn. Bên cạnh đó, các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh cần đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo, có định hướng thích hợp bằng việc xây dựng kế hoạch đào tạo gắn với sử dụng; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt, các ngành, lĩnh vực mà bạn có nhu cầu.

Thứ ba, nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Việt cho học viên 2 tỉnh Salavan, Savannakhet đáp ứng đủ điều kiện trước khi tiếp nhận vào đào tạo về chuyên môn, chính trị, quản lý, khoa học… tại các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Cần phải tăng thời gian học tiếng Việt của học viên và tiến tới có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tiếng Lào cho một số cán bộ, giảng viên hoặc tuyển mới cán bộ biết tiếng Lào để chủ động hơn trong công tác phiên dịch.

Thứ tư, nâng cao chất lượng giảng dạy gắn với đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng trình độ của giảng viên, phiên dịch viên trong quá trình dịch giảng.

Thực tế cho thấy, một số ít bài giảng chất lượng giảng dạy chưa cao do phương pháp truyền đạt của giảng viên chưa phù hợp, thiếu kinh nghiệm; một số thuật ngữ chuyên ngành phiên dịch viên chưa dịch sát nghĩa. Những hạn chế đó đều ảnh hưởng tới quá trình đào tạo. Do đó cần có sự điều chỉnh trong phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng, trình độ của phiên dịch viên, sự phối hợp nhịp nhàng giữa người giảng viên và phiên dịch viên để nâng cao chất lượng giảng dạy của một bài giảng.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII (10-2020) trên cơ sở đánh giá quan hệ hữu nghị, hợp tác với tỉnh Salavan, Savannakhet của nước bạn Lào ngày càng củng cố và phát triển đã nêu rõ nhiệm vụ hợp tác trong giai đoạn mới là: *"Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt với các tỉnh của nước bạn Lào có chung* đường biên giới"[3]. Những kết quả đạt được trên lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nói trên đã góp phần quan trọng trong việc tiếp tục vun đắp mối quan hệ vĩ đại, tình đoàn kết đặc biệt của hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước. Với truyền thống tốt đẹp lâu đời giữa ba tỉnh và những thế mạnh trong quan hệ giữa hai bên, chắc chắn quan hệ giữa Quảng Trị và Salavan, Savannaket sẽ được tăng cường và cũng cố hơn nưa trong thời gian tới./.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho nước CHDCND Lào của Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị

[2]. Quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, Quảng Trị - Savannakhet từ năm 1930 đến nay, tr.116.

[3]. Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tr.82.

CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH BỔ NHIỆM HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thực hiện Quyết định số 769-QĐ/TU ngày 16/09/2022 của Tỉnh ủy Quảng Trị, ngày 19/9/2022, tại Trường Chính trị Lê Duẩn, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị công bố Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị đối với đồng chí Dương Hương Sơn.

Dự và chủ trì Hội nghị có đồng chí Nguyễn Đăng Quang - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Phan Văn Phụng - UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy; cùng các đồng chí đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh cùng toàn thể cán bộ, viên chức Nhà trường. Đến dự và đưa tin Hội nghị có phóng viên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng trị.

Phát biểu tại lễ công bố quyết định chức vụ Hiệu trưởng, đồng chí Nguyễn Đăng Quang - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đã phát biểu giao nhiệm vụ cho đồng chí Dương Hương Sơn, đồng chí đặt niềm tin sâu sắc đối với đồng chí Hiệu trưởng mới sẽ phát huy được những thế mạnh, bề dày truyền thống của nhà trường, từng bước khắc phục những khó khăn đưa hoạt động của nhà trường ngày một đi lên, đặc biệt là nhiệm vụ xây dựng trường chính trị chuẩn theo quy định của Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Đồng chí Dương Hương Sơn - Hiệu trưởng nhà trường phát biểu nhận nhiệm vụ đã nghiêm túc tiếp thu ý kiến chỉ đạo và những lời dặn dò tâm huyết của đồng chí Nguyễn Đăng Quang - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng chí xin hứa sẽ cùng tập thể cấp ủy, Ban Giám hiệu, lãnh đạo chủ chốt Nhà trường luôn đoàn kết, quyết tâm phấn đấu vượt qua khó khăn, tiếp tục chuẩn bị về mọi mặt để xây dựng nhà trường ngày càng phát triển, mà trước hết là nhiệm vụ xây dựng Nhà trường đạt trường chính trị chuẩn mức độ 1 trong thời gian tới.

CÁC CHI BỘ TRỰC THUỘC ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ 2022 - 2025

Thực hiện Kế hoạch số 21-KH/ĐU ngày 28/4/2022 của Đảng ủy Trường Chính trị Lê Duẩn về tổ chức Đại hội các chi bộ trực thuộc nhiệm kỳ 2022-2025, từ ngày 27 đến ngày 29 tháng 7 năm 2022, các chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2022 - 2025.

Sáng ngày 27/7/2022, Chi bộ Liên Khoa đã tổ chức Đại hội chi bộ điểm; 28/7/2022 Chi bộ Đào tạo - Khoa học; 29/7/2022 Chi bộ Hành chính tiến hành Đại hội. Với tinh thần làm việc nghiêm túc, dân chủ và sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Đảng ủy Nhà trường, đại hội các chi bộ đã thông qua báo cáo chính trị của chi bộ nhiệm kỳ 2020-2022 trình tại đại hội. Báo cáo của các chi bộ đã đánh giá toàn diện những thành quả, điểm mạnh, điểm yếu và rút ra bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện nghị quyết của chi bộ nhiệm kỳ qua, đồng thời, thảo luận và thông qua phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà đại hội các chi bộ nhiệm kỳ 2022-2025 đã đề ra.

Đại hội các chi bộ cũng đã nghiêm túc, dân chủ xem xét lựa chọn những đảng viên tiêu biểu, có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ, kinh nghiệm và năng lực công tác để bầu vào Chi ủy và các chức danh Bí thư,

Phó Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2022 - 2025. Kết quả cụ thể như sau:

1. Chi bộ Liên Khoa

Đ/ c Ngô Thị Thu Hà, Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Hiệu trưởng, được Đại hội tín nhiệm bầu làm Bí thư;

2. Chi bộ phòng Hành chính

Đ/c Trần Đức Dương, ĐUV - Phó Trưởng phòng TC,HC,TT,TL, được Đại hội tín nhiệm bầu làm Bí thư;

3. Chi bộ Đào tạo - Khoa học

Đ/c Nguyễn Thị Hồng Sâm, ĐUV - Trưởng phòng Đào tạo và Nghiên cứu khoa học, được Đại hội tín nhiệm bầu làm Bí thư.

Kết thúc Đại hội, toàn thể đảng viên của các chi bộ nhất trí thông qua nghị quyết và quyết tâm hoàn thành các nhiệm vụ chính trị mà Đảng ủy Nhà trường giao phó trong nhiệm kỳ 2022 - 2025.

HỘI THI GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ GIỎI KHU VỰC II (MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN) NĂM 2022

Thực hiện sự chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy Quảng Trị về việc giao nhiệm vụ cho Trường Chính trị Lê Duẩn xây dựng kế hoạch và tổ chức Hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi năm 2022, đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương.

Từ 28 đến 31/8/2022, Đoàn tỉnh Quảng Trị do đồng chí Ngô Thị Thu Hà - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn làm Trưởng đoàn, cán bộ, giảng viên Nhà trường tham gia phục vụ cùng các đồng chí lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, lãnh đạo và chuyên viên các phòng chuyên môn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; lãnh đạo, giảng viên, chuyên viên của Ban Tuyên giáo, Trung tâm Chính trị các huyện Gio Linh, Vĩnh Linh và 2 thí sinh tham dự Hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi khu vực II (Miền Trung-Tây Nguyên) năm 2022 với sự tham gia của 35 thí sinh đến từ 18 tỉnh, thành phố trong khu vực: Bình Định, Đà Nẵng, Quảng Trị, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Hà Tĩnh, Khánh Hòa, Kon Tum, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Nghệ An, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa.

Phát biểu bế mạc Hội thi, đồng chí Lê Hải Bình, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Trưởng ban Tổ chức Hội thi nhấn mạnh: Hội thi là dịp để đánh giá đúng thực trạng năng lực đội ngũ giảng viên chuyên trách, từ đó, xác định các giải pháp phù hợp, hiệu quả nhằm tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác giáo dục lý luận chính trị, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Kết thúc Hội thi, Ban Tổ chức đã trao 01 giải Nhất; 03 giải Nhì, 06 giải Ba và 25 giả Khuyến khích cho các thí sinh tham gia Hội thi. Đặc biệt, đoàn Quảng Trị có hai thí sinh đã đạt thành tích cao nhất của Hội thi, cụ thể: đồng chí Lê Thị Tuyết Nhung - Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện Gio Linh đạt giải Nhất; đồng chí Lê Phan Ngọc Chi - Giảng viên Trung tâm Chính trị huyện Vĩnh Linh đạt giải Nhì.

GIAO LƯU VÀ TRAO TẶNG TẠP CHÍ CỬA VIỆT CHO HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ LÀO KHÓA XI TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

Kỷ niệm 60 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào (5/9/1962-5/9/2022), 45 năm Ngày ký kết Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào (18/7/1977-

18/7/2022), Năm "Đoàn kết Hữu nghị Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 2022. Ngày 5/9/2022, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Tạp chí Cửa Việt đã tổ chức Giao lưu và trao tặng Tạp chí "Chung dãy Trường Sơn" cho học viên Lớp Trung cấp Lý luận chính trị Lào khóa 11 đang học tại Trường Chính trị Lê Duẩn.

Đến dự có đồng chí Nguyễn Hoàn, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; đồng chí Đoàn Phương Nam, Tổng Biên tập Tạp chí Cửa Việt; đồng chí Ngô Thị Thu Hà, Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn; đồng chí Dương Hương Sơn, Phó Hiệu trưởng nhà trường; đồng chí Hồ Thanh Thoan, Phó Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh; đồng chí Nguyễn Hữu Thánh, nguyên Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn; đồng chí Hồ Thị Liên, nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Cửa Việt; cùng với cán bộ, viên chức và học viên Lớp Trung cấp LLCT Lào khóa 11.

Hoạt động nhằm góp phần tô thắm thêm tình hữu nghị thủy chung, quan hệ đặc biệt giữa hai nước Việt Nam - Lào nói chung và giữa tỉnh Quảng Trị với 2 tỉnh Salavan và Savannakhet nói riêng.

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN TỔ CHỨC HỘI THẢO KHOA HỌC: "TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 CỦA CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ"

Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2022, Trường Chính trị Lê Duẩn tổ chức Hội thảo khoa học: *"Triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị"*.

Thành phần tham gia Hội thảo khoa học, về phía khách mời: Đồng chí Bùi Thị Hồng Phương, Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị; đồng chí Lâm Công Tuấn, Giám đốc Trung tâm Tin học tỉnh Quảng Trị. Về phía Nhà trường, Chủ trì Hội thảo TS. Dương Hương Sơn, Phó Hiệu trưởng Nhà trường; cùng các đồng chí lãnh đạo các khoa, phòng, toàn thể giảng viên, học viên Lớp đào tạo Trung cấp LLCT khóa ĐT34.

Với bảy tham luận được trình bày tại Hội thảo tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Hội thảo đã làm rõ được hiệu lực, hiệu quả về công tác triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 của cả nước nói chung và trên địa bàn Quảng Trị nói riêng. Trên cơ sở đó, nhằm phổ biến, trang bị những kiến thức về công tác cải cách hành chính vào giảng dạy và học tập, tiếp tục góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam./.

Cấp ủy các chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn nhiệm kỳ 2022-2025. Ảnh: TL

Đồng chí Lê Hải Bình, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Trưởng ban Tổ chức Hội thi trao giải Nhất cho thí sinh Lê Thị Tuyết Nhung, Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Ảnh.TL.

TS. Dương Hương Sơn, Hiệu trưởng cùng đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị tặng hoa chúc mừng học viên lớp TCLLCT Lào khóa XI nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam-Lào (5/9/1962-5/9/2022). Ảnh: TL.